



Quái vật tấn công thuyền cướp biển, tranh trẻ em,
tác giả : Liêm , 7 tuổi, trường song ngữ Đức-Pháp,
Berlin, 3-2006.

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

- | | |
|---|---------------|
| 1 Đại hội X ĐCSVN | Hải Vân |
| 4 Tin tức | |
| 10 Dương Quỳnh Hoa | Lê Hiếu Đằng |
| 11 Đọc « Biển động kinh tế... » | Trần Nam Bình |
| 12 Đọc « Mao, câu chuyện không
được biết » | Trần Hữu Dũng |
| 14 Sổ tay | Phong Quang |

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- | | |
|----------------------------|-----------------|
| 16 Dịch thuật và học thuật | Bùi Văn Nam Sơn |
| 19 Voi Việt Nam | Vĩnh Sính |
| 20 Thanh Tâm Tuyền | Đặng Tiến |
| 23 Cái đẹp nhân tiền | Văn Ngọc |
| 26 Chốn Vắng | Dương Thu Hương |
| 30 Thùa chút hương trời | Đào Vũ Hoài |

*Tho : Thanh Tâm Tuyền (tr. 20-21),
Phan Huyền Thư (tr. 22)*

Đại hội X Đảng cộng sản Việt Nam

Cải cách hệ thống chính trị : vấn đề không có trong chương trình nghị sự

Hải Vân

Cuối tháng hai vừa qua, chính phủ đã cho phô biến dự thảo « luật trung cầu ý dân » - sẽ được quốc hội thảo luận trong kỳ họp cuối năm. Theo văn bản này, thẩm quyền quyết định trung cầu dân ý trong phạm vi cả nước thuộc về quốc hội (nếu hơn 50 % đại biểu tán thành), nội dung đưa ra lấy ý kiến gồm có : những sửa đổi hiến pháp, những vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến cả nước và những vấn đề quan trọng khác theo quyết định của quốc hội ; ở các tỉnh thành, thẩm quyền quyết định thuộc về hội đồng nhân dân với nội dung là những sửa đổi ranh giới của các đơn vị hành chính, những vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến địa phương và những vấn đề quan trọng khác theo quyết định của hội đồng nhân dân. Bản dự thảo còn qui định các lãnh vực *không được đưa ra trung cầu ý dân* : đó không chỉ là các luật thuế và ngân sách, các quyết định đại xá, ân xá, mà còn là các « vấn đề được khẳng định » trong cương lĩnh và nghị quyết đại hội của Đảng cộng sản, và nhất là « *hệ thống chính trị và thể chế chính trị* » của Việt Nam [vietnamnet.vn 15.3.2006].

Cải cách hệ thống chính trị cũng là vấn đề mà Đảng cộng sản không đưa vào chương trình nghị sự của đại hội X sắp đến. Mặc dù vậy, không phải không có bài góp ý với đại hội đi vào vùng cấm ky này, trong đó có các phát biểu công khai trên báo chí trong nước của hai thành viên Ban nghiên cứu của thủ tướng Nguyễn Trung [1] và Trần Đình Bút [2], của nhà doanh nghiệp Nguyễn Quang A [3], luật sư Lê Công Định [4], phó chủ nhiệm văn phòng quốc hội Nguyễn Sĩ Dũng [5] hay nhà toán học Phan Đình Diệu (mà bài phát biểu trước Mặt trận Tổ quốc dường như, đến nay, chưa được công bố).

Các bài viết này, về mặt nào đó, nối lại với cuộc thảo luận tương đối cởi mở về hệ thống chính trị trong thời kỳ đầu của « *Đổi mới* » - với những bài của Trần Xuân Bách

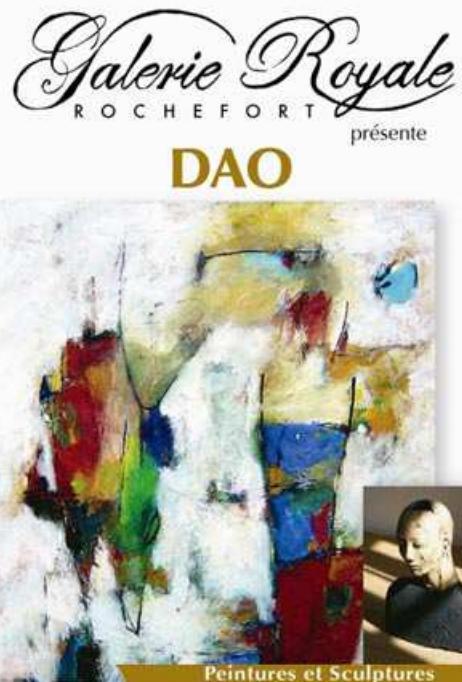
(xem tiếp trang 9)

Tìm đọc tạp chí nghiên cứu và thảo luận

Thời Đại Mới số 7, tháng 3/2006

<http://www.thoidai.org>

với bài của Vũ Quang Việt, Trần Hải Hạc, Trần Hữu Dũng, Ngô Vĩnh Long, Đỗ Tuyết Khanh, Thái Kim Lan, Ngô Thanh Nhàn



Những cuộc triển lãm khác của DAO DROSTE :

- triennale der skulpturen, bad ragaz (CH), 20.5.-31.11.
- fest der kleinskulpturen im alten bad pfäfers, bad ragaz (CH), 21.5.- 31.10. 2006
- schloß neuenbürg, neue bodeninstallation, 27.8.-8.10
xem chi tiết tại <http://www.daodroste.de>

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong
Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đăng Tiên, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Bạn đọc & Diễn Đàn & Bạn

Trên dưới đều chó

Diễn Đàn tháng 2-2006, trang 22, cột 1, ông Nguyễn Dư chép : “Cao Bá Quát mượn chuyện các quan cãi nhau để chửi khéo triều đình Tự Đức :

...Hai bên cãi nhau
Bên này bảo chó
Bên kia cũng chó
Hai bên đều chó
Rồi họ đánh nhau...

(Thái Bạch, Giai thoại văn chương Việt Nam, Xuân Thu tái bản, tr. 108) ”.

Trước khi vào đè (rất ngắn), tôi xin tóm tắt giai thoại :

Thời vua Tự Đức, có hai vị quan lớn trong triều chửi nhau rồi đánh nhau. Khi phân xử, vua biết Cao Bá Quát là người được thấy cảnh đó nên bắt làm nhân chứng. Cao được dịp chửi vua quan, liền khai (xin trích) :

...Thượng bàn hô cầu !
Hạ bàn hô cầu !
Thượng hạ gai cầu.
Luồng tương đầu ầu...

Nghĩa là : Bàn trên gọi chó !
Bàn dưới gọi chó !
Trên dưới đều chó.
Rồi họ choảng nhau.

(Theo Giai thoại văn học Việt Nam, Hoàng Ngọc Phách và Kiều Thu Hoạch, tr. 236).

Tự Đức đọc câu Thượng hạ gai cầu hiểu Cao muốn nói gì nhưng vì đó là lời “thực tướng khai” nên tức mà không thể bắt tội tác giả được.

Thượng hạ gai cầu (Trên dưới đều chó) là câu hay nhất, thâm thuý nhất mà “dịch” thượng hạ là hai bên thì đâu là văn của Chu Thần nữa.

[Cảm ơn quý bạn đã cho đăng bài của tôi (số tháng 1-2006), trong câu thơ của Nguyễn Công Trí có chữ dục đánh làm ra lục nhưng chữ đó không quan trọng, không cần dính chính.]

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

Đoàn Chèo trung ương Việt Nam

trình diễn

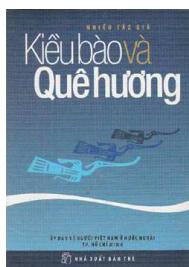
QUAN ÂM THỊ KÍNH

tại THEATRE DU CHATELET
(1 place du Chatelet, PARIS 1er)

thứ hai 24.4 (20g), thứ tư 26.4 (16h),
thứ sáu 29.4 (14g30), thứ bảy 29.4 (14g30)

giữ chỗ : 01 40 28 28 40 (từ 10g đến 19g)

sách mới sách mó



Nhiều tác giả

Kiều bào và Quê hương

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài
TP. Hồ Chí Minh & Nhà xuất bản Trẻ,
2006, khổ 19 x 26 cm, 968 tr, 250 000
VND, 2,5 kg.

Nói công bằng và nói một cách... vị kỉ thì cuốn sách này có ích cho riêng tôi : tìm hiểu về phong trào Việt kiều 1960-2000, tôi có thể tìm thấy trong gần nghìn trang sách này một số thông tin bổ ích. Và dẫu sao, nó cũng tập hợp được hàng trăm bài báo nói về Việt kiều, không phải ở đâu và lúc nào cũng dễ tìm ra. Và một số hồi ký, chất lượng không đồng đều. Thêm đó, phải nhấn mạnh rằng ban biên tập đã "dám" hàm ý "Việt kiều" một cách rộng rãi, nghĩa là khác xa nội dung thường thấy trong các văn kiện của chính quyền và ứng xử hàng ngày. Đối với họ, phải kể là "Việt kiều" : hoàng tử Lý Long Tường (thế kỉ 12), "thuyền nhân" đầu tiên có tên trong lịch sử, rồi đến công chúa Huyền Trân..., Nguyễn Thượng Hiền, Cường Để, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, Lê Hồng Phong... (chỉ cái lối kể tên này cũng thành vấn đề rồi : nó vừa tỏ ra là rộng, vừa hơi bị hẹp).

Ai chờ đợi ở đây một vài bài nghiên cứu thì sẽ thất vọng. Một ví dụ : bài kí tên TS. Trần Trọng Đặng Đàn (tr. 705-722) tựa đề "Người Việt Nam ở nước ngoài đầu thế kỉ XXI : những con số và bình luận về những con số ấy". Hạt nhân của bài này là hai cột con số "kiều dân Việt Nam" ở 108 nước (1 cột 1994-1995, 1 cột 2004-2005). Tổng số (tr.709) được in đậm là 2 643 650 (cột 1), 3 078 143 (cột 2). Đè có được hai tổng số này, tác giả đã cộng các dòng (từng nước). Dòng Pháp : 400 000 (cột 1), 300 000 (cột 2). Tại sao năm 1994-1995 số VK ở Pháp được tính là 400 000, mười năm sau tụt xuống 300 000, có trời biết !!! Với những con số "nghệ sĩ" ấy mà dám cộng tới hàng đơn vị (...143) thì quả là dũng cảm.

Loại sách này phải chăng có mục đích tuyên truyền cho "nghị quyết 36" và đồng thời "xài đõ" ngân sách dùng cho việc tuyên truyền này, song song với những trò hề cải lương ở Quốc Tử Giám ? Số in 1000 (cứ cho là thế), giá thành (cứ cho là 100 000 đ/cuốn), vị chi 100 triệu, khoảng 8000 USD. Chả là bao so với một lần cá độ của ông Bùi Tiến Dũng.

Kiến Văn

Đính chính Trong số 159, tr.43, dòng cuối, có một lỗi đánh máy : tên nhà thơ Phuong Lan xin đọc là **Phuong Lam**. Cũng số 159, tr. 49, dòng 23 từ dưới lên : **vân thạch** xin đọc là **vân thạch**.

Trong số 160, tr.26, trong bài thơ Aragon dòng thứ ba, xin đọc là « *L'autre ressemble d'autant à l'une* ».

ĐĐ trân trọng xin lỗi các tác giả Phuong Lam, Mai Ninh và bạn đọc.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAP

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đè tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đè tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đè tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức

Quan hệ Việt Nam - Campuchia

Nhận lời mời của chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, quốc vương Campuchia Norodom Sihanouk đã đến thăm hữu nghị chính thức VN trong 3 ngày 16-18.3.2006. Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của vua Norodom Sihanouk tới Việt Nam với cương vị quốc vương Campuchia, và cũng là chuyến xuất ngoại lần thứ hai của nhà vua kể từ khi ông lên ngôi vua cha Norodom Sihanouk (từ chức vào tháng 10.2004). Chuyến thăm do đó được hai bên đánh giá là « có ý nghĩa quan trọng đánh dấu một mốc mới trong quan hệ hữu nghị giữa hai nước » và « thúc đẩy hơn nữa những nỗ lực chung của hai nước nhằm củng cố mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài giữa hai nước ». Tháp tùng quốc vương có hoàng thân Norodom Sirivudh, phó thủ tướng Kong Som Ol, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng phụ trách hoàng cung bà Khek M.Caimealy... Quốc vương Sihanouk đã có buổi hội đàm với chủ tịch Trần Đức Lương, hội kiến với thủ tướng Phan Văn Khải và tổng bí thư Nông Đức Mạnh. Ngoài những buổi làm việc, quốc vương và đoàn tháp tùng đã đi thăm các di tích văn hóa tại Hà Nội và vịnh Hạ Long.

Trước chuyến đi này, thủ tướng Phan Văn Khải đã tới thăm Campuchia trong hai ngày 6-7.3 và cũng đã được tiếp kiến với quốc vương Norodom Sihanouk. Chuyến đi của ông Khải được đánh dấu bằng việc ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985. Trong bản Tuyên bố chung nhân chuyến đi, hai thủ tướng Phan Văn Khải và Hun Sen coi việc ký kết này là nền tảng của mối quan hệ gắn bó giữa hai nước và « khẳng định lại quyết tâm thực hiện Hiệp ước nhằm biến đường biên giới Campuchia - VN trở thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác ». Hai bên nhất trí đẩy nhanh việc hoàn thành phân giới cắm mốc theo mục tiêu đã được thỏa thuận trong Hiệp ước bổ sung và Việt Nam đã thỏa thuận giúp Campuchia sản xuất cột mốc biên giới.

Hai Thủ tướng khẳng định hai nước tiếp tục hợp tác chặt chẽ với nhau và với các nước khác trong các cơ chế hợp tác ASEAN, ASEM cũng như trong các khuôn khổ hợp tác tiêu vùng như : Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS), Ủy hội Mê Kông (MRC), Hợp tác hành lang Đông-Tây (WEC), Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế Agiaoad-Chaophaya-Mê Kông (ACMECS) và Hợp tác bốn nước Campuchia-Lào-Mianma-Việt Nam (CLMV). Hai bên cũng nhất trí cùng Lào tích cực thúc đẩy thực hiện Chương trình Tam giác phát triển Việt Nam, Campuchia và Lào...

Ngày 7/3, hai thủ tướng đã đến dự Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Campuchia do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Phnom Penh tổ chức. Phát biểu tại diễn đàn, Thủ tướng Hun Sen hy vọng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước sẽ đạt mức 1 tỷ USD trong những năm tới.

Tại diễn đàn, hai thủ tướng đã chứng kiến lễ ký Thỏa thuận xây dựng khu trung tâm dịch vụ và nhà ở trị giá 40 triệu USD giữa Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5 của Việt Nam và Tổng công ty EVA của Campuchia.

(Tin Wed 8.3, VnExpress và VietNamNet 7, 8, 16.3.2006)

Chủ tịch QH Nguyễn Văn An đi thăm các nước Brazil, Argentina và Venezuela

Chiều 4-3, Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Việt Nam do Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An dẫn đầu đã rời Hà Nội đi thăm ba nước Brazil, Argentina và Venezuela.

Các chuyến thăm diễn ra theo lời mời của Chủ tịch Hạ viện Cộng hòa Liên bang Brazil Aldo Rebelo, Chủ tịch Hạ viện Cộng hòa Argentina Alberto Edgardo Balestrini và Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Venezuela Nicolas Maduro Moros.

Cùng đi với Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An có các Ủy viên Ủy ban Thường vụ QH: Vũ Mão, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của QH; Tráng A Pao, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của QH; Nguyễn Thị Hoài Thu, Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của QH và Bùi Ngọc Thanh, Chủ nhiệm Văn phòng QH.

Tham gia Đoàn còn có các đại biểu QH : Hoàng Trung Hải, Bộ trưởng Công nghiệp; Lê Quốc Trung, Tổng Giám đốc TTXVN, Chủ tịch Nhóm Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam - Mỹ la-tinh; Nguyễn Văn Khả, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của QH; Trần Ngọc Đường, Phó Trưởng ban công tác lập pháp của Ủy ban Thường vụ QH và một số cán bộ thuộc các cơ quan của QH, Bộ Ngoại giao và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Tham gia đoàn còn có 50 nhà doanh nghiệp sản xuất và thương mại thuộc các thành phần kinh tế của Việt Nam.

(TTXVN)

Một công trình tệ hại toàn diện !

Đó là đánh giá của nhà báo Mai Vọng, báo Thanh Niên ngày 22.3 vừa qua, về công trình cầu Văn Thánh 2 - đường Nguyễn Hữu Cảnh (trước là đường Lê Thánh Tôn nối dài) ở TP HCM « nhân dịp » đường lại mới bị một lỗ thủng lớn (dài 1,5m, rộng 1,2m và sâu 1m) đâm 15.3 khi một xe tải từ quận 1 vượt qua hầm chui Văn Thánh để về Bình Thạnh. May mà sự cố xảy ra về đêm vắng, và một anh công an đi qua đã kịp thời lấy một tấm tôn đặt trên lỗ thủng và gọi ngay sở giao thông công chính (GTCC) tới rào chắn chung quanh, nếu không một tai nạn giao thông nghiêm trọng rất có thể xảy ra.

Cầu Văn Thánh 2 khởi công xây dựng từ tháng 1-2000. Cầu dài 83m, rộng 43,7m, hoàn thành vào tháng 12.2001.

Tháng 7.2004, cầu bị phát hiện có hư hỏng cục bộ ở đầu dầm và mố cầu. Tháng 8.2004, Công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam đã lập hồ sơ “công tác sửa chữa khuyết tật cầu”. Tháng 8.2005, Bộ Giao thông vận tải có báo cáo gửi Thủ tướng những nội dung cần xử lý, giải quyết về mặt kỹ thuật như việc khắc phục ngay sự cố đầu dầm và mố cầu, bù lún một số đoạn bị ngập khi triều cường, sửa chữa tường che đê đường dẫn cầu vượt. Ngày 11.10.2005, phát hiện lỗ thủng diện tích 0,5x0,5m trên mặt cầu. Ngày 20.10, UBND TP.HCM và bộ Giao thông vận tải (GTTT) đã họp với các bên liên quan về việc sửa chữa cầu. UBND TP.HCM đồng ý tạm ứng 10 tỉ đồng từ phần vốn còn giữ lại của Tổng công ty Công trình giao thông 6 để thực hiện việc sửa chữa này. Ngày 24.10 bắt đầu sửa chữa cầu và sau 72 ngày thì « hoàn thành ». Trên thực tế, tờ báo cho biết, tuy sở GTCC đã cho thông xe vào ngày 26.1, nhưng đến nay nhiều hạng mục đang sửa chữa dở dang như dọc hai bên thành cầu nên đơn vị thi công dùng những khối bêtông dài phân cách để chặn xe không roi xuống hông cầu. Nhiều hạng mục chưa được sửa chữa như tường chắn dọc hai bên mố cầu, ở cạnh hầm chui cầu Văn Thánh bị nứt nẻ và bị nghiêng sấp đổ đang là hiểm họa cho người dân ở hai bên đường !

Trong ngày thông xe cầu Văn Thánh 2 sau khi sửa chữa, ông Trần Quang Phượng - giám đốc Sở GTCC TP.HCM - nói *lãnh đạo bộ GTVT đã bảo đảm công trình an toàn và tình trạng lún đường chỉ còn kéo dài 2-3 năm, bởi độ lún đường ngày càng giảm nhiều so với trước. 50 ngày sau là lỗ thủng này...*

Bài báo đã dẫn của Mai Vọng cung cấp nhiều thông tin cụ thể về những đo đạc mới đây chứng minh nền đường Nguyễn Hữu Cảnh vẫn tiếp tục lún thêm, và nhắc lại kết quả kiểm định của Viện Khoa học công nghệ xây dựng - bộ Xây dựng (vào thời điểm tháng 5/2004) : trên toàn tuyến đường nền đường bị lún từ 5 đến 100 cm (tùy đoạn)... Một kỹ sư cầu đường nhận định, trên toàn tuyến chỉ có đoạn đầu từ đường Tôn Đức Thắng đến cầu Thị Nghè 2 (phần đường đi qua địa bàn Q.1) là ổn, còn lại đều lún và có khả năng sẽ lún và tiếp tục phải bù lún đến 10 - 15 năm nữa !

Dựa trên đa số đề xuất của các chuyên gia, ngay sau khi có sự cố lỗ thủng lần đầu, UBND Thành phố đã kiến nghị cho thực hiện một giải pháp cẩn co là làm thêm nhịp giữa mố cầu và hầm chui, đồng thời các chuyên gia cũng đề nghị phải đào lén để tìm nguyên nhân chính xác của sự cố thì mới giải quyết được tận gốc. Nhưng lần đó cũng như lần này, tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 (còn gọi là Cienco 6) đều chọn phương án chấp vá là bù lún bằng cách bơm vữa bê tông vào lỗ thủng, vì « nhanh và rẻ nhất ». Dù chính ông Nguyễn Văn Thành, tổng giám đốc Cienco 6, đã biết rằng, theo dự báo của cơ quan chức năng, « với túi bùn dày khoảng 30m nằm bên dưới, độ lún ở đây vào khoảng 3,07m nên việc tiếp tục xảy ra lún ở đây là đương nhiên » !

Có cần nói rõ thêm là, trong 4 đơn vị có liên quan trực tiếp đến dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh, trừ chủ đầu tư là của TP.HCM, còn lại các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn

giám sát và thi công đều thuộc bộ GTVT ? Và, cũng như đối với các dự án làm hỏng cầu đê (nhưng vẫn ăn rất nhiều tiền của) mà PMU 18 ban phát, những sự cố « xây dựng giao thông » đầy rẫy này không hề gây cho ông bộ trưởng Đào Đình Bình một chút nao núng nào. Cái ô ông cầm trong tay tiếp tục che cho ông trên những đoạn đê bùn lầy ngay cả khi trời nắng ?

(Hòa Văn tổng hợp tin báo chí và bình luận)

Áp thuế chống bán phá giá giày dép EU từ 7.4 : Nửa triệu lao động có nguy cơ thất nghiệp

Ngày 23.3.2006, Ủy ban châu Âu (EC) - cơ quan hành pháp của EU - đã bỏ phiếu quyết định chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng giày da nhập khẩu từ Việt Nam và Trung Quốc. EC cho rằng “ *dã xác minh được bằng chứng rõ ràng cho thấy có những sự can thiệp vào lĩnh vực giày dép ở Việt Nam và Trung Quốc, tạo nên một hành động thương mại không công bằng* ”. *“ Chúng tôi không đánh vào lợi thế cạnh tranh tự nhiên của Việt Nam và Trung Quốc, chúng tôi chỉ nhắm vào những hành động thương mại không công bằng ”*, ông Peter Mandelson, chủ tịch Ủy ban Thương mại EU, nhấn mạnh thêm.

Quyết định này là một thành công cá nhân của ông Peter Mandelson vì đã thuyết phục được các thành viên EU nghiêng theo những luận cứ ông đưa ra, trong khi, chỉ một tuần trước đó, chỉ có 3 trong số 25 thành viên EU (Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha) bỏ phiếu tán thành đề nghị của ông Mandelson về việc đánh thuế chống bán phá giá đối với giày xuất khẩu của Việt Nam và Trung Quốc trong phiên họp của Ủy ban chống bán phá giá hôm 16.3.

Theo quyết định này, mức thuế chống phá giá sẽ là 19,4 % đối với giày Trung Quốc và 16,8 % đối với giày Việt Nam. Thời gian áp dụng trong vòng 5 tháng bắt đầu từ mức thuế khởi điểm là 4 %, áp dụng ngay từ tháng 4/2006.

Trung Quốc hiện đang tiếp tục kêu gọi EU xét lại quyết định này, cho rằng đánh thuế như vậy là không công bằng. Còn Việt Nam khẳng định không can thiệp và không trợ giá cho các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam là do chi phí lao động thấp và công nghệ hiện đại.

Việt Nam cũng đã cho biết sẵn sàng thảo luận với Ủy ban châu Âu để tìm ra một giải pháp công bằng chấp nhận được cho cả hai phía đối với các sản phẩm giày dép của các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU.

Năm ngoái, Trung Quốc xuất khẩu sang EU 1,2 tỷ đôi giày trong khi Việt Nam xuất khẩu được 265 triệu đôi.

Mặc dù đang phải chịu vụ kiện chống bán phá giá đối với mặt hàng giày da vào thị trường EU, kim ngạch xuất khẩu giày dép quý I/2006 vẫn ước đạt 816 triệu USD, tăng 23,1 % so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng xuất khẩu vẫn tăng do nhiều DN sớm chuyển hướng xuất khẩu đến các thị trường ngoài EU, chủ động xuất khẩu vào EU các mặt hàng không trong diện bị áp thuế. Theo bà Đinh Thị Mỹ Loan - cục trưởng cục Quản lý cạnh tranh, bộ Thương mại đang tìm giải pháp thương lượng với EC và sẵn sàng thảo luận để tìm ra một giải pháp công bằng chấp nhận được

cho cả hai phía đối với các sản phẩm giày mủ da của các DN VN XK vào thị trường EU nhằm giảm thiểu thiệt hại cho các DN.

Được biết 70 % tổng kim ngạch của toàn ngành da giày xuất khẩu sang thị trường EU, trong đó có tới 60 % là đối tượng bị kiện. Do đó việc sản phẩm giày da VN bị áp đặt thuế chống bán phá giá 16,8 % sẽ ảnh hưởng rất lớn tới công ăn việc làm của công nhân trong ngành da giày.

Theo thống kê, ngành giày dép VN đang tạo việc làm cho trên 500.000 lao động trong đó có tới 80 % là lao động nữ. Nhiều DN da giày tỉ lệ lao động nữ chiếm tới 95-98 % tổng số lao động trong DN. Ngoài ra còn một số lượng lớn lao động làm việc trong các lĩnh vực khác liên quan cũng sẽ phải chịu tác động do việc áp thuế nêu trên của EC.

(theo VietnemNet 24/03/2006 LĐ 18, 27.03.2006)

Nổ khí mêtan, 8 công nhân thiệt mạng

Vào lúc 8g30 ngày 6-3, tại lò thượng khu vực Yên Ngựa thuộc công trường đào lò 3, Công ty than Thống Nhất (Quảng Ninh), đã xảy ra vụ nổ khí mêtan (CH4) làm tám công nhân thiệt mạng.

Tám nạn nhân gồm: Nguyễn Văn Minh (1985), Nguyễn Đức Hoan (1984), Nguyễn Đức Thiện (1970), Đoàn Văn Đức (1984), Ngô Văn An (1976), Đoàn Trung Dũng (1982), Vũ Hồng Nam (1984) và Phạm Thanh Bình (1980). Anh Lê Việt Bắc, quản đốc công trường đào lò 3, cho biết: Sau khi lò truồng và an toàn viên vào kiểm tra và cho tiến hành công việc được khoảng 15 phút thì xảy ra tai nạn.

Theo dự đoán ban đầu, tốp thợ này đang vận hành máy đào lò thì gặp túi khí mêtan gây nổ. Đến 13g30 lực lượng cứu hộ mới đưa nạn nhân cuối cùng lên được mặt đất. Hiện Công ty than Thống Nhất cùng các cơ quan chức năng đang khẩn trương khắc phục hậu quả và điều tra rõ nguyên nhân.

(Tuổi Trẻ 7.3.2006)

Khởi công xây dựng công trình nhiệt điện lớn nhất DBSCL

Sáng 26.2, tại Cần Thơ, lễ khởi công xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I đã được tổ chức. Nhà máy là dự án đầu tiên thuộc trung tâm nhiệt điện (TTNĐ) Ô Môn, sử dụng khí đốt làm nhiên liệu sản xuất điện.

Nhà máy có công suất 2x330 MW (tổ máy 1, 2), sản lượng điện trung bình hằng năm khoảng 3,6 tỉ Kwh. Dự án có tổng mức đầu tư 6.666 tỉ đồng (tương đương 555 triệu USD), trong đó khoảng 85 % do Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua nguồn vốn vay ưu đãi ODA của chính phủ Nhật Bản. Tổ hợp nhà thầu liên doanh Mitsubishi Heavy Industries và Mitsubishi Corporation sẽ thực hiện dự án đúng như kế hoạch. Dự kiến, cuối năm 2008, tổ máy 1 sẽ đi vào vận hành và năm 2010 đến lượt tổ máy số 2. TTNĐ Ô Môn được quy hoạch với tổng công suất 2.800 MW, là trung tâm nhiệt điện lớn thứ hai cả nước sau TTNĐ Phú Mỹ. Tổng vốn đầu tư các dự án khoảng 2 tỉ USD. Ngoài dự án Ô Môn I công suất 660 MW sẽ còn có 3 dự án nữa, đó là Ô Môn II (720 MW),

Ô Môn III (700 MW), Ô Môn IV (720 MW). Mỗi năm TTNĐ Ô Môn tiêu thụ khoảng 4 tỉ m3 khí, trong đó Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I chiếm gần 1/4.

Phát biểu chỉ đạo tại lễ khởi công, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh: "Song song với việc triển khai giai đoạn 1 TTNĐ Ô Môn, Tổng công ty điện lực VN phải trực tiếp đàm phán với các đối tác bên ngoài để sớm đưa khí từ lô B ngoài khơi Phú Quốc về Ô Môn. Trữ lượng khí của lô B khoảng 130 tỉ m3, tương đương với trữ lượng khí ở khu vực Nam Côn Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu), khi dẫn được vào tới Ô Môn thì ngoài việc cung cấp cho nhiệt điện, nó còn cho ra đậm và nhiều thứ khác. Đây có thể xem là lợi thế rất lớn của Cần Thơ nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung trong việc phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa".

(theo Thanh Niên 27.2.2006)

Việt Nam nộp đơn kháng án vụ kiện dioxin

Ngày 22.3.2006, phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam Việt Nam, Nguyễn Trọng Nhân cho biết, các luật sư Mỹ sẽ đại diện cho nạn nhân Việt Nam gửi hồ sơ kháng án lên tòa phúc thẩm Mỹ. Phiên tranh tụng sẽ diễn ra sau khoảng một tháng.

Các luật sư Mỹ cho rằng, phía Việt Nam cần phải cố gắng và chuẩn bị rất nhiều cho vụ kiện. Bởi không như tòa sơ thẩm, tòa phúc thẩm sẽ có nhiều thẩm phán nên việc quyết định sẽ không đơn giản.

Để vụ kiện có nhiều thuận lợi, theo phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam Việt Nam Nguyễn Trọng Nhân, rất cần sự ủng hộ của dư luận trong nước và quốc tế.

Tại một hội nghị quốc tế mới được tổ chức tại Hà Nội, các nhà khoa học đã đưa ra nhiều kết quả nghiên cứu mới chứng minh sự độc hại của dioxin đối với môi trường và sức khỏe con người. Một số nghiên cứu cho thấy dioxin trong những nạn nhân Việt Nam là chất độc có từ chất da cam được Mỹ rải trong chiến tranh tại Việt Nam.

Các nhà khoa học và nạn nhân quốc tế đã bày tỏ sự chia sẻ và ủng hộ các nạn nhân Việt Nam theo đuổi vụ kiện các công ty hóa chất của Mỹ. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cũng đã gửi thư ngỏ lên tòa án Mỹ bày tỏ sự ủng hộ các nạn nhân. Một trận tố quốc Việt Nam cũng sẽ ra lời kêu gọi sự ủng hộ của dư luận trong và ngoài nước.

Vào ngày 28-29/3, Hội nghị quốc tế nạn nhân da cam đầu tiên sẽ được tổ chức tại Hà Nội với sự tham gia khoảng 150 đại biểu. Đây sẽ là buổi gặp gỡ của các nạn nhân chất độc da cam trên thế giới gồm Việt Nam, Mỹ, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Canada.

Hội nghị sẽ nghe tham luận của một số nhà hoạt động xã hội đến từ các nước Anh, Pháp, Mỹ... và tham luận của những nạn nhân chất độc da cam/dioxin. Các nhà khoa học cũng sẽ công bố kết quả nghiên cứu mới về tác hại của chất độc da cam/dioxin và tiến trình vụ kiện các công ty hóa chất Mỹ của nạn nhân Việt Nam.

(VnExpress 22.3.2006)

Bộ gian tham vận tải

Cho tới khi tờ báo này lên khuôn, sự việc nổi bật trong những phát triển gần đây của vụ « PMU18 » (xem Diễn Đàn số 159) là... sự im lặng của ngài bộ trưởng cái bộ khó có thể dùng tên gọi gì khác hơn là « bộ gian tham vận tải ». Bởi, ngoài Ban quản lý các dự án số 18 đầy uy quyền và tiêu cực kia, đèn thời sự còn rọi chiếu về một tổng công ty lớn của bộ mà thành tích xây dựng cây cầu Văn Thánh ở TP HCM – thành tích « xây xong là thủng » - còn đang làm « xấu hổ » người dân thành phố... Mời bạn đọc xem tin về cây cầu nổi tiếng này trong phần tin tức trên đây. Bài này xin dành riêng cho « siêu ban PMU18 » và các vị lãnh đạo của nó.

Không có « vùng cấm » trong xử lý tiêu cực liên quan đến PMU 18 ?

Câu khẳng định (không có dấu hỏi) là của ông Vũ Quốc Hùng, uỷ viên trung ương ĐCSVN, phó chủ nhiệm kiểm tra trung ương, khi ông trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã VN (ngày 23.3). Ông Hùng xác nhận « Vụ việc tiêu cực tại PMU 18 đã diễn ra từ lâu với nhiều đối tượng tham gia (đến nay đã khởi tố 5 bị can) và sai phạm nghiêm trọng trên nhiều mặt », và kể ra nhiều « sai phạm » như :

– Hầu hết các dự án của PMU 18 làm chủ đầu tư đều có vấn đề về chất lượng. Một số đã được Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra tài chính, Thanh tra Bộ Giao thông Vận tải kết luận, yêu cầu phải làm lại, yêu cầu xuất toán nhiều tỉ đồng (chỉ riêng dự án cải tạo QL18, đoạn Nội Bài-Bắc Ninh đã phải xuất toán trên 60 tỉ đồng).

– Việc tổ chức đấu thầu chỉ là hình thức (các nhà thầu đều là « sân sau », là « cánh hẩu », hoặc có « đi lại » với Bùi Tiến Dũng mới thắng thầu).

– Hành xử với nhau theo kiểu "xã hội đen" (dùng côn đồ để dằn mặt nhau - trong đó có vụ chém trọng thương nghiêm trừng phòng Kỹ thuật công nghệ PMU 18 Đỗ Ngọc Trung, DĐ) ; phó tổng giám đốc đánh cả nhân viên coi xe...

– Bản thân « con bạc triệu đô » Bùi Tiến Dũng, ngoài các tội đánh bạc, đưa, nhận hối lộ còn vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, lối sống (đánh nhau, gây rối trật tự công cộng ; bô bịch ; đi nhà hàng uống rượu say, hành xử theo kiểu côn đồ...).

Tuy nhiên, dù cuộc phỏng vấn diễn ra chỉ hai ngày sau khi ông Nguyễn Việt Tiến, thứ trưởng thường trực kiêm bí thư đảng uỷ bộ GTVT bị cơ quan điều tra bộ Công An (dưới đây, xin dùng bí danh C14 của cơ quan này) triệu tập (sáng 21.3) để « giải trình » nhiều nội dung liên quan đến vụ PMU 18 mà ông từng là tổng giám đốc - trước khi « nhường » chỗ cho đàn em là Bùi Tiến Dũng -, tên ông thứ trưởng lại bị « bỏ quên » trong những câu hỏi và trả lời.

Dù rằng, trước đó, báo chí đã bắt đầu phanh phui nhiều chuyện « tiêu cực » của ông Tiến, với những chi tiết

ngày càng cụ thể, khó chối cãi. Như những tài sản lớn (nhà cửa, trang trại) của ông và gia đình. Như việc ông đưa người thân vào những chức vụ quan trọng của PMU 18 khi rời chức tổng giám đốc lên làm thứ trưởng (một cháu ruột làm phó tổng giám đốc PMU 18, một cháu ruột khác làm phó tổng giám đốc Ban quản lý dự án đường thuỷ, con gái làm chánh văn phòng tư vấn dự án...) ? Hoặc những « bút phê » vào các đơn đấu thầu không thông qua thủ tục, để một số công ty « sân sau » được làm nhà thầu phụ cho các dự án của PMU 18, với tiền đầu tư của PMU18 lớn hơn nhiều so với các lô thầu mà một vài công ty khác được hưởng. Hoặc nữa, như việc sử dụng xe công nhiều mò ám, việc từng « chia sẻ » với Bùi Tiến Dũng những « vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, lối sống » mà ông Hùng kể ra trên kia (trong đó có việc ông Tiến bị tạm giữ đêm 11.2.1996 ở công an phường Bùi Thị Xuân, Hà Nội, sau khi cùng một nhóm cán bộ PMU18 – lúc đó ông còn làm TGĐ siêu ban này - say rượu làm náo loạn cả một đoạn phố, nhưng sự việc sau đó bị cho chìm xuồng) v.v.

Không có « vùng cấm », nhưng có điều chỉ khiến ông phó chủ nhiệm Ban kiểm tra trung ương e ngại, không nói gì tới ông Tiến (TTXVN cũng không đặt câu hỏi, hoặc có đặt nhưng không công bố) ? Một chiếc ô khó chạm ? Có điều chắc là C14 đã tạm khép lại 3 ngày làm việc với ông Tiến (chiều ngày 23.3). Ông Tiến đã trở về bộ, vẫn là thứ trưởng tuy một số lĩnh vực ông phụ trách đã tạm thời được chia cho các thứ trưởng khác xử lý. Trong khi chờ đợi một số vụ việc được « làm rõ », đúng theo nguyên tắc « khi chưa bị kết án thì anh vô tội », mà nhà nước ta luôn tôn trọng... đối với những công dân cao cấp !

« Trước khi bị khởi tố, họ đều là đảng viên tốt ! »

Đối với những người (chắc là « xấu », hay nghi ngờ) việc tuân thủ nguyên tắc luật pháp của Đảng, ông Đỗ Văn Thuật phó bí thư Đảng uỷ bộ GTVT đã gián tiếp trả lời bằng câu khẳng định hùng hồn nêu trên, được nhắc đi nhắc lại với phóng viên báo Lao Động trong một buổi làm việc ngày 22.3, hôm sau khi thứ trưởng trực tiếp của ông, bí thư Nguyễn Việt Tiến được C14 triệu tập. Việc triệu tập này, theo ông « là hoạt động tố tụng bình thường ». Đúng quá. Cho nên, cũng không thừa khi ông nhắc lại : « Anh Nguyễn Việt Tiến cũng liên tục được công nhận là đảng viên tốt, được xếp loại A ».

Cũng như, đối với toàn bộ những cán bộ liên quan, đánh giá của Đảng là cao nhất, như ông cho biết : « Cho đến thời điểm trước khi bị khởi tố, cả bốn cán bộ: Bùi Tiến Dũng - tổng giám đốc ; Vũ Mạnh Tiến - phó chánh văn phòng ; Phạm Tiến Dũng - trưởng phòng Kế hoạch PMU18 và Nguyễn Việt Bắc - phó TGĐ Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - đều là những đảng viên có phẩm chất, hoàn thành tốt nhiệm vụ, liên tục được xếp loại đảng viên loại A. Thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến còn được Đảng uỷ khích tặng bằng khen ! Đảng uỷ PMU18 liên tục được công nhận là cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh... ».

Cũng như, « việc đồng chí Bùi Tiến Dũng được bầu vào Thường vụ Đảng uỷ là do đại hội bỏ phiếu một cách dân chủ, công khai », « việc kê khai tài sản của cán bộ Đảng trong bộ

được tiến hành thường xuyên hằng năm », Đảng uỷ đâu thấy vấn đề gì ! Ông Thuật hoàn toàn có lý khi mạnh mẽ khẳng định : « nếu nói tổ chức Đảng ở đây bị tê liệt là không đúng. Trong các nhiệm kỳ qua, Đảng uỷ cơ quan bộ GTVT luôn được đánh giá là hoạt động tốt, đoàn kết, nhất trí và đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công việc » !

10 tỉ đồng chạy án... và các kỉ lục khác

Ngoài món tiền cá độ bóng đá 1,8 triệu đô của ông tổng Bùi Tiến Dũng, hình như một kỷ lục ghi-nét mới đang được phá vỡ : món tiền 10 tỉ đồng mà, theo báo chí, ông Bùi đã bỏ ra để chạy án. Ngày 23.3, 3 nhân vật liên quan đã bị cơ quan điều tra ra lệnh khởi tố và bắt giam : Nguyễn Mậu Thôn – nguyên cán bộ công an, giám đốc Cty Hoa Việt, một công ty « sân sau » của PMU18 -, Lương Mạnh Hoa (tài xế của Bùi Tiến Dũng) và Tôn Anh Dũng (biệt danh Dũng "Huế"), cũng từng được ban phát cho làm thầu phụ rất nhiều gói thầu ngon ăn hàng chục tỉ đồng... Hai người đầu đã bị bắt, Dũng « Huế » chưa vì đang đưa vợ con sang chữa bệnh ở Thái Lan...

Từ đâu mà những nhân vật lãnh đạo hoặc dính líu tới PMU 18 có được những số tiền rất lớn đó ? Theo **Tuổi Trẻ** 20.3.2006, từ ngày thành lập (tháng 8.1993) đến nay, dưới hai « triều đại » Nguyễn Việt Tiến (cho tới 1998, khi được thăng quan) và Bùi Tiến Dũng, PMU 18 đã « ôm » được 20 dự án khác nhau với tiền vốn lên đến gần 33 000 tỉ đồng, trong đó, theo cơ quan điều tra, PMU 18 đã « ăn » hoa hồng từ 5 tới 15 % từ các nhà thầu được họ « ưu ái ». Những dự án lớn mà PMU18 được giao « quản lý » có thể kể : cầu trên quốc lộ 1, cộng 3 giai đoạn I – III là hơn 7 800 tỉ ; giao thông nông thôn 2 (2 439 tỉ), quốc lộ 3 Hà Nội – Thái Nguyên (3 523 tỉ)... Hàng năm, PMU 18 giải ngân từ 2 000 đến 2 500 tỉ đồng, trong khi nhiều PMU khác của bộ không đủ tiền trả lương cho cán bộ ! Phần lớn những dự án xây dựng đường sá, giao thông là do viện trợ trực tiếp (ODA) – hoặc viện trợ không hoàn lại, hoặc cho vay với lãi suất rất thấp – của các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, hoặc các nước giàu như Nhật Bản...

Báo **Tuổi Trẻ** ngày 11 và 21.3 cũng trở lại « những dự án đầy tai tiếng » của PMU 18, cho thấy « gần như dự án nào cũng đều có “mùi” tiêu cục, lãng phí và thất thoát hàng tỉ đồng ». Chỉ riêng hai dự án « cải tạo, nâng cấp QL 18 » và QL 10, ban Kiểm toán trung ương đã phát hiện số tiền sai phạm phải thu hồi trả cho nhà nước lên đến 67 tỉ đồng...

Ngày 17.3, 4 ngày trước khi được C14 “triệu tập”, thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến đã chủ trì hội nghị tập huấn cho các cán bộ chủ chốt của bộ GTVT nhằm triển khai "Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng" !

Ở bất cứ nước nào khác, với tất cả những sự việc nêu trên, bộ trưởng phụ trách át đã phải từ nhiệm. Riêng ở VN, bộ trưởng Đào Đình Bình, uỷ viên TƯ Đảng, vẫn... bình chân như vại. Đó chính là sự kiện nổi bật nêu trên đầu bài này...

(Hoà Văn tổng hợp tin tức và bình luận)

Phản pháo (tin giờ chót)

Sáng 28.3, theo VietNamNet, ông Nguyễn Việt Tiến đã gặp nhiều nhà báo và ngỏ ý sẵn sàng trả lời các câu hỏi xoay quanh trách nhiệm của ông về những sai phạm ở PMU 18.

Cho rằng, vừa qua có một làn sóng dư luận chĩa mũi dùi vào ông để đòi ông phải chịu trách nhiệm chính trong những sai phạm xảy ra tại PMU18 (đánh bạc, đưa và nhận hối lộ, chạy án...), ông Nguyễn Việt Tiến nói « Tôi nghĩ rằng đồng chí bộ trưởng gần như đã đứng ngoài cuộc ».

Ông thừa nhận trách nhiệm trong công tác quản lý cán bộ, quản lý tài chính, tài sản và vấn đề phân công, song ngoài trách nhiệm cá nhân của ông, « tập thể phải chịu trách nhiệm chung », theo ông.

Tron ngày 27/3, ban cán sự Đảng ủy bộ GTVT đã có cuộc họp kiểm điểm trách nhiệm của bộ trưởng Đào Đình Bình và 3 thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến, Ngô Thịnh Đức, Phạm Duy Anh. Được biết, cả 4 người đã có bản kiểm điểm sẵn sàng trình thủ tướng, chậm nhất vào ngày 31/3/2006.

Để cập đến nội dung cuộc họp này, ông Tiến nói "cơ bản là thống nhất ý kiến", tuy nhiên, ông cho rằng, có khá nhiều nội dung ông không đồng ý với cách quy trách nhiệm của bộ trưởng: "Nếu cần, tôi đề nghị được đối chất với bộ trưởng, cho dù tại cơ quan điều tra hay trước sự chứng kiến của báo chí" về trách nhiệm của mình trong vụ tiêu cực ở PMU18.

Liên quan đến việc bổ nhiệm cán bộ, ông Tiến khẳng định : Việc bổ nhiệm Bùi Tiến Dũng làm TGĐ PMU 18 năm 1998 là do bộ trưởng cũ. Việc bổ nhiệm này được tiến hành sau 8 tháng theo dõi, thử thách, chứ không phải là kế nhiệm vị trí của ông và cũng đã được thông qua ý kiến của ban cán sự Đảng bộ GTVT.

Năm 2003, Bùi Tiến Dũng được bổ nhiệm lại (theo quy định 5 năm một lần), cũng chính bộ trưởng Đào Đình Bình ký quyết định.

Thứ trưởng Tiến cho hay, việc bổ nhiệm TGĐ, phó TGĐ các PMU, các tổng công ty thuộc bộ hay các chức vụ tương đương thuộc các cục, vụ... của bộ GTVT đều do bộ trưởng "quyết".

Chưa hết, việc điều chuyển ông Nguyễn Việt Bắc từ vị trí thư ký riêng của ông Tiến ở bộ GTVT về giữ cương vị phó TGĐ Công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) cũng là quyết định của bộ trưởng Đào Đình Bình.

Ông Tiến còn thông tin rằng việc điều chuyển ông Bắc là do một cán bộ "cấp trên" gợi ý, nhưng từ chối tiết lộ chi tiết và cũng không đưa ra bằng chứng nào. (...)

Và không rõ có hàm ý thách thức không, ông Nguyễn Việt Tiến nói : sau vụ tai tiếng năm 2005(?) và đến nay là vụ tiêu cực ở PMU18, "nếu là bộ trưởng, tôi sẽ từ chức".

Tiếc rằng, giờ giao báo cho nhà in quá cận, chúng tôi không thể đưa thêm thông tin nào sau cuộc phản pháo này. Lại phải hẹn bạn đọc một số sau...

Đại hội X của Đảng cộng sản Việt Nam

(tiếp theo trang 1)

(uỷ viên bộ chính trị), Nguyễn Hữu Thọ (chủ tịch MTTQ), Lý Chánh Trung (đại biểu quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh)...- cho đến cuối các năm 80, trước khi tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đóng sập cửa lại. Hai mươi lăm năm sau, phong cách của những người phát biểu như an nhiên và tự tin hơn. Nhiều bài không chỉ dừng ở chỗ nêu lên những nguyên lý của một thể chế chính trị dân chủ đa nguyên, mà chú tâm để nghị những « lộ trình » cải cách dân chủ và đa nguyên như thế nào để đảm bảo đồng thời một yêu cầu cơ bản khác của xã hội Việt Nam là phát triển trong hoà bình và ổn định.

Trong những điều kiện đó, các lộ trình đề nghị chỉ có thể tiến hành khi Đảng cộng sản nhận thức được yêu cầu cải cách chính trị, đề xuất nó và chủ động chuẩn bị những bước đi đầu tiên thực thi các quyền tự do dân chủ (trước tiên là quyền tự do thực sự về tư tưởng và ngôn luận), xây dựng nhà nước pháp quyền (thực sự đặt nhà nước lâm đảng cộng sản dưới sự chi phối của pháp luật), phát triển xã hội dân sự (với những hội đoàn tự trị thực sự, ngoài các tổ chức mà Đảng cộng sản kiểm soát). Các điều này còn hàm ý rằng Đảng cộng sản nhận thức được yêu cầu bản thân nó phải tự cải cách và tiến hành dân chủ hoá trước tiên trong nội bộ của nó.

Cho đến ngày nay, không có dấu hiệu gì cho phép nhận định rằng Đảng cộng sản, hay đúng hơn là ban lãnh đạo của nó, có ý muốn đặt ra vấn đề này. Ngược lại, các phe phái tranh chia quyền lực trong đại hội X đã thỏa thuận gạt vấn đề đó ra khỏi bàn nghị sự. Việc Đảng cộng sản công bố dự thảo bản báo cáo chính trị của đại hội cho người dân « gop ý » thật ra chỉ là thông báo bản thoả hiệp mà các bên tranh chia nhau quyền lực đã đạt được, chứ không hề hàm ý là thoả hiệp đó có thể được xét lại. Dù sao, các ý kiến về cải cách hệ thống chính trị cũng là « ngoài đề ». Diễn đàn và các bình luận về đại hội X mà Vietnamnet ở trong nước hay BBC ở ngoài nước đưa lên mạng tạo nên trong dư luận một « hiệu ứng » chờ đợi không có cơ sở.

Nhận định này, tất nhiên, không có nghĩa là diễn đàn trên các báo chí là vô ích : trái lại, trong hai tháng vừa qua, nó đã tạo điều kiện cho người dân bàn về việc nước ở một quy mô chưa từng có, và có lẽ ngược với những gì ban lãnh đạo của đảng chờ đợi. Không lạ gì, khi công bố « kết quả » đợt gop ý kiến với đại hội, Văn phòng ban chấp hành trung ương đảng cho rằng : 95% « nhất trí với nội dung của bản dự thảo » ; 4-5% « không tán thành một số phần trong dự thảo báo cáo với tinh thần xây dựng, đề điều chỉnh lại » [vietnamnet.vn 5.3.06]. Hơn thế nữa, bản thông báo của hội nghị thứ 14 Ban chấp hành trung ương, ngoài việc cho biết quyết định triệu tập đại hội từ ngày 18 đến 25.4 tại Hà Nội, còn « kiên quyết phê phán và dứt khoát

bác bỏ những ý kiến mang động cơ xấu, chống đối, thù địch, lợi dụng việc gop ý với báo cáo chính trị để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ đảng, nhà nước và nhân dân ta » [cpv.org.vn 24.4.06]. Phải chăng vì ngôn ngữ hám doạ đã quá ư lỗi thời, mà hầu hết báo chí đã không đăng lại đoạn đó ? [vietnamnet.vn 24.3.06]

Dẫu sao đi nữa, các ý kiến về cải cách hệ thống chính trị không thể nhầm đại hội X, mà chỉ hy vọng tác động trong những điều kiện hậu-đại hội. Có thể tiên đoán rằng ban lãnh đạo nhiệm kỳ 2006-2011 sẽ là một ban lãnh đạo yếu, thiếu vắng nhân vật có bản lĩnh, cho nên các phe phái chia nhau quyền lực sẽ tiếp tục tê liệt nhau ngày càng nhiều hơn. Trong khi đó, mâu thuẫn giữa những yêu cầu của một xã hội phát triển năng động và một hệ thống chính trị không chịu cải cách trở nên ngày càng gay gắt hơn.

Rút cuộc, hiệu ứng của đại hội X, nếu có, chỉ là hé mở cửa sổ tự do ngôn luận trong vòng hai tháng để sau đó khép nó lại. Ít ra, đó là diễn biến có thể dự đoán cho một, hai năm tới. Lâu hơn là chuyện khác.

Hải Vân

[1] đăng gần như toàn văn trên vietnamnet.vn ; nguyên văn trên viet-studies.org.

[2] Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh 17.3.2006.

[3] đăng một phần trên Tuổi Trẻ ; toàn văn trên talawas.org 2 và 13.3.2006.

[4] Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh 12.3.2006.

[5] Tuổi Trẻ 22.3.2006.

Verbatim (nguyên văn !)

Nguyễn Trung : Dù có độc quyền tối mức chuyên quyền độc đoán như thế nào chăng nữa, số phận diệt vong của hệ thống chính trị đã được cài đặt sẵn như một lẽ tất yếu ngay trong cái chuyên quyền độc đoán này. Nguy cơ nằm trong sự cài đặt này, chứ không phải trong nguy cơ [chắc tác giả muốn nói « cơ chế » ?] đa nguyên.

Trần Đình Bút : Nếu tiếp tục vận dụng nguyên tắc này [điều 4 của Hiến pháp về sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng cộng sản đối với nhà nước] như thời gian qua thì khó có thể hy vọng đổi mới, hoàn thiện tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước một cách có hiệu quả... Đã là nhà nước pháp quyền thì pháp luật là trên hết. Nhà nước chịu sự chi phối của pháp luật, hoạt động của đảng cũng chịu sự chi phối của pháp luật.

Nguyễn Quang A : Phải nói ngay, hiện tại chưa có lực lượng nào có thể cạnh tranh chứ nói chi đến thay thế đảng cầm quyền hiện nay (theo tôi trong ít nhất 5 năm tới). Cho nên muốn có dân chủ và nếu đảng cầm quyền thực sự anh minh, vì dân vì đất nước, thì họ phải, hay nên, không can thiệp sự phát triển của lực lượng đối lập, mở rộng tự do ngôn luận, xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng xã hội dân sự mạnh, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, v.v.

Dương Quỳnh Hoa :

Sự chọn lựa của một trí thức

Lê Hiếu Đằng

LTS Bà Dương Quỳnh Hoa đã từ trần ngày 25.02.06 vừa qua sau một thời gian dài trọng bệnh (ung thư). Diễn đàn xin thành thực chia buồn với ông Huỳnh Văn Nghi cùng tang quyến, và xin trích đăng dưới đây bài viết của Lê Hiếu Đằng, nguyên chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn.



Tháng 6-1968, trong chiến khu, từ trái sang phải : Lê Quang Lộc, Dương Quỳnh Hoa, Lê Hiếu Đằng

Tôi gặp chị trong phong trào của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đấu tranh vì quyền dân tộc tự quyết, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ ở VN. Điều mà cho đến bây giờ tôi không thể nào quên là lần đầu tiên gặp chị vào năm 1965: một nữ bác sĩ nói tiếng Pháp như gió, giọng của người dân Paris thật sự và có một nụ cười giòn giã, sảng khoái, khỏe mạnh.

Sau đó gặp lại chị nhiều lần mới biết được chị sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước: ba chị là giáo sư Dương Minh Thới, một trí thức nổi tiếng ở Nam bộ; anh chị là luật sư Dương Trung Tín, một trí thức đã bị địch thủ tiêu vì những hoạt động yêu nước. Nhưng có một điều lúc đó tôi chưa từng biết: ngay trong thời gian học tập, hoạt động ở Pháp, chị đã là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp và sau này khi về nước chị đã bí mật tham gia Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam VN ngay từ những ngày đầu mới thành lập với bí danh là Thùy Dương.

Nhưng có lẽ thời gian tôi có để hiểu được bản chất tốt đẹp của người trí thức như chị là những năm tháng cùng nhau sống ở chiến khu. Năm 1968, trong khói lửa mịt mù của cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân, chị và nhiều nhân sĩ trí thức, văn nghệ sĩ, nhà giáo, các nhà lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo, công thương kỹ nghệ gia, các sinh viên trong ban chấp hành Tổng hội và ban đại diện sinh viên các phân khoa Đại học Sài Gòn đã rời bỏ cuộc sống đầy tiện nghi của đô thị, vào chiến khu tham gia thành lập Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình VN.

Tôi vẫn nhớ như in cái đêm chị, tôi và nhiều vị khác âm thầm từ vùng Ba Thu Mô Vẹt vượt “đồng chó ngáp” lên địa điểm tổ chức đại hội thành lập liên minh. Là đại biểu nữ duy nhất trong đoàn thể mà chị vẫn đi thoăn thoắt, dường như

không biết mỏi mệt dù cái tên gọi quăng đùòng “đồng chó ngáp” đã nói lên tất cả.

Rạng sáng hôm sau khi đến noi, vừa quăng balô xuống đất, mặc dù mệt hả họng, tôi vẫn phải hỏi chị : Tại sao chị đi giòi đến vậy ? Chị tươi tinh cười phá lèn nói nửa đùa nửa thật: Vì lúc ở Paris đi nhảy đầm nhiều nên chân rất khỏe. Cho đến nay, chị đã đi xa, tôi vẫn không hiểu chuyện ấy chị nói đùa hay nói thật.

Ngày 20-4-1968, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình VN ra đời với một ủy ban trung ương gồm 10 vị do luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch. Vài ngày sau, tòa án mặt trận vùng 3 chiến thuật của chính quyền Sài Gòn đem ra xét xử khiêm diện 10 vị trong ủy ban trung ương liên minh với bản án tử hình và tịch thu gia sản, trong đó có chị và tôi cùng anh Huỳnh Văn Nghi (sau này là chồng của chị).

Nghe tin trên, chị lại cười phá lèn sảng khoái khiến tôi phải giật mình nháu nhờ chị đây là khu căn cứ cần phải bảo mật, không phải như lúc còn ở Sài Gòn. (...) Năm 1970, sau vụ đảo chính của Lon Nol ở Campuchia, Đỗ Cao Trí, tư lệnh vùng 3 chiến thuật của quân đội Sài Gòn, đã mở trận càn Đông Dương đánh qua đất Campuchia. Để bảo đảm an toàn, các cơ quan xung quanh Trung ương cục miền Nam phải vượt lộ 7. Và trong cái đêm vượt lộ 7 không bao giờ quên đó, chị đã sinh được một cháu trai xinh xắn trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng lúc bấy giờ. Có lẽ đó là kỷ niệm khó phai đối với những người đã từng tham gia cuộc hành quân vượt lộ 7 và đã chứng kiến cảnh chị sinh con trong hoàn cảnh như thế nào. Nhưng ác nghiệt thay, sau đó vài tháng đứa con thân yêu của chị đã mất sau những cơn sốt rét dai dẳng.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chị đã từ bỏ mọi điều kiện ưu đãi của xã hội lúc bấy giờ để chấp nhận lao vào cuộc chiến đấu trong lòng nội thành Sài Gòn mà nguy cơ bị bắt, tra tấn, tù đày, thủ tiêu rình rập từng ngày, từng giờ và khi cần thiết chị đã dứt khoát thoát ly gia đình vào chiến khu như những chiến sĩ thật sự. Và thực tế chị đã là một chiến sĩ trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do cho đất nước.

Ngày hòa bình lập lại, một lần nữa chị lại chọn lựa cho mình con đường đi mà ít ai trong hào quang của chiến thắng lại chọn lựa: chị âm thầm rời bỏ mọi bá lợi danh, chức quyền để trở về với thiên chức cao quý của người bác sĩ, nhất là bác sĩ nhi khoa. Trong bối cảnh của một đất nước đang bị chế độ quan liêu bao cấp hành hạ, chị đã cùng với một số đồng nghiệp xây dựng nên Trung tâm nghiên cứu nhi (...)

Trong lễ tang chị, tôi đã gặp biết bao người úa nước mắt nháu lại công lao này của chị và tập thể bác sĩ, cán bộ, công nhân viên của Trung tâm nghiên cứu nhi thời ấy. Bây giờ con cái họ khỏe mạnh, trưởng thành, trở thành những công dân có ích cho xã hội. Gia đình tôi cũng đã chịu ơn chị. Ở đây tôi cũng cần nói một điều mà có người đã biết nhưng nhiều người chưa biết: đó là vai trò của anh Huỳnh Văn Nghi, chồng chị.

Trong mỗi bước đi của chị đều có sự âm thầm, lặng lẽ đóng góp của anh Nghi. Đây không phải đơn giản là mối quan hệ vợ chồng đầy tình nghĩa mà là một đôi tri âm tri kỷ, đồng diệu, chia sẻ với nhau những quan niệm sống và làm việc mà ít cặp vợ chồng nào có được. Chị mất đi để lại một khoảng trống thương tiếc khôn nguôi cho chồng chị và mọi người.

(Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 5.3.2006)

Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam (*)

Trần Nam Bình (**)

Sách *BĐKTDA&CDCNVN* phản ánh trọng tâm nghiên cứu của Giáo sư Trần Văn Thọ (Đại học Waseda, Nhật Bản) trong thời gian gần đây. Ngay trong đề tựa của sách, chúng ta cũng thấy dụng ý sâu xa của tác giả: GS Thọ đã cố ý dùng chữ “biến động” để bao gồm hai ý niệm “thay đổi” và “năng động”. Đây là hai từ diễn tả chính xác nhất tình trạng kinh tế của khu vực Đông Á trong mấy chục năm qua. Như có đề cập trong Lời nói đầu, nhiều chương trong sách là những bài mà ông đã viết rải rác nhiều nơi trong 4, 5 năm qua. Tuy nhiên, theo nhận xét của tôi, chuyện này không làm giảm giá trị của sách, mà còn có tác dụng ngược lại vì hai lý do. Thứ nhất, tác giả đã tiếp tục sửa đổi và cập nhật các bài viết cũ của mình. Xin lấy một thí dụ. Chương 1 trong sách dựa trên Chương II của cuốn *Danh Thức Con Rồng Ngù Quên* (DTCRNQ) do TS Phạm Đỗ Chí và tôi chủ biên năm 2001. Tuy nhiên trong Chương II của DTCRNQ, các phân tích thống kê dừng lại năm 1996, trong khi Chương 1 của *BĐKTDA&CDCNVN* nói rộng phân tích đến năm 2003. Thứ hai, và quan trọng hơn, khi đọc những bài viết đơn lẻ của GS Thọ, chúng ta chỉ thấy được một vài khía cạnh của đề tài công nghiệp hóa Việt Nam. Khi tác giả mang một số bài viết cũ vào sách, các chương này liên kết với nhau và với các bài viết mới một cách liên tục và hệ thống, nhờ đó vẽ nên một bức tranh toàn cảnh linh động cho đề tài công nghiệp hóa tại Việt Nam.

Cũng như cuốn sách trước đây của cùng tác giả (*Công nghiệp hóa Việt Nam trong thời đại châu Á-Thái Bình Dương*, NXB Thành phố HCM, 1997), *BĐKTDA&CDCNVN* là một công trình nghiên cứu khoa học nhưng được trình bày dễ hiểu cho mọi đối tượng người đọc. Về phương diện học thuật, tác giả luôn luôn phô hợp nghiêm túc ba thành phần tất yếu của phân tích kinh tế (mô hình lý thuyết, số liệu và thực trạng kinh tế) trong các lý luận, đề xuất. Thứ nhất, các giải thích và phân tích của tác giả đều dựa trên những mô hình lý thuyết về kinh tế phát triển thích hợp cho trường hợp Việt Nam (thí dụ như mô hình đàn sếu bay trong Chương 2 hay mô hình phát triển song trùng Lewis cho chiến lược công nghiệp hóa nông thôn trong Chương 14). Thứ hai, về số liệu, tác giả chịu khó truy cập và sử dụng các nguồn thẩm quyền, độc lập và khả tín, như Ngân hàng Phát triển Á châu (ADB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, vv. Có khá nhiều số liệu do chính tác giả tự tính ra (thí dụ như trong Chương 1 hay 11). Thứ ba, về thực trạng kinh tế, tác giả luôn trình bày ý tưởng, đề xuất của mình trong bối cảnh thực tế của nền kinh tế Việt Nam hiện nay mà phần lớn dựa trên kết quả điều tra thực tế của chính tác giả (xem Chương 11). Nhiều chi tiết trong sách, thí dụ như Việt Nam bỏ mất thời cơ từ

tập đoàn Fujikura 10 năm trước (Chương 12), là những thông tin rất quý báu và cần thiết cho các nhà doanh nghiệp và các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam. Do cố ý, văn phong của của tác giả rất giản dị và trong sáng, giúp mọi giới người đọc theo dõi và am hiểu những ý chính trong sách một cách khá dễ dàng. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy mà tác giả không thể đào sâu hay đi xa hơn trong một số phân tích kinh tế chuyên môn.

Những ý tưởng, kiến nghị trong sách được triển khai một cách khá mạch lạc, hợp lý và toàn diện. Như bất kỳ bài toán tối ưu nào, tác giả bắt đầu bằng cách xác định vị trí hiện tại của Việt Nam trên bản đồ phát triển (theo nghĩa rộng) và công nghiệp Đông Á. Theo tôi, định lượng hóa mức độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ năm 1950 đến nay (Chương 1) là một công trình đáng kể của tác giả. Chương 1 và 2 khẳng định sự tụt hậu của nền kinh tế Việt Nam trong phát triển công nghiệp. Kế đến, trong các Chương 3–6, tác giả phân tích ảnh hưởng của hai thực thể kinh tế Đông Á (Trung Quốc và ASEAN) trên sự phát triển kinh tế Việt Nam. Các chương này cho thấy nếu Việt Nam không khẩn trương phát huy lợi thế so sánh, năng lực cạnh tranh và khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguy cơ tụt hậu trong khu vực Đông Á sẽ còn trầm trọng hơn hiện nay. Về mặt bối cục, tôi nghĩ mang Chương 13 (Thời cơ mới từ Nhật Bản) vào Phần I hợp lý hơn vì sẽ giúp nhấn mạnh khía cạnh tích cực của cộng đồng kinh tế Đông Á đối với Việt Nam.

Trong Phần II tác giả thảo luận chiến lược công nghiệp hóa Việt Nam, tức là các chính sách giúp Việt Nam đuổi bắt các nước công nghiệp chung quanh trong thời gian ngắn nhất. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả nhấn mạnh ý niệm công bằng xã hội (Chương 7) trong thời đại toàn cầu hóa trước khi xem xét các vấn đề hiệu năng sản xuất. Trong Chương 8, tác giả phân tích lợi thế so sánh tĩnh và động của Việt Nam trong khu vực Đông Á, và những chính sách làm tăng sức cạnh tranh của những ngành mà Việt Nam có lợi thế. Tôi rất thích cách phân chia các ngành công nghiệp thành 5 nhóm của tác giả vì nó giúp người đọc theo dõi vấn đề một cách rất dễ dàng. Hiện nay, Việt Nam chỉ có lợi thế so sánh tĩnh trong nhóm A (hàm lượng lao động đơn giản cao như vải, quần áo, giày dép, vv) và nhóm B (vừa hàm lượng lao động đơn giản cao vừa dùng nhiều nông lâm thuỷ sản như thực phẩm gia công, đồ uống, vv). Theo tác giả, Việt Nam có thể phát triển lợi thế so sánh động trong nhóm D (hàm lượng lao động lành nghề cao như đồ điện gia dụng, xe máy, bộ phận điện tử, vv) và một phần trong nhóm E (hàm lượng công nghệ cao như máy tính, xe hơi, máy công cụ, vv). Tác giả kết luận là chiến lược công nghiệp hóa Việt Nam phải hướng vào đồ điện gia dụng và máy móc trong công nghệ thông tin như máy tính cá nhân, điện thoại di động, vv. Chương 9 và 10 triển khai phương cách chuyển hướng chiến lược công nghiệp và phát triển công nghiệp phụ trợ cho Việt Nam. Tôi nhận thấy tác giả nhấn mạnh vào thị trường hàng hoá, nhưng hình như chưa lưu tâm đủ đến thị trường lao động. Hy vọng trong các nghiên cứu tương lai, tác giả sẽ quan tâm nhiều hơn đến các chính sách đào tạo và huấn luyện lao động có kỹ năng cao, để hỗ trợ chiến lược công nghiệp hóa bàn trong sách.

Trong các chương kế tiếp tác giả tiếp tục khảo sát toàn diện các vấn đề liên quan tới công nghiệp hoá như nội lực và ngoại lực (Chương 11), đầu tư trực tiếp nước ngoài (Chương 12), công nghiệp hoá nông thôn (Chương 14), khám phá và tiếp cận thị trường (Chương 15) và tinh thần doanh nghiệp (Chương 16). Dùng các thông tin chính xác và điều tra thực tế, tác giả cho thấy (i) Việt Nam đã bỏ mất thời cơ 10 năm trước và do đó cần những biện pháp tiếp thị tích cực hơn để thu hút đầu tư nước ngoài, và (ii) Việt Nam chưa tận dụng ngoại lực để đẩy nhanh công nghiệp hoá và chưa tạo sự liên kết hiệu quả giữa các hình thức doanh nghiệp hiện nay. Trong chính sách công nghiệp hoá nông thôn, tác giả nhấn mạnh hai yếu tố : thông tin và tổ chức, và nêu lên 5 điểm cụ thể cho công nghiệp hoá miền Trung, mà tác giả mô tả là "khúc ruột dài, hẹp và còn nghèo của đất nước ta". Trong chương 15, tác giả lý luận Việt Nam rất cần phát triển những công ty thương mại tổng hợp lớn và mạng lưới thông tin trên các thị trường quan trọng để cung cấp khả năng phân tích thông tin, khám phá và tiếp cận thị trường, cũng như năng lực tiếp thị và giao hàng nhanh với phí tổn thấp. Cuối cùng, tác giả không quên đề cập đến tinh thần doanh nghiệp, một yếu tố không thể thiếu của công nghiệp hoá, với thí dụ cụ thể của nước Nhật. Trong các phẩm chất mà tác giả đưa ra : tinh thần canh tân, mạo hiểm, đạo đức doanh nghiệp, tôi rất chú ý đến một điểm. Đó là ý thức mưu tìm lợi nhuận (profit seeking) chứ không phải mưu tìm đặc lợi (rent seeking). Đây quả là một loại vốn xã hội mà Việt Nam rất cần phát triển trong bối cảnh hiện tại.

Nói tóm lại, *BDKTDA&CDCNVN* là một thành quả đáng kể trong quá trình nghiên cứu và phổ biến kiến thức của Giáo sư Thọ. Đây là một tác phẩm có giá trị rộng rãi và lâu dài vì nó góp phần soi sáng cho một chủ đề hàng đầu của chính sách kinh tế Việt Nam hiện nay. Sách là một tài liệu tham khảo cần thiết và quý báu cho tất cả những ai quan tâm đến công cuộc phát triển kinh tế Việt Nam. Mong rằng các ý tưởng, kiến nghị của tác giả sẽ sớm được giới hoạch định chiến lược của Việt Nam thực thi, để Việt Nam mau sớm bắt kịp trình độ công nghiệp của các nước chung quanh.

Sách dày 309 trang, khổ 15,5x23,5cm, giấy tốt, in rõ, dễ đọc, bìa trình bày trang nhã. Về phương diện trình bày, sách có một số cải tiến so với các sách xuất bản trong nước trước đây. Thứ nhất, sách có mã số 338.1(V)CTQG-2005. Mã số sách là một tiến bộ đáng chú ý vì nó mang ngành xuất bản trong nước gần lại với các quy luật bản quyền quốc tế. Thứ hai, mục lục xuất hiện ngay đầu sách. Thứ ba, sách có phần Tổng luận ở đầu và Danh mục tư liệu tham khảo cũng như Mục tra chữ ở cuối giúp người đọc hiểu nhanh nội dung cuốn sách và tra cứu các ý niệm chính trong sách một cách dễ dàng. Tuy nhiên, sách còn để sót một số lỗi kỹ thuật trong quá trình biên tập, in ấn; trong lần tái bản, tôi đề nghị tác giả soát lại và tu chỉnh.

Trần Nam Bình

(*) (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

(**) Tác giả là giáo sư (associated professor) Kinh tế học, Viện Đại Học New South Wales, Sydney, Úc.

Trần Hữu Dũng

Đọc “Mao : Câu chuyện không được biết”

Jung Chang và Jon Halliday, 2005, “Mao : The Unknown Story”, New York : Knopf, 832 trang, 35 USD.

Từ giữa năm 2005, cuốn tiểu sử này đã làm sôi nổi dư luận các nước nói tiếng Anh (xin đừng lầm với quyển “Mao : A life” của Philip Short, xuất bản năm 2001, vừa được dịch ra tiếng Pháp). Hai tác giả là vợ chồng : bà Jung Chang, sinh trưởng ở Trung Quốc, và ông Jon Halliday, sử gia người Anh, nguyên chủ biên tạp chí thiên tài *New Left Review*. Bà Jung Chang từng là một Hồng Vệ Binh trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hoá, đã viết cuốn tự truyện về gia đình bà (“Hoang Nga” (Wild Swans) xuất bản năm 1991) được nhiều người khen,

“Mao : Câu chuyện không được biết” quả là một công trình đồ sộ. Đóng góp rất lớn của hai tác giả là những thông tin mà họ khai thác từ văn khố của Nga và các nước Đông Âu cho đến gần đây còn là bí mật, và từ phỏng vấn hầu hết những người (hiện còn sống) đã tiếp xúc hoặc liên lạc thư tín với Mao (từ các chính khách, ki giả, nhà văn, cho đến người giặt đồ lót cho Mao), dù ít hay nhiều. Sách đầy ắp những giai thoại “hấp dẫn”, cầm lên đọc thì khó lòng đặt xuống.



Nhìn qua con mắt của Chang và Halliday, có thể nói Mao là một quái vật khủng khiếp nhất trong lịch sử loài người, hơn cả Hitler, Stalin, Tần Thủy Hoàng, hay bất cứ ai khác. Đó là một người hèn nhát, lười biếng, quỷ quyết, độc ác, ích kỉ, tham quyền, cơ hội, vô lương tâm, vô nhân đạo. Ông ta là một người thực dụng, không lý tưởng, chỉ theo đuổi quyền hành cho bản thân. Chưa hết : Mao ham gái to, thích ăn uống, và ô do.*

Về mặt chính trị, Mao không hề là một lãnh tụ nông dân, một người Mác xít thực tâm, hay một chiến lược gia có tài. Tất cả những sai lầm, thất bại ở Trung Quốc đều là lỗi của Mao, và nếu Trung Quốc có thành công nào thì hẳn đó không là nhờ Mao. Mọi “chiến thắng” quân sự của Mao là do may mắn, hoặc nhờ can thiệp của Liên Xô, của Nhật, của Mỹ, và do sự triệt hạ không nương tay của Mao đối với kình địch của ông. Đảng Cộng sản Trung Quốc chẳng phải do Mao sáng lập, nhưng là con đẻ của Liên Xô : từ việc chu cấp tiền bạc, sáp đặt tổ chức, đến bổ nhiệm nhân sự. Thực vậy, Mao trở nên lãnh tụ đảng này

cũng là do sự chọn lựa của Stalin, mà Stalin chọn Mao chỉ vì Mao giỏi nịnh bợ.

Chang và Halliday cho rằng, phong trào Trăm Hoa Đua Nở đã đi quá trớn, huỷ hoại thanh danh, sự nghiệp, thậm chí tính mạng của bao nhiêu người, không phải vì sự vụng túng của Mao (như nhiều học giả đã phân tích), nhưng là cái bẫy mà Mao đã thâm độc giăng ra để loại trừ những thành phần chống đối. Tương tự, "Bước Đại Nhảy Vọt" (mà theo Chang và Halliday đã gây 38 triệu tử vong, một con số mà hầu hết sứ gia khác đều cho là quá cao) không phải là một thí nghiệm công nghiệp hoá kiểu Mác, rồi thất bại vì quản lí tồi tệ, như nhiều người vẫn tưởng. Hai tác giả này quyết chắc (dù rất ít bằng cớ) rằng đó là mưu đồ của Mao ngay từ đầu : sung công thực phẩm của nông dân Trung Quốc để, một phần, đổi lấy vũ khí của Đông Âu, và phần khác, viện trợ cho các nước Á Phi để củng cố hậu thuẫn chính trị quốc tế. Cuối cùng, cuộc Cách Mạng Văn Hoá (mà Chang và Halliday gọi là cuộc "đại thanh trừng") đơn giản chỉ để trả thù, không ăn nhập gì đến kế hoạch "trẻ hoá" đảng Cộng Sản Trung Quốc, như nhiều người vẫn tưởng.



Dù phải thán phục Chang và Halliday đã bỏ nhiều thời giờ (hơn mười năm) và công sức cho tác phẩm đồ sộ này (mà chắc chắn mọi khảo cứu về Mao từ rày về sau phải lấy làm khởi điểm), người đọc khó tránh vài thất vọng.

Thứ nhất là về mặt sử dụng tư liệu và nhân chứng. Tuy hai tác giả viễn dãnh hàng ngàn tài liệu, song phần lớn các tài liệu này không được cho nguồn chính xác để những học giả khác có thể kiểm chứng hoặc khai thác thêm. Cũng thế, có thể là Chang và Halliday đã phỏng vấn hàng trăm nhân chứng (danh sách có trong phụ lục) chưa ai khác phỏng vấn (nhất là những người ở Trung Quốc), nhưng không cho biết những người này hiện ở đâu, làm sao tác giả đã tìm ra và kiểm chứng họ. Khi hai tác giả dựa vào tài liệu Trung Quốc và Nga (hai quốc gia mà họ biết rất rõ và thành thạo ngôn ngữ) để kể lại một vụ việc thì họ rất đáng tin, nhưng khi họ dùng tư liệu các nước khác thì độ可信 có kém hơn nhiều.

Những cuộc "đàm thoại bí mật" giữa nhiều nhân vật chủ chốt, dù dựa trên các tài liệu toá án quý hiếm mà hai tác giả có công khám phá, vẫn phải tồn nghi. Chang và Halliday bảo là đã "nói chuyện" với nhiều người, song, sau khi sách được xuất bản, một số người này cho biết chỉ nói qua loa vài câu với Chang và Halliday, không có gì đáng gọi là chứng từ như là ấn tượng được gieo trong sách. Điều nữa : làm sao hai tác giả biết Mao nghĩ gì (nhất là ngay trước lúc Mao chết) ? Vài "phát giác" về liên hệ Việt-Trung (nhất là thời kỳ 1950-60) mà Chang và Halliday kể cũng khá thú vị. Tuy nhiên, vì những vụ việc này cũng đã có trong một số sách báo trước đây, người đọc không khỏi phẫn nộ : Hai tác giả này dùng cùng nguồn, hay thậm chí chỉ căn cứ vào các sách báo

kia, hoặc dựa vào tư liệu, nhân chứng nào khác ? Thiếu dẫn chứng rõ ràng, "Mao" của Chang và Halliday không có ích nhiều là vì thế. Đáng khác, một số sự kiện đã khá quen thuộc thì ở đây được diễn giải một cách mới, nhưng tác giả không cho biết căn cứ vào đâu mà họ bác bỏ các diễn giải khác. (Đáng ngờ hơn, lập luận của Chang và Halliday thường rập khuôn lập luận của phe cực hữu ở Mỹ, Đài Loan, và của thành phần chống đối ở Trung Quốc.)

Thứ hai, để chứng tỏ sự xấu xa vô hạn của Mao, Chang và Halliday bật qua một cực đoan khác : thần tượng hóa đối thủ của Mao (như Lưu Thiếu Kỳ) một cách ngây thơ, phi lý. Dưới mắt hai tác giả, hầu như không một kình địch nào của Mao (trong lẫn ngoài đảng) biết phản trắc, tráo trở. Tôi lớn nhất của họ là nhu nhược và bất tài ! "Mao" còn bị tì bời nhiều mâu thuẫn. Chẳng hạn như Chang và Halliday cho rằng Mao là người dốt nát, lười đọc (cái tủ sách đồ sộ xung quanh giường ngủ của Mao chỉ để làm cảnh, họ khẳng định), nhưng khi muốn chứng minh rằng Mao nào có gian khổ gì trong cuộc Trường Chinh, Chang và Halliday lại cho biết Mao nằm trên cáng đọc sách suốt thời gian ấy.

Thứ ba, hai tác giả kể lại đời Mao hầu như biệt lập với bối cảnh lịch sử và xã hội Trung Quốc, trước và trong khi Mao cầm quyền. Trước Chang và Halliday, mọi tác giả khác đều nhìn nhận rằng Mao (như Tân Thuỷ Hoàng ngày xưa) dù là "quái vật" đến đâu, cũng đã đem lại cho Trung Quốc vài thay đổi có ích (chẳng hạn như cải cách ruộng đất). Hai tác giả này tuyệt đối không nhìn nhận cái có thể ấy, lầm khi với một giải thích khá khôi hài. Chẳng hạn như, thay vì cho rằng ít ra Mao cũng có công giải phóng phụ nữ và chấm dứt nạn tảo hôn (như đánh giá của đa số sứ giả), Chang và Halliday kết tội Mao đã làm mất "sự dịu dàng của phụ nữ". Họ mô tả sự tàn bạo của Mao nhưng không phân tích, tìm hiểu lí do của sự tàn bạo ấy. Bởi vậy, hình ảnh Mao trong sách này quá "phẳng", quá trắng đen, từ lúc sinh đến khi chết, thiếu hẳn chiều sâu và cái phức tạp thật sự của một con người, dù quỷ quái đến đâu, và những thay đổi phải có trong cuộc đời của người ấy.

Ai đã sẵn định kiến (xấu) về Mao sẽ rất tâm đắc với "Mao" của Chang và Halliday. Song quyển này không phải là một công trình có tính học thuật cao. Trong sự hăng say (dù có là chính đáng) đập phá thần tượng Mao, hai tác giả đã lòi đi mọi bằng chứng không ăn khớp với chủ đích của họ khi viết cuốn sách này.

*Trần Hữu Dũng
20-12-05*

* Mao suốt đời không đánh răng, ít khi tắm (chi triệu tập mỹ nữ lấy khăn ướt lau mình). Lâm Bưu cũng thế. Có lẽ "bầu không khí" trong các buổi họp của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc rất ngột ngạt !

Sổ tay

PHONG QUANG

► Có một cái gì nghịch lí trong cuộc tranh luận về lí thuyết diễn ra hai ba tháng trước Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng cộng sản Việt Nam. Đó là cuộc thảo luận về việc cho phép « đảng viên làm kinh tế », hay nói cho đúng câu chữ « đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân ».

Thật ra, gọi là tranh luận cho nó oai và sang. Năm năm trước, việc này chưa được ghi vào nghị quyết đại hội, nhưng mọi người đều biết đã có những đảng viên (cấp cao và trung cao, tất nhiên), đã trở thành những nhà tư bản kinh tế. Chưa có tên trong danh sách 700 người giàu nhất thế giới của tạp chí Forbes, nhưng người ta có thể tự hỏi : họ chưa giàu đến mức như thế, hay tạp chí Forbes chưa biết ? Bất luận thế nào, đảng cầm làm « kinh tế tư bản tư nhân » (nghĩa là cầm bóc lột theo phuơng thức tư bản chủ nghĩa), nhưng « dzậy mà không phải dzậy », « đừng nghe lời đảng nói mà hãy nhìn việc đảng (viên) làm ». Nhưng đó là chuyện năm năm trước. Từ đó đến nay, đại hội của Đảng cộng sản Trung Quốc đã chính thức cho phép. Không những thế, những phần tử « tiên phong » của giai cấp tư sản Trung Quốc được coi là « thành phần tiên tiến » của « lực lượng sản xuất » Trung Quốc, và đương nhiên được kết nạp vào đảng, cũng như trước đây, « thành phần bần cố nông » đương nhiên được kết nạp vào đảng (bạn đọc nào quen với ngữ vựng mác-xít hãy tha thứ cho cách dùnch chữ của tôi : có thể trong đoạn trên, tôi dùng chữ không chính xác, nhưng chắc chắn cũng còn chính xác hơn lối dùng chữ của hai ĐCS TQ và VN).

Bây giờ thì khác rồi. Đại hội X chưa họp (hình như cuối tháng tư này mới họp), chưa biết ông Nông Đức Mạnh tiếp tục làm tổng bí thư, chuyển sang làm chủ tịch nước, hay lên Bắc Kạn nghỉ ngơi), nhưng trẻ con cũng biết rằng lần này đảng viên sẽ chính thức được phép « làm kinh tế tư bản tư nhân », nghĩa là được phép « bóc lột ».

► Ít nhất là từ nay « lời nói đi đôi với việc làm ». Vả lại « kinh tế tư bản tư nhân » được hiến pháp thừa nhận, « tư bản nước ngoài » được mời gọi đầu tư ở Việt Nam, chẳng lẽ đảng viên, sau một đời hi sinh cho cách mạng, lại không có quyền sử dụng một quyền do hiến pháp quy định ? Lại không được tự do kinh doanh như người Mĩ, người Đài Loan trên đất nước Việt Nam hay sao ? Nói như vậy có vẻ trào phúng mỉa mai, nhưng thật sự đó là một điểm mạnh trong luận chứng của một số bài đã được báo chí Việt Nam đăng tải

trong cuộc tranh luận vừa qua. Vì cuộc tranh luận này « bùng ra » – có lẽ ngoài kế hoạch – vì hai đảng viên vai vế đã lên tiếng chống lại. Đó là ông Nguyễn Đức Bình, giáo sư về lí luận, nguyên uỷ viên Bộ chính trị, chuyên trị các vấn đề lí luận và tư tưởng, và ông Trần Trọng Tân, nguyên trưởng ban tư tưởng & văn hoá trung ương.

► Điều nghịch lí mà tôi nói ở trên chính là ở chỗ này : hai nhà bảo thủ nổi tiếng lại có vẻ « bảo vệ chủ nghĩa Marx », còn những « đổi mới » phản biện lại họ có vẻ lại coi khái niệm « bóc lột » trong học thuyết Marx là « lỗi thời », và cuối cùng thì « Đảng cộng sản » kiên trì « chủ nghĩa Mác-Lênin » lặng lẽ khép lại cuộc tranh luận, không kết luận gì cả, nhưng từ nay các nhà « tư bản đỏ » được chính thức « mần » kinh tế tư bản tư nhân.

Độc giả chịu khó đọc đến dòng này có nghĩa là bạn quen thuộc với ngôn ngữ kinh tế học mác-xít. Nhưng không phải vì vậy mà tôi sẽ bàn về khái niệm « bóc lột » và « giá trị thặng dư » trong Sổ Tay này. Bạn đọc nào quan tâm tới vấn đề, xin mời đọc bài của Trần Hải Hạc, « *Học thuyết Marx, Đảng cộng sản Việt Nam và vấn đề bóc lột* », đăng trên số 8 tạp chí *Thời Đại* (và mọi người có thể tìm đọc toàn văn trên mạng internet : http://www.thoidai.org/TD8_THHac.pdf)

Ở đây, tôi chỉ xin nêu đôi ba điều đơn giản :

► Bất luận khái niệm « giá trị thặng dư » và « bóc lột » được hiểu như thế nào, không thể chỉ xét tới khu vực « tư bản tư nhân » mà phải xét tới các khu vực kinh tế khác, đặc biệt là khu vực quốc doanh và khu vực các « trang trại » hàng chục hàng trăm hecta của các quan chức lớn nhỏ.

► Trong khu vực quốc doanh, chỉ nói riêng tới « vụ việc » thời sự nhất là vụ PMU18 của « vua cá độ » Bùi Tiến Dũng. Ông này không phải là « nhà tư bản », tiền nhiệm của ông, thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến, cũng thế. Họ là những đảng viên « cho đến khi khởi tố, đều là những đảng viên tốt », là viên chức cán bộ nhà nước. Hai người đã phụ trách những dự án xây dựng cầu đường trị giá 33 000 tỉ đồng (hơn 2 tỉ đô la). Theo lời một thứ trưởng bộ công an (thiếu tướng Cao Ngọc Oánh), thì « công trình xây dựng không phải bị rút ruột 10-20 % tổng giá trị mà là 30 % » (Vnexpress, 27.03.2006). Như vậy, có thể ước tính rằng bằng đảng của họ đã rút ruột khoảng 700 triệu đô la trong 10 năm qua. Chưa bằng thàn tượng Bill Gates về tài sản, nhưng về mức độ « bóc lột », thì nếu được chọn, tôi xin chọn để Bill bóc lột.

► Thực chất vấn đề không phải ở chỗ « tư bản » có « bóc lột » hay không, càng không phải ở chỗ Marx còn « giá trị » hay không, mà ở chỗ này : tính chất Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay. Ông Phan Diễn, uỷ viên Bộ chính trị, thường trực Ban bí thư, một trong hai ứng viên thay thế tổng bí thư Nông Đức Mạnh, hoàn toàn có lí khi ông lên án lời tuyên bố của ông phó bí thư đảng uỷ Bộ giao thông vận tải trích dẫn ở trên (« *Trước khi bị khởi tố, họ đều là những đảng viên tốt* »). Ông Diễn cho rằng phát ngôn như vậy là « *quan liêu, vô chính trị và vô trách nhiệm, có thể nói là vô cảm, không thể chấp nhận được* ». Câu nói của ông Diễn, có thể diễn nôm

núi thế này : *mày nói như vậy thì... lộ tẩy hết cả*. Mà như vậy quả là vô cảm và vô chính trị.

► Nói sang chuyện khác, vui hơn. Số này, Diễn Đàn trích đăng những trang đầu nguyên bản tiểu thuyết *Chốn Vắng* của Dương Thu Hương, mà cho đến nay, độc giả chỉ có thể đọc qua bản dịch tiếng Anh của Nina McPherson và bản dịch tiếng Pháp của Phan Huy Đường. Bản dịch tiếng Pháp, trong vòng một tháng, đã bán hơn 20 000 cuốn (tiểu thuyết *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện cũng chỉ đạt con số này sau khi Cao được giải Nobel, trước đó *La Montagne de l'Ame* chỉ bán được khoảng 1 500 cuốn).

Tất nhiên, một nhân tố quyết định cho việc sách bán chạy là nó được người ta biết tới : phải nói là về mặt này, nhà xuất bản Sabine Wespieser đã thành công vượt bậc trong việc tranh thủ báo chí và đài truyền hình, truyền thanh. Không ít người cho rằng báo chí nói nhiều tới Dương Thu Hương chủ yếu vì lí do chính trị, vì chị vẫn tiếp tục bị « quản chế tại nhà » (nói như vậy không đúng hẳn : ai chẳng biết chị luôn luôn bị công an theo dõi từ 15 năm nay, nhưng « quản chế » gì mà cuối cùng, nhà cầm quyền vẫn phải cấp hộ chiếu để chị sang Ý và sang Pháp năm ngoái và năm nay ?). Chính trị ư ? cũng không hoàn toàn sai, nhưng báo chí là một chuyên, độc giả là chuyện khác : trước *Chốn Vắng*, Dương Thu Hương vẫn là tác giả Việt Nam có nhiều độc giả nhất ở Pháp (theo con số của nhà sách FNAC, và điều này chắc cũng đúng cho các nước Âu-Mĩ khác). Rõ ràng, bạn đọc tìm thấy ở những trang viết của Dương cả một thế giới âm thanh, màu sắc, nhục cảm, và những con người có da có thịt, có sức sống (có nhân vật nào « thật » và « sống » trong văn học Việt Nam thế kỷ 20 như Cô Tâm trong *Những thiên đường mù* ?)

► Nói đến Dương Thu Hương và quan hệ của nhà văn với chính quyền Việt Nam, ngoài chuyện 7 tháng tù (và trước đó, ông Nguyễn Văn Linh gọi chị là « con ranh con », gọi anh Nguyễn Khắc Viện là « tay này bây giờ đi ca ngợi dân chủ tư sản »), có một cái còn chặn ngang cổ họng của nhà cầm quyền như khúc xương cá : cái huân chương « Văn Nghệ » mà ông Jacques Toubon gắn cho Dương Thu Hương năm 1995.

Đối với bộ máy chính quyền Việt Nam, đó là một « hành động chủ ý » của Pháp, chơi xấu với mình. Điều tức cười, là bộ ngoại giao Pháp lúc đó (do ông Alain Juppé đứng đầu) hoàn toàn bị « chưng hửng » và tìm cách ngăn chặn, sứ quán Pháp tại Hà Nội thì tất tả ngược xuôi để hàn gắn (làm ăn buôn bán mà). Khỏi « văn hoá tư tưởng » của « đảng ta » thì cho những ông Cù Huy Cận viết bài nhô nhăng, thậm chí còn huỷ bỏ một cuộc hội thảo nhân ngày 8-3 về... Simone de Beauvoir ! Ngày xưa, Vũ Trọng Phụng có thể tưởng tượng ra cuộc đấu ten-nít giữa Xuân Tóc Đỏ và vô địch Xiêm La. Nhưng làm sao Vũ có thể tưởng tượng ra mối liên hệ giữa Simone de Beauvoir với cái mề đai kia !!!

► Mười năm đã trôi qua, tôi xin mạn phép kể lại nguồn gốc cái vụ huân chương này, vì tình cờ, tôi được chứng kiến từ đầu. Số là năm ấy, trong thời gian Dương Thu Hương ở

Pháp, tôi có giúp phiên dịch cho chị trong một vài cuộc gặp. Trong đó có cuộc phỏng vấn của nhà báo phụ trách văn học báo Le Figaro, bà A. de G. Cuộc phỏng vấn kéo dài gần 3 giờ. Sau đó ít bữa, bà A. de G. điện thoại cho tôi, hỏi : nếu Bộ văn hoá Pháp tặng Dương Thu Hương huân chương « Văn Nghệ » thì liệu chị có nhận không ? Tôi nói : tôi sẽ chuyển câu hỏi cho đương sự, còn riêng tôi, tôi chờ đợi là chị sẽ từ chối. Và tôi hỏi thêm : tại sao bà hỏi như vậy ? Phải chăng bà là « sứ giả » của Bộ văn hoá hay chính quyền Pháp ? Câu trả lời khá đơn giản : đó mới chỉ là một ý nghĩ cá nhân của bà G., vì một thiện ý duy nhất là mong rằng này điều này sẽ « bảo vệ » Dương Thu Hương, khiến cho nhà cầm quyền Hà Nội cũng phải cân nhắc hơn mỗi lần họ muốn gây khó dễ với chị. Nhưng nếu chỉ là ý kiến cá nhân ? Sau vài giây lưỡng lự, bà G. nói thực : « *Chồng tôi là chính văn phòng của ông Toubon, tôi nghĩ nếu chồng tôi đề nghị thì ông bộ trưởng sẽ đồng ý thôi* ». Tôi đã làm đúng nhiệm vụ của người phiên dịch là thông báo cho DTH và của một người bạn là nói ý kiến riêng : không nên nhận, vì cái « mề đai » này sẽ gây ra nhiều ngộ nhận, không riêng gì ở chính quyền mà ngay từ dư luận, và lại, khi chị bị cầm tù, chính dư luận đã buộc nhà cầm quyền Pháp phải lên tiếng làm áp lực với Hà Nội, chứ không phải nhà cầm quyền Pháp chủ động làm việc này. Sau khi suy nghĩ, Dương Thu Hương đã quyết định nhận lời, và ít ngày sau, buổi lễ trao huân chương đã diễn ra ở Bộ văn hoá Pháp, trong căn phòng khách sang trọng, nhìn xuống vòm « thượng uyển » với những cây cột sọc đen sọc trắng nổi tiếng của Buren.

Điều tôi xin « tiết lộ » là một cú điện thoại mà tôi nhận được khoảng một tuần trước buổi lễ. Một ông cố vấn (về quan hệ quốc tế) của Bộ văn hoá gọi điện thoại cho tôi. Đây quả là một vinh dự khiên tôi đáng lẽ phải lúng túng. Nhưng hình như người lúng túng lại là ông ta. Ông ta hỏi đi hỏi lại « bà bạn của chúng ta nhận lời như thế, không biết bà đã suy nghĩ kĩ chưa ? ». Quen thói vô lẽ nên tôi hỏi ngay : « Phải chăng các ông tính rút lại quyết định tặng huân chương ? ». « Ấy chết, không phải thế đâu. Tôi chỉ muốn.... », ông ta vội thanh minh thanh nga. Hiểu cái thế lúng túng của « ông bạn », tôi nói thực với ông ta : chính tôi cũng nghĩ, với những lí do khác các ông, là bà Dương Thu Hương không nên nhận lời, nhưng bà ấy đã suy nghĩ, đã nhận lời, và Bộ văn hoá Pháp đã công bố, nếu bây giờ các ông rút lại, thì không khác nào đâm dao găm vào sau lưng người bạn của chúng tôi, và nếu thế thì ban bè của tôi và tôi buộc phải vận động báo chí tố cáo... cũng như trước đó mấy năm, chúng tôi đã ngăn chặn Bộ văn hoá các ông định xoá tên Dương Thu Hương trong danh sách 10 nhà văn được mời sang dự chương trình « Les belles étrangères » giới thiệu văn học Việt Nam, theo gợi ý của một quan chức nào đó ở Hà Nội, và sự xúi dại của một quân sư Pháp với quá khứ và tư tưởng thực dân.

Với tư cách một chúng nhân tình cờ và bất đắc dĩ, tôi xin kể lại trung thực sự việc theo tôi biết và nhớ. Hi vọng đây không phải là nhìn lịch sử qua lỗ khóa.

PHONG QUANG

Dịch thuật và học thuật

Bùi Văn Nam Sơn

LTS. Sau tác phẩm đỗ sô dịch và chú giải « *Phê phán lý trí thuần túy* » của Kant, (xem Diễn Đàn số 151, tháng 5.2005), dịch giả Bùi Văn Nam Sơn vừa cho ra mắt bạn đọc tác phẩm « *Hegel - hiện tượng học tinh thần* » (nhà sách Trẻ).

Nhân dịp này, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài viết về việc dịch triết học Tây phương sang tiếng Việt mà anh đã đăng trên báo điện tử VietNamNet ngày 28.1 vừa qua. Bài này là một đóng góp của BVNS cho chuyên đề « *Dịch thuật thời @* » mà VNN đã mở ra từ cuối tháng 12.2005, và vừa « tạm khép lại » ngày 22.3.2006 với ngót 20 bài viết của nhiều dịch giả, nhà văn... trong và ngoài nước.

(...) Để ngắn gọn, tôi xin phép phát biểu theo kiểu “gạch đầu giòng” :

1. Cần đặt việc dịch thuật vào khuôn khổ chung của việc xây dựng nền học thuật nước nhà :

- Trong lãnh vực triết học, hiện có hai luồng ý kiến :

a) không nên dịch ; “dịch là phản”. Muốn tìm hiểu hay giao lưu với tư tưởng Tây phương, phải cố trực tiếp đọc bản chính bằng ngoại ngữ. Lý do thường nêu là trình độ có hạn của những người dịch và cả khả năng diễn đạt còn yếu của tiếng Việt cũng như truyền thống ít chuộng lý luận của nước ta.

b) dịch là công việc thứ cấp, nhai lại cặn bã của cổ nhân và của người khác. Hãy “sáng tạo” và tự làm nên những công trình của riêng mình !

Các ý kiến ấy đều có chỗ đúng, nhưng tôi e là do chưa thấy hết mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại của dịch thuật và học thuật. Học thuật theo nghĩa hẹp là nền giáo dục, nhất là nền giáo dục, nghiên cứu ở đại học, và theo nghĩa rộng là nền “tư văn”, là đời sống và hoạt động khoa học, tinh thần của cả một đất nước.

- Có vô số ví dụ đáng suy nghĩ chung quanh vấn đề này trong lịch sử phát triển tư tưởng của các nước ; chỉ xin thử nêu một số :

+ Ngài Trần Huyền Trang (Thầy Tam Tạng) tổ chức dịch kinh một cách quy mô và có phương pháp nên đã đặt nền móng vững chắc cho Phật học ở Đông Á, nâng chất lượng của Hán văn lên một trình độ mới hẳn. Các “tân thư” (Darwin, H. Spencer, Rousseau, Montesquieu...) được dịch ở Nhật và Trung Quốc vào thế kỷ 19 mở đường

cho cách mạng dân chủ và canh tân xã hội. Không ít những thuật ngữ ngày nay chúng ta đang dùng (chẳng hạn ngay chữ “Triết học” !) cũng là nhờ công lao của các dịch giả Nhật và Trung Quốc ấy... Đó là chưa nói đến các cống hiến tiên phong của nhiều học giả Việt Nam thế hệ trước đây.

+ Ngay tại Châu Âu, tác phẩm chính của Adam Smith được dịch ngay ra tiếng Đức cùng trong năm 1776[i] nhờ đó Kant, Hegel... mới được đọc và đã kịp thời mở rộng kích thước xã hội, kinh tế-chính trị trong tư tưởng của mình. Các tác phẩm chính của M. Heidegger - tưởng như “không thể dịch được” - đã sớm được các dịch giả có chân tài dịch sang tiếng Pháp với sự hỗ trợ của chính tác giả, nhờ đó gây nên phong trào “triết học hiện sinh” sôi nổi ở Pháp... Trong khi đó, vì dịch quá muộn (chậm hơn 40 năm giữa hai nước láng giềng !) tác giả có tên tuổi lớn ở Pháp là Gaston Bachelard[ii] hầu như không được biết đến ở khu vực sử dụng tiếng Đức khiến giới triết học Đức hiện nay ân hận mãi !

+ Về ngôn ngữ, ngoài ví dụ rực rỡ và quen thuộc của Thầy Tam Tạng trên đây, dịch thuật góp phần rất lớn vào việc cải biến, xây dựng và nâng cao ngôn ngữ khoa học của nhiều nước. Ngày nay, ai cũng phải thừa nhận tiếng Đức là ngôn ngữ uyên thâm về triết học và khoa học. Nhưng đâu phải “tròi sinh ra thế” và cũng chỉ mới được “như thế” từ khoảng 200 năm nay thôi ! Thế kỷ 18, mọi người đều viết bằng tiếng Latinh (ngay cả Leibniz và Descartes) vì ai cũng cho rằng tiếng bản ngữ là “nôm na mách qué !”. Nhờ Martin Luther “đánh bạo” dịch kinh Thánh sang tiếng Đức mới bắt đầu có ngôn ngữ văn xuôi Đức trôi chảy. Rồi nhờ Ch. Wolff và Kant cố gắng dịch các thuật ngữ Latinh sang tiếng Đức mới đặt được nền móng cho ngôn ngữ triết học Đức ngày nay... Còn trong tiếng Anh, đó là công của những J. Locke, David Hume, Berkeley...

Tóm lại :

- không cá nhân hay quốc gia nào dám cho rằng mình là “đỉnh cao”, là “quê hương” của tư tưởng, khoa học mà không lo học hỏi người khác và nước khác.

- dịch sớm và dịch cái đáng dịch là cách nhanh nhất để bắt kịp thiên hạ.

- dịch đúng và dịch hay góp phần vun bồi hay thậm chí nâng cao ngôn ngữ và trình độ tư duy của cả một dân tộc.

- không ngôn ngữ nào là “kém”, là “nôm na mách qué” cả, chỉ có người viết và người dịch kém mà thôi. (Tiếng Việt, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, nay đã trưởng thành, có tiềm lực thẩm mỹ, tư biện và khoa học không thua kém ngôn ngữ nào khác, lại có trữ lượng thuật ngữ hầu như vô tận từ nguồn “đồng văn” Trung, Nhật...).

Một số hệ luận có thể rút ra là :

- Bạn hãy cho tôi biết nước bạn đã dịch được những gì, tôi sẽ nói cho bạn biết nền học thuật của nước bạn hiện như thế nào !

- Xét học thuật theo nghĩa hẹp là nền giáo dục đại học, ta thấy :

+ sau nhiều bước cải cách, ở đại học các nước phương Tây, nhất là khoa Triết, hầu như chỉ còn có những giáo sư rất nổi tiếng, tầm cỡ “triết gia” mới dám “đọc cours” (“giáo trình”), nếu không sẽ chẳng có sinh viên nào đến nghe, vì “đọc cours” không cấp chứng chỉ để tính điểm ! Hầu hết chương trình còn lại dành cho các “xémise” mà chủ yếu là thầy trò cùng đọc, cùng làm việc trên bản chính (nguyên bản hay bản dịch được thừa nhận) của các tác giả lớn. Từ đó, mới bỗng được tận gốc tê nạn “thầy đọc trò chép”, và người học có đủ tự tin để trích dẫn, trao đổi, tham bác, nghị luận, hình thành tư duy độc lập và sáng tạo về sau. Và, cũng chỉ cách học ấy mới khiến người ta thấy cần biết bao nhiêu bản dịch thật tốt và kịp thời !

+ sách tham khảo là cần, nhưng sách chính bản (Original) là cần hơn. Không nên làm việc ngược đời : sách tham khảo trở thành “chính khóa”, sách chính bản trở thành sách “tham khảo”. Các nhà nho thúc thời trước đây (chẳng hạn Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng...) đều đã bức mình và lên án “lỗi học Tổng nho” ấy : sĩ phu chạy theo khoa cử thật ra chỉ học Chu Hy và Bùi Huy Bích chứ ít học Khổng Mạnh và Tú thư^[iii] !

- Xét học thuật theo nghĩa rộng là nền tư văn, khoa học của cả nước nhà, ta thấy :

+ “bất học Thi, vô dĩ ngôn”, không “bác lâm quân thư” thì lấy gì để ăn nói với thiên hạ, để có thể tham gia và góp tiếng nói của mình vào cuộc “trăm nhà đua tiếng” trên thế giới ?

+ không luyện nội công, chỉ học quyền cước làm sao đủ sức... “hành hiệp giang hồ” ? Cũng như trong thể thao... SEA Games thôi, môn nào có đủ “nội lực” thì đi xa, thắng lớn, chưa đủ thì chỉ biết phó cho may rủi. Dịch thuật là tăng nội lực cho số đông để các thế hệ sau bay cao, bay xa. Không có cái nền chung ấy, những “sáng tạo” đột xuất cũng khó có chất lượng ngoài chút hư danh của kẻ “múa gậy vườn hoang” và trái với tính “công truyền” (chứ không phải “bí truyền”) vốn là bản chất của khoa học và với lý tưởng nhân văn, khai sáng của triết học đích thực. Dù cao xa, thâm trầm đến mấy, triết học chưa bao giờ là sự độc thoại, là sản phẩm từ... hư vô mà là sự tiếp tục suy tưởng. Nó là việc kiến tạo liên tục những cuộc đối thoại với các “luật chơi” riêng biệt. Nói như Kant, “một mình mình biệt, một mình mình hay”, hoặc không trao đổi, cọ xát rộng rãi, - trước hết với những người trong nước rồi rộng ra nước ngoài - trong tinh thần phê phán và công khai thì đó là cách “hộ tử” (Euthanasie) êm ái nhất đối với triết học !

2. “Làm gì ?”

- Theo thiển ý, không bao giờ là muộn để cùng nhau bình tĩnh tổ chức việc dịch thuật cho có bài bản. Không nên từ chối bỏ bê chuyển sang sự nóng vội. Theo tôi, việc dịch sách triết học có mấy điểm đặc thù sau đây :

a) Tính hệ thống :

- Thường xuyên cập nhật một danh mục thật tốt những tác phẩm cần dịch (tiêu biểu cho mỗi thời kỳ, mỗi trường phái, mỗi tác giả...), rồi kiên trì theo đuổi kế hoạch ấy một cách lâu dài^[iv].

- Dịch sách chính bản trước, sách tham khảo sau. Sách “nguồn cội” trước, sách “phái sinh” sau (vd : dịch Platon trước Plotin, dịch Kant trước Fichte, dịch Husserl, Heidegger trước Sartre, Gadamer...).

b) Tính giáo khoa :

- Sách triết học không chỉ để “thưởng thức” hay “di dưỡng tình tình” ở nơi thanh vắng mà để cùng nhau **học** trước đã. Vì thế, phải dịch thật kỹ, thật trung thực, có chủ thích và chú giải kỹ càng. (Các chủ thích, chú giải chỉ nên làm nhiệm vụ giải thích, soi sáng những chỗ khó hiểu. Việc nhận định, phê phán nên dành cho người đọc và nên làm chỗ khác). Luôn ưu tiên nghĩ đến đối tượng đọc và sử dụng là giới sinh viên và người nghiên cứu. Tránh tình trạng đọc bản dịch còn khó hơn đọc... nguyên bản ! Có nhiều tác phẩm rất kén chọn người đọc và thỉnh thoảng mới cần đến, vì thế cũng không nên đòi phải phổ biến rộng rãi hay có “tác động” thiết thực ngay. Nhưng khi cần đến thì phải có. Các nền học thuật hon thua nhau là ở chỗ đó.

c) Tính khoa học :

- Bản dịch ra đời không phải một lần là xong mà có thể dịch đi dịch lại nhiều lần. Sau khoảng 10, 20 năm, các bản dịch đều cần chỉnh lý lại cho phù hợp với biến chuyển của ngôn ngữ và thuật ngữ. Khuyến khích có nhiều bản dịch khác nhau về cùng một tác phẩm để người đọc chọn lựa, so sánh, đừng ngại mất công hay cho là thừa.

- Ở các nước, người dịch thường là người đã nghiên cứu lâu năm về tác giả. Nếu là tập thể dịch giả, thì thường là nhóm “tâm giao”, hiểu nhau và hiểu tác giả để bản dịch có được sự chặt chẽ, “nhất khí”. Chỗ nào không hiểu hay chưa hiểu rõ thì cũng cứ nói ra để người đọc được biết, chẳng xấu hổ gì. Ngay tác giả có khi còn chẳng hiểu được chính mình nữa là !

- Bản dịch văn chương có thể bằng hoặc có khi “hay” hơn nguyên bản, thậm chí có “dư địa” cho sự “sáng tạo” của dịch giả (theo nhận xét chủ quan của tôi, có thể lấy ví dụ : bản dịch “Tỳ Bà Hành” của Phan Huy Vịnh, bản dịch “Trường hận ca” của Tân Đà, một hai bản dịch của Bùi Giáng...). Trong triết học, cần dịch đúng và dịch sao cho “có thể đọc được” trước đã, vì như Kant nói “trong lãnh vực này, điều nguy hiểm không phải là bị phản bác mà là không được hiểu đúng” (Phê phán Lý tính thuần túy, Lời Tựa II, BXLIII), do đó các triết gia lớn thường cân nhắc từng chữ, từng ý, đúng với câu “nhất tự thiên kim” mà người dịch không được phép lơ là hay thiếu tinh tế. Do tính nghiêm mật của triết học, dịch sai còn tệ hơn là không dịch vì nó có thể để lại những di hại khôn lường về sau. “Tín, đạt, nhã” là lý tưởng của việc dịch ; nếu chưa được cả ba, nên ưu tiên cho chữ “tín”.

- Sóm hỉnh thành và hoàn thiện dần một “quy ước” chung, thống nhất về kỹ thuật dịch và cách trình bày bản dịch, xây dựng từng bước một “kho” thuật ngữ và dữ liệu, soạn “từ điển” thuật ngữ về từng tác giả, từng bộ môn (vd : nhận thức luận, đạo đức học,...).

3. Xin hãy “vội vã một cách chậm rãi” !

- Trừ những bậc thiên tài về tư tưởng và dịch thuật, thường phải học vài chục năm về một hay vài ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ (ngoài kiến thức chuyên ngành) mới có thể dịch và chú giải sách triết học. May ai có điều kiện ấy ? Nên, tình hình cũng thật cấp bách ! Số người thuộc chuyên ngành này vốn đã không nhiều ; sống lâu ở nước ngoài thì “kém” tiếng Việt ; học chuyên ngành và ngoại ngữ ở trong nước năm bảy năm thì chưa đủ, làm sao giải quyết tình trạng ấy ?

- Theo tôi, chỉ có cách học kinh nghiệm của Ngài Trần Huyền Trang là : đào tạo kiểu “cuốn chiếu”, tổ chức dịch theo mô hình “kim tự tháp” bằng một “công nghệ có tính dây chuyền”.

- Lập một “diễn đàn dịch thuật” thường xuyên để trao đổi, học hỏi giúp đỡ lẫn nhau.

- Trong bối cảnh một xã hội thông tin và toàn cầu hóa ngày càng phát triển nhanh chóng và không thể đảo ngược, sự tự giác và khả năng tự tổ chức của giới khoa học là quan trọng và cần thiết nhất. Các yếu tố ngoài-khoa học cũng cần nhưng không và không nên để trở thành yếu tố quyết định. Việc hình thành mới đây của “Tủ sách Tinh hoa Tri thức thế giới” là một dấu hiệu tốt theo hướng đó.

Tóm lại, xây nhà thì không thể xây từ nóc ; nhưng cái nền tảng không thể xây từ nóc ; nhưng cái nền là công việc “khổ sai” âm thầm, năn nhọc, không thu vị bằng công đoạn... trang trí nội thất. Nhưng, đó là khâu cần hon hết đến tài nghệ và lương tâm của kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng. Với sự giám sát nghiêm khắc nhưng có viễn kiến của các tổng công trình sư. Vái trời sám có được những con người đó !

Vài ý kiến nôm na và thành thật xin đóng góp vào diễn đàn chung.

● Bùi Văn Nam Sơn

(VietNamNet 28.1.2006)

[i] A. Smith : An Enquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations. Nguyên bản Anh : London 1776 ; bản dịch Đức 1776, 1792 (thật đáng kinh ngạc !).

[ii] G. Bachelard : “La formation de l'esprit scientifique” (Nguyên bản Pháp : 1938 ; bản Đức : 1978 !). Té ra không phải “ông Tây” nào cũng thích và cũng có khả năng đọc ngoại ngữ của nước láng giềng !

[iii] Xem : Bài tựa của Huỳnh Thúc Kháng cho quyển “Không học đăng” của Phan Bội Châu (ghi theo trí nhớ).

[iv] Mới đây tôi có nộp cho “Tủ sách Tinh hoa Tri thức thế giới” và NXB Tri thức do GS Chu Hảo chủ trương một danh mục gợi ý.

Tin Văn hoá

Di tích quốc gia

Làng cổ Đường Lâm

Làng cổ Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Tây (nằm cách Hà Nội 50km về phía Tây) đã trở thành ngôi làng cổ đầu tiên trong cả nước được Cục Di sản Văn hoá (Bộ Văn hoá Thông tin) công nhận là di tích cấp quốc gia.

Làng cổ Đường Lâm nổi tiếng với những căn nhà cổ được xây bằng đá ong, có lịch sử khoảng 3.000-4.000 năm.

Nhân dịp này, UBND tỉnh Hà Tây đã phê duyệt dự án đầu tư trùng tu, tôn tạo, bảo tồn làng cổ Đường Lâm theo kế hoạch dài hạn từ nay đến năm 2020 với tổng kinh phí dự kiến hơn 200 tỷ đồng. Dự án sẽ được khởi động vào 19/5/2006 tới.

Trước mắt, các hạng mục như đình Mông Phụ, văn chi, văn bia, quần thể giếng cổ, nhà cổ đá ong sẽ được ưu tiên đầu tư trùng tu, bảo vệ.

Theo ông Nguyễn Quốc Hùng, phó cục trưởng Cục Di sản Văn hóa (Bộ VHTT), sau Đường Lâm sẽ có nhiều làng cổ được công nhận di tích quốc gia, trước mắt Cục Di sản văn hóa đang nghĩ đến làng Phước Tích ở Huế.

(theo VietNamNet 20/03/2006)

Mũi khoan xuyên lòng di tích quốc gia Yên Tử ?

Từ năm 1998, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã có chỉ thị dừng khai thác than tại Yên Tử. Thế nhưng, ngành than vẫn chưa từ bỏ ý định khai thác ngay dưới lòng đất của di tích.

Báo Tiên Phong (17, 18, 22, 29, 31.3.2005) đã có một loạt bài báo động một công ty thuộc Tổng công ty Than VN đã tổ chức một cuộc hội thảo về « công nghệ khai thác bằng sức nước » nhằm chứng minh rằng họ có thể tiến hành khai thác than ở dưới lòng khu di tích Yên Tử một cách an toàn. Khu vực khai thác có diện tích 5,2 km², thuộc diện tích 29,2 km² vùng bảo vệ di tích mà năm 1998 Thủ tướng đã phê duyệt, vùng cấm hoạt động và hạn chế hoạt động khai thác khoáng sản của địa bàn tỉnh Quảng Ninh !

Nhiều nhà khoa học và dư luận đã phản ứng gay gắt trước ý tưởng khai thác than dưới lòng di tích Yên Tử, buộc một quan chức của Tổng Cty Than VN phải tuyên bố « Sẵn sàng rút khỏi Yên Tử nếu dư luận phản đối ».

Một năm đã trôi qua, mọi chuyện có vẻ đã lắng xuống. Song, theo báo SGGP ngày 8.2.2006 – bài viết nhân lễ hội Yên Tử -, tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam vẫn đang khai thác than lấn vào các khu vực đe dọa đến chốn linh thiêng này, và chưa bỏ ý định rút hàng triệu tấn than màu mỡ nằm dưới chùa, am, tháp và rừng tùng, trúc Yên Tử.

Việc bảo vệ những di tích quốc gia như Yên Tử, đồi Vọng Cảnh v.v. vẫn cần được dư luận cảnh giác !

TOKUGAWA YOSHIMUNE

và VOI VIỆT NAM

ở NHẬT BẢN vào THẾ KỶ XVIII

Vĩnh Sính

Dưới đời chúa Nguyễn Phúc Chú [1], ở Nam Hà, hai con voi được chở theo thuyền buôn của Trịnh Đại Uy[2] người Hoa từ Hội An đến Nagasaki ngày 7 tháng 6 năm 1728. Người nhận hai con voi là Yoshimune, tướng quân thứ 8 của dòng họ Tokugawa. Voi đực sống đến năm 1743, voi cái vì không hợp thuỷ thô chết hơn 3 tháng sau đó. Khi nhắc đến con voi đầu tiên sống ở Nhật, người ta thường nói đến con voi đực này.

Để hội kiến “Tướng quân”, voi phải đi lên Edo, tức Tokyo ngày nay, thủ phủ của chính quyền Mạc phủ. “Phái đoàn” có tất cả 14 người : hai người “An Nam” (Việt Nam) là Đàm Số và Đàm Miên, 2 người Nhật đi theo học nghề nuôi voi, thông dịch viên, những quan có thẩm quyền ở Nagasaki và cấp dưới. Đoàn người phải đi vượt qua 1200 km từ Nagasaki lên Edo.

Voi lên đường đi Edo ngày 13 tháng 3 năm 1729. Ngày 26 tháng 4 voi đến Osaka và Kyoto. Ở Kyoto, voi được mang “tước” quan khi được Thiên hoàng Nakamimado “thượng lâm” : voi được ban tặng tước “Quảng Nam tòng tú vị bạch tượng”. Quảng Nam là tên gọi chung miền Nam nước ta lúc bấy giờ, “tòng tú vị” là chức vị hồi đó tương đương với hàng tử phẩm, còn “bạch tượng” gọi nôm na là “voi trắng”.

Ngày 4 tháng 5, voi đến Yokohama, gần thành Edo. Mạc phủ cho phát “Rokugō no watashi”, tức là cách thức qua thuyền Rokugō. Để voi qua sông, Mạc phủ cho sắp 30 chiếc thuyền lại với nhau, những chỗ gây chòng chành được đóng lại cho vững. Voi đực lúc đó 7, 8 tuổi, nặng khoảng 3 tấn. Tất cả các phí tổn do lãnh địa trực thuộc Bakufu ở Rokugō đảm nhiệm. Nội ở Rokugō đã cần đến động viên đến 805 người, từ ngày 9 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5. Bakufu ra yết thị như sau hai ngày trước khi voi qua sông :

– Đường sá phải giữ gìn sạch sẽ, phải chuẩn bị chỗ cho voi uống nước

- Ở các chùa, không được gióng chuông
- Bò và ngựa bên vệ đường không được lại gần...
- Người ngắm cảnh không được huyên náo...
- Không được ra khỏi nhà...
- Rác rưởi phải lượm sạch
- Không buộc chó với mèo ngoài đường
- Đè phòng lừa.

Theo *Tokugawa jikki* (Tokugawa thực ký), Yoshimune đã đứng ngắm cảnh voi vào thành Edo từ phòng khách của mình. Sách in hoặc sách vẽ về voi đều có bán. Những sách tiêu biểu

hồi đó như các cuốn *Zōshi* (Tạp chí về voi), *Zō no mitsugi* (Những tặng phẩm của voi), *Junzōdan* (Huấn luyện voi), hoặc *Junzōzokudan* (Huấn luyện voi – Chuyện giải trí). Ngoài sách ra, người ta có bán cả tranh màu vẽ voi, vòng đeo tay có vẽ voi, đồ chơi có hình voi, hoặc là tuồng kịch có voi của Ichikawa Danjurō.

Gensuke là một tay nuôi voi có tiếng ở vùng Nakano. Lúc voi được mua, Gensuke lựa nơi cảnh đẹp rồi lập quán trà “Thắng cảnh”. Gensuke còn biết dồn phân voi để bán rồi tuyên bố rằng “Phân voi chữa bệnh đậu mùa ! ”

Vì đã xem hình voi qua sách, khi được trông thấy voi trước mắt, Yoshimune không khỏi xúc động. Không hổ danh là người thích súc vật, mỗi lần ra Hamagoten Yoshimune đều có đem theo thức ăn. Ban đầu có lắm chuyện về lòng thích súc vật của vị Tướng quân này.

Điều khó khăn cho Yoshimune là ông ta lại nổi tiếng là người cẩn kiêm. Yoshimune là người dẫn đầu vụ “cải cách tài chánh Kyohō” nổi tiếng. Ông bày tỏ lòng cộng cảm với nền kinh tế trong nước bằng cách quyết định không mặc áo quần lụa và thay vào đó mặc vải bông. Mỗi ngày ông chỉ ăn hai lần. Ông không thích những con vật gì không có ích lợi cho người mà lại tốn kém. Với ông, voi tuy to lớn nhưng lại vô dụng : một ngày voi ăn 8 thung gạo (một thung bằng một phần mười của đấu), 100 bánh bột gạo ngọt, 100 quả cam, 120 kg rơm, 90 kg lá tre, 120 kg cỏ và 2 cây chuối.

Voi càng ngày càng lớn, trong khi những việc voi làm “có ích” thì ít. Hôm nọ, mặc tên nài nói gì thì nói, voi cứ làm theo ý mình và kết quả là tên nài bị voi chà. Tiền voi ăn và phân voi lại càng về tay Gensuke. Voi được đổi đến Nakano, gần Shinjuku ngày nay. Chỗ nuôi voi ở gần công viên Asahigaoka Jidōka Kōen. Gensuke mở quán bán “Bánh ngọt Zō” – tiếng Nhật Zō là voi. Nửa năm đầu, người mua rất đông. Sau vì nghe voi không được Mạc phủ ủng hộ như trước, khách đến thưa dần. Tiền ăn cho voi ngày càng ít, thậm chí voi bị thiếu dinh dưỡng. Không còn đâu cảnh voi được sưởi bằng than của những năm đầu, chân voi giờ phải đeo xiềng. Cuối cùng voi voi chết vì bệnh ngày 11 tháng 12 năm 1743 [3].

Khi voi chết, Gensuke được tặng bộ xương đầu, hai cái ngà và da mũi. Sau đó 30 năm, Hòa thượng Yugen (Hữu Nham) ở chùa Hōsenji (Chùa Bảo Tiên) bèn dùng 17 lượng vàng, một số tiền kέch sù lúc bấy giờ, để mua lại của con cháu Gensuke là Izaemon bộ xương và cặp ngà voi. Gần đây, bộ xương và cặp ngà vẫn còn nơi chùa ấy[4].

[1] Túc Tông Nguyễn Phúc Chú, 1725-1738 là con của Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu, 1691-1725 và cha của Thé Tông Nguyễn Phúc Khoát, 1738-1765.

[2] Có chỗ “Uy” viết là “Thành”.

[3] Có tài liệu nói voi đực chết năm 1741 hoặc năm 1749.

[4] Chúng tôi tham khảo tài liệu sau đây là chính : Ishizaka Shōzō, *Zō no tabi : Nagasaki kara Edo e* (Chuyến hành trình của voi : Từ Nagasaki đến Edo). Tokyo : Shinchōsha , 1992.

Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền qua đời

Nhà thơ, nhà văn Thanh Tâm Tuyền, tên thật là Dzu Văn Tâm, vừa qua đời lúc 11 giờ 30 ngày 22/3/2006 tại thành phố St Paul, Minnesota, Hoa Kỳ, nơi ông cư ngụ, hưởng thọ 70 tuổi.

Ông sinh ngày 13/3/1936, tại Vinh, Nghệ An. Từ 16 tuổi đã đi dạy học tại Hà Đông, viết truyện đăng trên báo *Thanh Niên* tại Hà Nội. Từ 1954 ông hoạt động trong Tổng Hội Sinh viên Hà Nội, chủ trương nguyệt san *Lửa Việt*, rồi vào Nam. Tại Sài Gòn, ông làm cho các báo *Dân Chủ*, *Người Việt* và tham gia ban biên tập tạp chí *Sáng Tạo* (1956-1960) do Mai Thảo đứng tên, có ảnh hưởng lớn trên văn học Việt Nam suốt một thập niên.

Ông bị động viên, 1962, hoạt động trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa, công tác huấn luyện văn hóa, cấp bức cuối cùng là đại úy. Từ 1975 bị đi học tập nhiều năm tại nhiều trại cải tạo Miền Bắc. Sau đó sang định cư tại Hoa Kỳ.

Đã xuất bản khoảng mươi tác phẩm. Ba tập thơ : *Tôi không còn cô độc* (1956), *Liên - Đêm - Mặt trời tìm thấy* (1964, Sài Gòn), *Thơ ở đâu xa* (1990, Mỹ). Ba truyện : *Bếp Lửa* (1957); *Khuôn Mặt* (1964), *Đọc đường* (1967). Ba tiểu thuyết : *Cát lầy* (1966), *Mù Khoi* (1970), *Tiếng động* (1970). Một vở kịch ngắn : *Ba Chị Em* (1965). Một phiếm luận *Tạp Ghi* (1970). Ông còn nhiều tác phẩm chưa xuất bản, ví dụ như tiểu thuyết *Ung Thư* đăng nhiều kỳ trên báo *Văn*, Sài Gòn.

*

Thanh Tâm Tuyền là một tác giả chính yếu đã làm mới nền văn học Miền Nam, trước 1975, và tạo nên một khát vọng cho văn học Việt Nam nói chung trong nửa sau thế kỷ 20.

Thanh Tâm Tuyền đã làm mới câu thơ, bài thơ, ý thơ và quan niệm thi ca Việt Nam.

Ông cũng làm mới câu văn xuôi, cách kể chuyện bắt đầu từ truyện *Bếp Lửa*.

Ông du nhập nghệ thuật phương Tây bằng cách đọc trực tiếp, không kinh qua trường học Pháp thuộc như các nhà văn nhà thơ lúc trước. Ảnh hưởng phương tây do đó có tính cách trực tiếp tự do và sáng tạo.

Ông có khả năng thiết lập quan hệ hữu cơ và mật thiết giữa các bộ môn văn học và nghệ thuật : Thơ, Văn, Nhạc, Họa, như ở các nước phương Tây.

*

Về nội dung chính yếu, chất liệu trong thơ văn Thanh Tâm Tuyền là ý thức thát bại. Thát bại của con người trước định mệnh nói chung, cụ thể là sự bất lực của giai cấp trí thức tiêu tư sản Việt Nam trước thời cuộc.

Viết văn, làm thơ, làm nghệ thuật nói chung là cố gắng vượt qua sự thát bại đó, biến nó thành nghệ thuật.

Thanh Tâm Tuyền là người sâu sắc, uyên bác, tài hoa, nghiêm túc, tư cách và tiết tháo.

Ông là một gương mẫu của trí thức giữa một thời đại nghiệt ngã, đầy những biến động tàn nhẫn.

Đặng Tiến

Orleans, ngày 24 tháng 3/2006

Thơ mừng năm tuổi

Mừng cu Nghệ ba mươi bẩy tuổi.

Ba mươi bẩy tuổi. Một vợ, bốn con — ba trai, một gái.

Non chục quyển sách in, gần 20 năm văn nghệ (hơn kiếp đoạn trường Kiều) — Thơ, kịch, truyện ngắn, dài và tạp nhợp.

Non chục ngàn trang, đăng bừa bãi — kế độ nhật — chẳng buồn thu lượm / liêng nhét trong ngăn, hộc, tủ, kệ, thùng, rương.../ nhóm lứa lót nồi

Được chê bai, được khen ngợi,

được công kích, được tán dương,

được hoàng hoa, được láng mạ. Ôn ào.

Được gọi nhà văn, nhà thơ miền Nam. Tuỳ tiện.

Tiên phong, độc lập với người này. Phản động, tay sai với kẻ nọ. múa gậy vườn hoang với đám kia (Cũng vui.)

Không thé hội viên văn nghệ. Không chân đoàn thể hay đảng phái. Không thế lực Nhà Thờ (La Mã hoặc Tin Lành) hay Chùa Chiền (Ấn Quang hoặc Quốc Tự).

Không thiết Tả, Hữu, Trung, Siêu. Mòng mòng. Hoan hỉ mòng mòng. Nghiêm túc mòng mòng.

Chưa một ngày rời chân khỏi nước. Mê nhớ Paris, mọi thủ phủ, mọi thành phố, chốn đám đông tụ tập chen chúc và hiu quạnh — chưa quen như đã thông tỏ.

Phiêu lưu xó nhà xó bếp, tịu quán trà đình, phuờng phố ngao du.

Ngó ngắn dăm ba mõi tình cờ. Tuyệt vọng.

Nợ nhà xuất bản ông Nguyễn-Dinh Vượng, ông Đinh Thành Tiên, ông Thanh Tuệ, tổng cộng vài trăm ngàn đồng.

Nợ bạn bè chảng kể.

(...)

Bước sang năm tuổi Cu Nghệ. Năm Chuột. Tổng Thống Hiệp Chúng Quốc đời thứ 37 — ô. Richard Nixon — công du Bắc Kinh

hội kiến ông Mao Trạch Đông — Chủ tịch Đảng, Nhà Nước Cộng sản Trung Hoa, đời thứ nhất — ông Chu Ân Lai, Thủ tướng Chính phủ

hợp bàn về vấn đề hai nước, vấn đề hòa bình thế giới, hòa bình Việt Nam

trong một tuần lễ (the week that changes the world — as Mr Nixon spoke —)

Tuần lễ LỊCH SỬ (viết hoa bắt buộc như THUỘC ĐẾ). Không thể khác. Nhu yếu biện chứng. Như khi gọi nhau « bạn Cộng Sản độc tài khát máu », « tên trùm đế quốc hung tàn »

Sửa sang mặt địa cầu. Nhuận sắc lời tiên tri Marx.

Bước khởi hành « Tân Vạn Lý Trường chinh ». Bắc nhịp cầu ngang Thái Bình Dương

trong khi chờ lắp biển. Chờ Ngươn thanh bình cống hiến bàn dân Thiên hạ.

(...)

Báo Văn, Sài Gòn ; số 199, tháng 4.1972

Thơ Thanh Tâm Tuyền

Phục sinh

tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
buổi chiều sao vỡ vào chuông
giáo đờng
tôi xin một chỗ quỳ thảm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không màu

tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng bên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguội giận
thanh tâm tuyỀN
đêm ngã xuống khoảng thì thảm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang

tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời
tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyỀN
bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh
từng chuỗi cuộc đời tiếp nối
nhân loại không tha thứ tội giết người
bọn đao phủ quỳ gối
giờ phục sinh

tiếng kêu là kinh cầu
những thế kỷ chờ đợi
tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật.



Ký họa của Duy Thanh

Trong tập thơ *Tôi không còn cô độc*,

1956

Hải đảo

Trên biển mù sóng cuộn
Ngày lộng tuôn như máu loang khô
Sóng thẳng thót dập vùi hải đảo
Cửa ngàn trùng gió mỏ toang
nâng niu máu rỉ cùm tay nhỏ
Thời khắc câm tiếng nỉ non

Hải đảo xa vời em
Trên miền non cao rừng rú
Gió gào giận khốn tù
Trong cõi mộng hung tàn
Một mùa đông dài bão táp
Đêm qua ác điểu đậu cành khuya
Thả rót trái tim ác độc
Trong một tiếng tang thương
Đêm qua gió cắp mộng lên non trốn chạy
Rồi gió hú van
Trong hành lang tối ám giờ lâm tử

Hải đảo xa vời em
Trời chuyển màu chớp xé
Cánh chim cánh chim bay
Vào mùa hư không trôi nổi
Khi bóng đảo chìm

Báo Văn, Sài Gòn ; số 199, tháng 4.1972

Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Bát Khi Đì Vác Núra

Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điêng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phoi phói
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu

Duỗi soái chân tay gối trên núra
Ngó trời nhá nhem nghe mưa mau
Tưởng chừng thi thể ai thối rữa
Hồn viển vông chẳng chút oán sầu

Mưa giăng tấm lưới trắng dày khít
Làng xóm dưới núi ở phương nào ?
Gió lạnh tái tê bó liệu chật
Là thiếp người quên băng sướt đau

Đầm mình trong hạnh của ẩn mật
Mắt hoen nhòa hứng giọt thiên thâu
Dò dẫm lối về đêm tối mịt
Sông xa núi thăm quê nhà đâu ?

Yên Bát, 9-1979

Trong tập *Thơ ở đâu xa*, nxb cơ sở Văn, 1990.

D. Đ. : năm 1979 T.T.T. đang bị tù cải tạo.

PHAN HUYỀN THU



Không thường

Những con ve tâm thần gào xúoc mặt trưa
hè đồng tính lang thang
giấc ngủ bóng đè
u mê gió.

Rồi hạt mua hồi xuân
thất thểu tìm chồi đậm lạc.

Nắng chín dần đều
quả lõi làng cầu mong tu hú.

Chích choè lửa ngừa cổ tho
tho không lửa
đốt giọng thành kè khác.

Râm ran đinh trưa
vòm sâu ve stress

Hè bất đắc kỳ tử khi đang truy phong.



18.5.99

Huế

Đêm trùm dần vào sông Hương
tiếng hò vỡ dưới gầm Tràng Tiền

Khúc Nam Ai những cung phi goá bựa
chèo thuyền vớt xác mình trên sông

Nhất dạ quân vương đất thần kinh
người đi đi, làm thơ cho Huế tím



Tự phá vỡ đối xứng
bằng nón nghiêng
quang gánh lệch
mắt nhìn ngang
Huế như nàng tiên cảm
khóc thầm không nói.

Muốn thì thăm vượt ve Huế thật khẽ
lại sợ chạm vào nơi nhạy cảm trên cơ thể Việt Nam.

1999

Tỉnh dậy tháng Tư

Tiếng cười nhẹ trong
tròng trành nhung nhó
nắng lào đào
mái hiên say nghiêng ngả

Thung lũng nhớt buồn
lúa sương vô cảm đi xiên

Không cần ngoái nhìn
ánh mắt giường cung
bắn vào mùa hạ
con sáo mỏ vàng thất thanh
mách kè lợ
luỗi chưa lột
nói dối chẳng qua

Tháng tư bi ai
khóc bằng ham muốn
dịu dàng hạt sương cứng
nụ loa kèn ngọc thạch
buóng bình đau

Tỉnh dậy
tháng Tư
ngượng ngụng luỗi dao
pha những thó buồn ba chỉ

Bàn tay đuối nhau
ngã dưới vật đồi âu yếm
dắt về mùa hạ trầy sước đồng thaу

Tìm thấy nhau
tiêu điều hôn nhiên
trẻ bạc đầu

Dung dăng dung dé

Đi bộ trên mây

1-4-03

Sinh năm 1972 tại Hà Nội trong một gia đình nghệ sĩ, Phan Thị Huyền Thu tốt nghiệp Khoa Văn Đại học Tổng hợp và bộ môn Thanh nhạc Trường Âm nhạc Quốc gia Hà Nội. Viết phê bình nghệ thuật, sáng tác truyện ngắn, thơ, biên kịch tại Xưởng phim tài liệu trung ương. Hai tập thơ đã xuất bản : *Nǎm nghiêng* (2002), *Rồng ngực* (2005), nxb Hội nhà văn. Đạo diễn và quay phim *Khoa* sau khi học khoá đào tạo Varan (2004), tham gia các cuộc gặp & liên hoan Tokyo, Kwangju, Crteil...

Cái đẹp nhân tiền

Văn Ngọc



Thạch Đào (1642-1707),
Núi Jinting vào mùa thu

Cái đẹp trong thiên nhiên

Hồi nhỏ ở Hà Nội, vào những buổi chiều mùa hạ, cơn nước xong, tôi thường được theo các anh chị lớn lên gác sân thượng để hóng gió mát và xem mặt trời lặn. Chúng tôi thường ngồi ngắm những đám mây màu rực rỡ ở chân trời, và tận hưởng cái đẹp của hoàng hôn xuống dần trên thành phố. Ngày đó, chúng tôi mới chỉ biết cảm nhận cái đẹp như vậy mà thôi, coi đó như là một điều hiển nhiên.

Mỗi lần được lên gác sân thượng như thế, là mỗi lần tôi lại lấy làm thích thú, vì biết rằng lên đó tôi sẽ lại được nhìn thấy cảnh bầu trời lòng lộng và chân trời đầy màu sắc, đẹp như bao lần khác.

Cái đẹp của hoàng hôn, cũng như của nhiều hiện tượng tự nhiên khác trong thiên nhiên, đối với tôi, là những *cái đẹp cụ thể*, vì nhìn thấy được, và gần như *bất di bất dịch*, bởi vì chúng có thể lặp lại được ở những thời điểm khác nhau: cảnh hoa nhài, hoa quỳnh, nở trăng muốt trong đêm trăng, hay cảnh ruộng mía khi những giọt sương sớm còn đọng long lanh trên những cọng lá, hình ảnh những cành lá tre lay động xác trước gió, hay chỉ đơn giản hình ảnh một đóa hoa hồng, những hình ảnh đó thường làm tôi xúc động. Đây có lẽ là những bài học vỡ lòng đầu tiên của tôi về cái đẹp có sẵn trong thiên nhiên. Hegel, trong cuốn *Mỹ học* (Phần dẫn nhập), dứt khoát coi thường cái đẹp của thiên nhiên và đánh giá cao cái đẹp nghệ thuật, vì theo ông, tất cả những gì "vô tri" đều không thể nào so sánh được với những sản phẩm của trí óc con người. Tuy nhiên, cái đẹp của thiên nhiên bao giờ cũng vẫn là một điều bí ẩn. Ta chỉ có thể phân tích được bằng những tiêu chuẩn, quy ước do chính ta đặt ra, nhưng bản thân những tiêu chuẩn, quy ước đó thường lại được rút ra từ những sản phẩm của tạo hóa. Thật là một cái vòng lẩn quẩn.

Tết trung thu, hình ảnh những chiếc đèn lồng từ đẹp một cách dữ dội, hay những chiếc đèn con thiền thù đong đưa chậm chạp, in bóng lung linh trên tường những cửa hiệu phố Hàng Gai, cũng gây cho tôi những ấn tượng sâu sắc. Sau này, lớn lên, cứ mỗi lần nhìn ngắm những tác phẩm của Calder, là tôi lại không khỏi nghĩ đến hình ảnh của những

chiếc đèn mang tên con vật kì lạ ấy! (tiếng Pháp gọi những tác phẩm của Calder là những "mobiles", nghĩa là những vật thể chuyển động).

Xem như vậy, chỉ riêng về *cái đẹp cụ thể*, mà mắt ta nhìn thấy được, tay ta sờ mó được, là ta đã có: một đằng là *cái đẹp tự nhiên* của những hiện tượng thiên nhiên, của những loài hoa, cỏ, muông, thú, và ngay cả cơ thể con người (tôi không nói đến cái đẹp của khuôn mặt người, vì nó tùy thuộc vào quá nhiều yếu tố chủ quan, điểm này chúng ta sẽ đề cập đến sau!).

Một đằng, là cái đẹp do con người sáng tạo ra, dựa trên những *truyền thống*, tức dựa trên những *tiêu chuẩn, quy ước*, đã được nhiều thế hệ người kiểm nghiệm và chấp nhận, từ những sản phẩm mĩ nghệ cho đến những tác phẩm nghệ thuật.

Cái đẹp được "tái tạo"

Trong phần lớn những trường phái hội họa tượng hình, từ xưa đến nay, và từ Đông sang Tây, cái đẹp được *tái tạo* lại bằng cách thể hiện cái đẹp cụ thể có trong thiên nhiên (tranh phong cảnh, tranh "tĩnh vật", tranh súc vật, chân dung người, v.v.), hay trong đời sống thực tế, hoặc trong những truyện thần thoại (tranh lịch sử, tranh tôn giáo). Xét cho cùng, đó là một luật chơi khá oái oăm: làm thế nào thể hiện được sự vật trong không gian ba chiều bằng những bức vẽ, bức họa, trên một mặt phẳng hai chiều? Vấn đề không phải là sao chép, mà là làm sao diễn đạt được cái thực tế ấy một cách *thuyết phục* nhất, *nghệ thuật* nhất.

Quan niệm này, luật chơi này, đã có từ những thời rất xa xưa, trong nghệ thuật phương Đông cũng như phương Tây. Đến mức mà cái đẹp của một bức họa nhiều khi chỉ là cái đẹp của phong cách vẽ của người họa sĩ, chứ không phải là cái đẹp của đối tượng vẽ nữa.

Người ta thường nghĩ rằng, mục đích của nghệ thuật không phải là thể hiện cái đẹp, mà là trình bày, diễn tả một thực tế nào đó: một phong cảnh, một truyện tích, hay một bức chân dung, v.v. Song, cuối cùng, nhìn vào mỗi tác phẩm nghệ thuật có giá trị, ta đều thấy cái đẹp hiện diện ngay ở trong phong cách thể hiện, từ bối cảnh, đến nét bút, màu sắc, v.v. Bạn cứ thử nhìn kỹ lại mà xem, bắt cứ một bức tranh sơn thủy nổi tiếng nào trong nền hội họa cổ điển Trung Quốc, từ đời nhà Đường đến đời nhà Thanh, đều đẹp ở bối cảnh, ở nét vẽ, hơn là ở chính những đối tượng của các bức họa: cây cỏ, núi non, sông nước, người, vật, v.v.

Trong hội họa phương Tây, cũng vậy. Người ta thích những tác phẩm của Jérôme Bosch (1450-1516) không phải vì cái đẹp hay cái xấu của những cảnh tượng quái đản được thể hiện trên các bức tranh, mà vì cái đẹp của bối cảnh, màu sắc và toàn bộ phong cách vẽ của tác giả.

Gần chúng ta hơn, những tác phẩm của Gauguin, Van Gogh, Cézanne, hay Monet, cũng đều nói lên cái sự thật đó. Cézanne vẽ đi vẽ lại ngọn núi Sainte-Victoire, không phải vì ngọn núi đó đẹp, mà thực ra chỉ là để tìm cách thể hiện đối tượng một cách *nghệ thuật* nhất. Monet với đợt tranh vẽ nhà thờ Rouen cũng chỉ với mục đích tìm cách diễn đạt những rung động của màu sắc.

Có thể nói rằng, có bao nhiêu trường phái tượng hình, là bấy nhiêu quan niệm về hiện thực và về cách vẽ, từ cách vẽ "giống như thật", đến cách vẽ "cách điệu hóa", tất cả đều ít nhiều tôn trọng đối tượng vẽ, nhưng mỗi quan tâm đầu tiên và cuối cùng của các họa sĩ vẫn là : làm sao có được một tác phẩm đẹp.

Càng đi gần tới những quan niệm hội họa hiện đại, người ta càng thấy rằng đối tượng nhiều khi bị hi sinh hẳn để nhường chỗ cho những giá trị thẩm mĩ. Phong cách lập thể của những Picasso, Braque, Boccioni, vào những năm 1907-1914, với những bức họa thể hiện những khuôn mặt có nhiều góc cạnh, cốt để thể hiện sự chuyển động của một vật thể trong không gian và thời gian. Nhưng hội họa đâu có như điện ảnh mà có thể làm được việc ấy ! Dẫu sao, mục đích ấy có đạt được hay không, người ta cũng không cần biết, chỉ biết rằng những bức chân dung đó có một khía cạnh *sóng động* nào đó, và đó cũng là điều mà người ta tìm kiếm. Chúng ta sẽ thấy rằng những tìm tòi, thử nghiệm của trường phái lập thể rồi ra sẽ dẫn tới những tìm tòi về *nhịp điệu*. Cũng như, bức họa nổi tiếng của Marcel Duchamp, *Nu descendant un escalier N°2* (1912), thể hiện *sự chuyển động*. Mặc dù, không thể hiện được quá trình chuyển động của một vật thể trong không gian và thời gian, bằng cách vẽ chồng lên nhau và nối tiếp theo nhau cùng một hình người được "nhân bản" lên, nhưng bức họa của Marcel Duchamp tự nó là một bức họa đẹp, và báo hiệu khả năng thể hiện *nhip điệu* trong hội họa, cũng như bức họa *Les demoiselles d'Avignon* của Picasso, ra đời 5 năm trước đó (1907). Nói chung, cả một thế hệ họa sĩ xuất thân từ trường phái lập thể, vào những năm 1907-15, đều muốn thể hiện *sự chuyển động*, dấu hiệu hay biểu tượng của sự sống, từ Fernand Léger, đến Malévitch. Sự "thất bại" (tương đối) của trào lưu hội họa này đã dẫn một cách lô gích đến cả một xu hướng hội họa trừu tượng, mà đối tượng là cái đẹp của *nhip điệu*. Chỉ có *nhip điệu*, hình ảnh tượng trưng cho *sự chuyển động*, mới có thể thể hiện được một cách cụ thể trên mặt phẳng hai chiều.

Khám phá ra cái đẹp của *nhip điệu* như một giá trị thẩm mĩ độc lập với vật thể, các trường phái trừu tượng đã khai thác nó như một đối tượng hàng đầu của hội họa, ngang hàng với ký hiệu, và vượt lên trên cả các yếu tố thẩm mĩ khác : bộ cục, tỉ lệ, màu sắc, chất liệu, v.v.

Cuối cùng, cái đẹp thẩm mỹ còn tồn tại dưới một dạng nứa, là những hình ảnh ảo. Đó là những "hình ảnh xuất thần" xuất hiện bất chợt trong đầu óc chúng ta. Những hình ảnh này có thể có gốc rễ từ tiềm thức, và chỉ xuất hiện trong những giai đoạn "nóng" của hoạt động sáng tạo, trong quá trình suy nghĩ tập trung về những điều mà người họa sĩ đang tìm tòi, đeo đuổi.

Cái đẹp ước lệ

Nghệ thuật không phải tự nhiên mà có, ngược lại, nó đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài hàng mấy ngàn năm. Người làm nghệ thuật dựa vào những *truyền thống* và *quy ước* đã có từ trước để sáng tạo và tìm ra cái mới. Kế thừa chính là để sáng tạo ra cái mới. Đây là nói về vai trò của truyền thống. Còn tiêu chuẩn và quy ước cũng có một vai trò không kém quan trọng : không có chúng, thì chúng ta

không biết đường nào mà thảm định được.

Không có gì đáng ngạc nhiên, nếu điểm xuất phát của những truyền thống, ước lệ, cũng là từ những cơ sở cụ thể và lô gích, mà con người kiểm nghiệm được.

Chẳng hạn như cái đẹp trong quan niệm của người Ai Cập, hay người Hy Lạp cổ. Đó là cái đẹp của *tỉ lệ* (Sau này, người ta còn khám phá ra cái đẹp của *nhip điệu*, mà người ta cho rằng còn quan trọng hơn).

Nhưng căn cứ vào đâu để có thể khẳng định được rằng tỉ lệ này đẹp hơn tỉ lệ khác ?

Mặc dầu dựa vào những giải thích có phần nào thần bí, như "*Ý tưởng tiên nghiệm của thượng đế, mà con người nhớ lại, v.v.*", song Platon và Aristote có lý, khi chủ trương dạy học trò sao chép thiên nhiên và lấy thiên nhiên làm mẫu mực, vì đó là *sản phẩm do thượng đế sáng tạo ra*, và vì đó là *cái đẹp "tiên nghiệm"*.

Quả là trong nhiên nhiên có nhiều *cái đẹp cụ thể*, sẵn có, và những hiện tượng này đều có *quy trình phát triển*, và *cấu trúc lô gích* của chúng.

Đặc biệt, là cơ thể của con người, được Aristote lấy làm mẫu mực cho sự hài hoà, cân đối, về tỉ lệ. Một chi tiết đáng chú ý, là những pho tượng Hy Lạp cổ điển không bao giờ thể hiện những con người ôm yếu, mà luôn luôn là những cơ thể khỏe mạnh, cơ bắp phát triển đầy đủ, phô bày rõ cái đẹp của tỉ lệ, từ tượng Nữ thần Milo, cho đến tượng thần Apollon, tượng Người ném đĩa, v.v. Đó cũng là một điều lô gích : một cơ thể lành mạnh, được tập luyện, cơ bắp nở nang đều, đương nhiên cho ta một hình thể người cân đối. Những tỉ lệ đó cũng sẽ được lấy làm chuẩn mực để *tái tạo* lại hình dạng của con người trên các bức họa và các pho tượng, cũng như một cách gián tiếp, chúng sẽ góp phần xây dựng hệ thống tỉ lệ trong các thức cột của các ngôi đền cổ.

Cái đẹp cổ điển của một ngôi đền Hy Lạp dựa trên một thang tỉ lệ khá phức tạp và hoàn toàn có tính cách ước lệ. Những *con số vàng*, và những *tỉ lệ vàng*, mà người Ai Cập và người Hy Lạp cổ đã sử dụng để thiết kế những ngôi đền, thực ra cũng chỉ là những quy ước được kiểm nghiệm lại bằng những kinh nghiệm xây dựng và bằng một sự đồng thuận nào đó của một cộng đồng văn hóa. Tuy nhiên, cái đẹp của chúng là có thật, là cụ thể, đó là *cái đẹp của tỉ lệ*, dựa trên những tiêu chuẩn, quy ước, đã được kiểm nghiệm qua thời gian.

Bản thân *tỉ lệ* là những con số chính xác, chúng cho phép xác định những quy ước để tái tạo lại một tác phẩm được coi là mẫu mực trong một truyền thống nào đó. Trong nghệ thuật tranh tượng thờ của Bà La Môn giáo, hay của Phật giáo ở Nepal và Tây Tạng, các pho tượng thần, phật, đều có những tỉ lệ, quy ước về từng bộ phận, chi tiết rất chính xác.

Xem như vậy, chúng ta thấy rằng, cái đẹp do con người *tái tạo* lại thường là dựa trên những *ý tưởng về một cái đẹp ước lệ* nào đó, và bản thân cái đẹp ước lệ đó cũng chỉ có thể tồn tại dựa trên một *sự đồng thuận* của cộng đồng xã hội, hoặc dựa trên một *ý tưởng tiên nghiệm* theo như Platon đề xuất, hoặc dựa trên một cái đẹp cụ thể của một hiện tượng

thiên nhiên sẵn có, hoặc nữa, dựa trên một tác phẩm nghệ thuật đã có từ trước.

Trong hội họa, điêu khắc, hay trong điện ảnh, người ta có thể mô tả được cái đẹp của một mỹ nhân một cách cụ thể và trực tiếp bằng nét vẽ, chất liệu, vật liệu, hoặc hình ảnh hiện thực. Nhưng trong văn chương, cũng như trong ngôn ngữ giao tiếp nói chung, cái đẹp, dù cho là của một mỹ nhân, mà người ta muốn mô tả bằng lời nói để truyền đạt cho nhau, không thể nào là *cái đẹp cụ thể* được, vì nó không dựa vào một khái niệm nào cả. Nó chỉ có thể được tạo nên bởi những *quy ước*, cho phép người ta, bằng những hình ảnh cụ thể, nói lên cái đẹp đó, đôi khi một cách khá xa vời. Trên kia, tôi có nói là, đứng về mặt thẩm mỹ, khó mà đánh giá cái đẹp của một khuôn mặt người được, vì nó tùy thuộc vào nhiều tham số. Dường như có một quy luật : cái gì càng dễ đánh giá một cách chủ quan nhất, cái đó lại càng cần có tiêu chuẩn và quy ước !

Cứ xem như trong Kiều, chẳng hạn, Nguyễn Du tả cái đẹp của hai nàng Thúy Vân và Thúy Kiều một cách rất nên thơ, nhưng cũng rất " mờ ảo " như sau :

" *Vân xem trang trọng khác vời* (19)
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bè tài sắc lại là phàn hon
Làn thu thủy, nét xuân son
Hoa ghen thua thắm, liễu hèn kém xanh." (26)

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Nhưng cái hay của văn chương, chính cũng là ở chỗ đó. Nó không làm cho ai bị bất ngờ và thất vọng cả : ai muốn hình dung cái đẹp của nàng Kiều ra sao thì hình dung, tùy theo cái ý *niệm* mà mình có trong đầu về một nàng Kiều lý tưởng, nói tóm lại, tùy theo trí tưởng tượng của mình ! Cũng vì vậy, mà đôi khi người ta bị thất vọng bởi một cuốn phim, mà kịch bản dựa trên một tác phẩm văn chương, chỉ vì hình ảnh cụ thể mà cuốn phim đưa lên màn ảnh, không đúng với hình ảnh mà người ta hình dung khi đọc cuốn sách.

Trong ngôn ngữ nói, hay trong văn chương, còn có nhiều cách miêu tả nặng tính chất ước lệ khác, chẳng hạn như để tả cái đẹp của một giai nhân, người ta hay nói : " đẹp như tiên ", mặc dầu chẳng ai biết tiên đẹp như thế nào, ngoại trừ những hình ảnh tiên nữ mà người ta tưởng tượng ra để vẽ thành tranh. Cái đẹp ước lệ của nam giới cũng được quy định bằng những thành ngữ, như : " mặt vuông chữ Điện ", " vai hùm lưng gấu ", " đẹp như Phan An tái thế ", v.v.

Cái đẹp « xuất thần »

Trong nghệ thuật, nhất là trong hội họa, có một hiện tượng khá thông thường, tuy rằng không dễ giải thích, và có lẽ cũng ít ai thấy cần phải giải thích. Tuy nhiên, đã có hiện tượng thì phải có nguyên nhân, mà cái nguyên nhân đó có thể là một chìa khóa mở ra nhiều " bí ẩn " khác. Nó có thể liên quan mật thiết với những quy luật của sáng tạo.

Đó là hiện tượng các họa sĩ hay có thói quen sáng tác theo một hướng nào đó, có người suốt đời chỉ vẽ theo một " phong cách " : từ Van Gogh, Gauguin, Cézanne, đến Mondrian, Kandinsky, Léger ; từ Hartung, Poliakoff, Pollock, đến Soulages, v.v. Đây là chỉ nói đến những họa sĩ nổi tiếng thời cận đại, tương đối gần với chúng ta, để cho dễ nhận biết.

Tại sao lại có xu hướng như vậy ? Chắc hẳn không phải là họ muốn lặp lại chính mình ! Bởi trong nghệ thuật, kị nhất là lặp lại chính mình, vì nó như thể người nghệ sĩ đã hết ý, hay hết cảm hứng sáng tạo rồi.

Người ta có thể nghĩ rằng, những tác phẩm của Mondrian, hay của Kandinsky - khi các họa sĩ này đã chuyển hẳn sang hội họa trừu tượng rồi - mặc dầu về chi tiết, có thể có những khác biệt giữa các bức tranh, nhưng về đại thể, chúng có cùng chung một quan niệm, cùng chung một hình thức diễn đạt. Đó tuy cũng là biểu hiện của « phong cách », nhưng ở đây, phong cách không chỉ quy vào cách vẽ, mà chính là cái « nội dung » của các bức họa, dù cho nội dung đó chỉ thuần túy thẩm mỹ như ở Mondrian, hay có xu hướng thần bí như ở Kandinsky.

Có những họa sĩ, cũng như có những nhà văn, nhà thơ, nhà điện ảnh, v.v., ở một thời điểm nào đó, " ngộ " ra cái đẹp dưới một " hình ảnh xuất thần ", bèn tiếp tục đào sâu khai thác cái hình ảnh đó, và tìm tòi trong cái hướng đó (Tôi tạm dùng từ " hình ảnh xuất thần " trong ngoặc kép để chỉ khái niệm " vision " trong tiếng Pháp).

Đôi khi đó chỉ là một hình ảnh rất mơ hồ : một hình thể, một hòa sắc, một nhịp điệu, hay một khuôn mặt, thoáng hiện từ đâu đó trong tiềm thức, rồi phút chốc tan biến, trí nhớ không giữ lại được, nhưng hình ảnh đó đủ hấp dẫn để khơi dậy những ý tưởng mới mẻ cho người nghệ sĩ. Người ta có thể lẩn lộn khái niệm này với khái niệm " cảm hứng ". Nhưng trong nghệ thuật tạo hình, thì từ " cảm hứng " quá chung chung. Kandinsky, có một lúc nào đó đã từng dùng cụm từ " thôi thúc nội tâm ", kể ra cũng đã rõ hơn rồi, nhưng vẫn với một nghĩa mơ hồ, không cụ thể. Sự " thôi thúc nội tâm " theo Kandinsky có một ý nghĩa thần bí, và không cho ta một " hình ảnh xuất thần " cụ thể nào cả.

Những " hình ảnh xuất thần " thực ra cũng chỉ là một sản phẩm của hoạt động sáng tạo ở mức tiềm thức. Chúng không thể có nguồn gốc khác hơn là cái vốn văn hóa, hay giáo dục thẩm mỹ của mỗi cá nhân. Chúng chỉ xuất hiện trong những thời điểm " nóng " của hoạt động sáng tạo, những lúc người họa sĩ tìm tòi, trăn trở nhiều nhất với công việc mình đang làm. Đó có thể là hậu quả trực tiếp của sự hoạt động của tiềm thức.

Ý niệm về cái đẹp có thể đến từ ngoài ta : từ thiên nhiên, từ truyền thống, từ những tiêu chuẩn, quy ước, từ cuộc sống xã hội xung quanh, hay từ ảnh hưởng của các tác phẩm của những người khác, song cái đẹp nghệ thuật chỉ có thể thoát thai được từ quá trình hoạt động sáng tạo của một cá nhân, thậm chí từ đáy sâu tiềm thức của cá nhân đó, để trở thành một *thực thể có thật* trên tác phẩm nghệ thuật.

Văn Ngọc

CHỐN VẮNG

Theo lời mời của nhà xuất bản Sabine Wespieser, nhà văn

Dương Thu Hương sang Pháp từ tháng 2-2006 nhân dịp bản dịch tiểu thuyết Chốn Vắng của chị ra mắt (*Terre des Oublis, Phan Huy Đường dịch sang Pháp văn*). Sau Tiểu thuyết vô đê và Lưu Ly, đây là cuốn tiểu thuyết thứ ba của tác giả Những thiên đường mù không được xuất bản ở Việt Nam.

Sau bản dịch Anh văn (của Nina McPherson, *No Man's Land, Hyperion East, New York 2005*), bản dịch tiếng Pháp đã được giới phê bình và độc giả hoan nghênh nồng nhiệt. Theo tin của nhà xuất bản, sau một tháng phát hành, đã phải in lần thứ nhì, và tổng số sách phát hành lên tới hơn 24 000 bản.

Điễn Đàn trọng cảm ơn tác giả đã cho phép trích đăng những trang đầu của tác phẩm.

Tháng sáu tưới một con mưa lạ lùng quá đỗi.

Cùng một lúc, nước xối xả trút xuống và hơi nóng rùng rùng từ các vách đá nắng nung xông lên. Nước lạnh và hơi nóng giao hoà, bốc bụi sương mù mịt. Mùi khét nồng man dại toả trong không gian hoà quyện mùi nhựa cây khô, hương các loài hoa héo, mùi nước dãi chim gọi tình khô kiệt suốt mùa hè, mùi cỏ tím mọc trên các đỉnh núi cheo leo. Tất thảy tan lẩn vào làn nước tưới xuống.

Tạnh mưa, gió đột ngột ngừng thổi, nước cuồn cuộn rέo dưới lòng khe, những bờ cây nẫu nà bắt đầu bị nung nóng trở lại. Mặt trời sau các đám mây vọt lên chiếm trọn khoảng xanh lơ cao vời. Đường như sau khoảnh khắc cách biệt, tình yêu mù dại với đất với rừng càng sôi sục, lửa ghen tuông thiêu đốt vạn vật như con ái ân càu cấu. Lũ bướm, lē ra đã bay đầy các lèn đá, sợ mặt trời trốn biệt trong các xó xinh. Cả đàn ong khôn khổ cũng ngừng kiềm mật. Trong tĩnh lặng nồng ngột chỉ những bông hoa chuối nở bung, màu đỏ mè man tan thành lứa, như muôn bồ bay qua không gian oi ngạt lên tít mắt tầng trời.

Lúc ấy, Miên cùng đám đàn bà Xóm Núi đứng trong hang đá. Chị ngỡ mình sốt nhưng sờ trán lạnh tanh. Tim Miên đập bồn chồn. Chị thoảng lo cho đứa con trai:

... *Thằng bé ngã vào chum nước chǎng?... Hay cái que nhọn nào chọc vào mắt?... Không, không... dù Huyên cắn mặt lấm, rồi theo từng bước chân đứa cháu. Vá chǎng, gương mặt thằng bé tươi tắn thế, rủi ro không tái được. Con trai ta có gương mặt người người chữ phúc, cả quý lân thần đều sẽ chờ che...*

Chị không còn lo cho đứa con trai nhưng vẫn bồn chồn, khắc khoải. Một bất an nào đang đợi ở cuối đường?...

- Thôi, về nhà... Ngày hôm nay coi như gặp vận rủi.

Miên lên tiếng.

Không ai đáp. Đám đàn bà vẫn đứng bá vai nhau nhìn trời. Hôm nay là ngày đầu tiên trong năm họ rủ nhau lên rừng tìm mật ong. Đầu ngày đã không may mắn. Vừa lên núi, một cô ngã trẹo chân phải dùi vào trại kiểm lâm. Đi hết hai trái núi lại gặp con mua rừng. Giờ này, mặt đất hầm hập như lén cơn sốt. Hơi nóng thoát từ các khe lạch, từ các lối mòn chòng chát lá mục, từ những đám lá dập nǎu những đám hoa nhau nát bị mưa táp rơi đầy gốc cây... Và thấy thảy đều xông lên mùi hương độc địa.

- Chúng ta về đi.

Miên giục. Lần này, một cô trong bọn giơ tay chỉ ra ngoài hang :

- Mày muốn làm mồi cho rắn hả?... Mở to mắt ra mà nhìn...

Miên lặng thinh. Chẳng cần mở to mắt chị cũng biết lúc này lũ rắn đang trườn qua các lối mòn, quăng thân như ném bóng trên các vòm cây và bắt cứ con mồi nào xuất hiện cũng sẽ khiến chúng nổi xung. Tiếng thằn lằn tắc lưỡi vang lên ngay nóc vòm hang. Miên bất giác ngẩng lên : Rất có thể con rắn chửa nào đó vì tức thở sẽ lao xuống mõ vào trán họ... Một cô to béo cầm cây gậy quất vào đám cây trước cửa hang. Đoạn cô quay lại bảo :

- Mỗi đứa bé săn một cây gậy đi, lõi rắn đàn xô túi.

Không ai chờ ai mỗi người đều tìm một gậy làm vũ khí. Rồi họ đứng tựa vào nhau nhìn những làn hơi trong suối rung rinh như sóng, nhìn lũ rắn bόng nhāy trườn qua lối mòn, lắng nghe tiếng chim tức tưởi xa vời vắng tối. Sự im lặng mê mệt trùm lên họ. Họ vừa mở mắt nhìn rùng cây chò khoảnh khắc nguy hiểm trôi qua vừa như ngái ngủ chẳng ai nói với ai một lời. Cứ thế, thời gian chảy trôi. Nắng hun dần tầng lá mục bên trên khiến đám cây nẫu nà thoát ra làn hơi ngái, lớp vỏ se lại. Dám cỏ bết bùn ven suối ngóng lên những mầm lá nhọn giống những lưỡi gurom thanh mảnh yêu kiều. Khóm hoa chuông lúc lắc nhẹ nhẹ. Gió nỗi lên xua làn hơi ma quái tù đọng và thổi những người đàn bà khỏi con mộng mị. Họ đưa mắt nhìn nhau. Một cô ném cây gậy, kêu to :

- Mắt một ngày vô tích sự. Thôi, đừng mơ mòng mạt với ong nữa... Về, về thôi...

- Về. Giờ có đi cũng muộn rồi.

Một cô khác tiếp lời, buông tiếng thở dài.

Và cả bọn kéo nhau về Xóm Núi.

Khi họ ra khỏi cửa rừng, trời đã ngả chiều. Mặt trời như mảnh thuỷ tinh màu hường, có vân li ti như vân cánh hồng tường vi. Hoàng hôn thăm đđ. Miên bước theo đám bạn, nỗi khắc khoải quay trở lại càng thêm nặng nề. Chị không hiểu vì sao thấy thi thoảng, hơi thở tắc nghẹn nơi cổ họng, và tim chị co thắt như bị một bàn tay vô hình bóp chặt :

... *Vì sao nhỉ?... Phải chăng Hoan gấp bát trắc đã đưa đoàn thuyền quay lại?... Trời không giống bao và chǎng có lí do nào khiến chồng ta gấp hiem hoạ, trừ phi có cướp biển... Lâu rồi, chǎng nghe ai nói tới chuyện cướp biển. Bao năm nay bọn cướp biển đã tan biến trong đám vỏ sò mục ải táp vô bờ... Hoặc là Hoan bị ốm?... Kể chi*

người đã cũng có lúc đó mồ hôi...

Nhưng cả lí do ấy, Miên cũng không tin nổi. Chị chỉ còn biết bước đi mãi miết, ruột nóng như cà, con tim thấp thỏm phỏng đoán điều bất an nào đã ám ảnh chị suốt ngày hôm nay.

Nhà Miên dựng ngay trên đường vào rú. Hoan dựng ngôi nhà này sau tất cả mọi người và vào thời khắc đó, nó là rêu đất héo lánh. Nhưng giờ đây đã có hai cặp vợ chồng trẻ nữa vừa dựng nhà mới, thế nên ngôi nhà của chị đã thoát khỏi cảnh rìa làng. Nhà cát trên đinh đồi, bốn bề vườn cam vườn bưởi vây quanh. Xa hơn nữa dọc theo dải đồi phía tây là các nương tiêu, nương cà phê, nương nô nức tiếp nương kia, giữa chúng là các lán nhỏ lợp lá, nơi Hoan đặt máy bom và cho thợ làm thuê ngồi nghỉ uống trà. Dinh cơ của họ đồ sộ nhất vùng, chẳng ai dám so sánh. Hoan là người mẫn tiệp. Vườn tiêu và cà phê của anh bao giờ cũng trồng loại giống quý nhất, đồi hoa kĩ thuật chăm bón phức tạp và giá bán cao nhất. Các chủ trại trong vùng xô tới học hỏi kĩ thuật của anh. Sau mùa thu hoạch, họ lại lũ lượt kéo tới xin anh cho nhập bọn thuê thuyền chở hàng vào bán tận Đà Nẵng, Sài Gòn. Không mấy kẻ ở Xóm Núi không chịu on Hoan. Đám đàn bà biết rõ điều đó. Vì thế, khi tới cổng nhà Miên, thấy người túm tụm từ ngõ đến sân, họ liền kéo nhau vào tuốt luột :

– Có chuyện gì mà đông người thế hả Miên ?

– Tôi cũng đi từ sớm như các chị, làm sao tôi biết được ?

– Ồ, tôi rõ thật vô duyên.

– Vào đi, vào đi, khắc rõ chuyện. Có vài phút cũng không dàn lòng chờ nổi.

Cái đám đông lao xao như ong vỡ tổ đó chợt im bặt khi họ tiến vào. Miên thấy tất cả mọi người đều nhìn chị, từ con nít tới bà già, những láng giềng cùng xóm và cả những người thôn khác, ánh mắt của họ thật kì lạ, vừa như tò mò vừa như sợ hãi vừa ẩn chứa sự thăm dò lẫn lời thách thức...

...Chưa bao giờ mọi người nhìn mình với cặp mắt lạ lùng này... Có điều gì đó vừa xảy ra nơi đây ?...

Trong nhà, vẳng ra tiếng khóc tiếng hờ của một người đàn bà, nghe như quen, cũng như lạ... Cái giọng đó, dường như chị đã từng nghe một thời, cái thời chị đã quên lãng. Những người ngồi hai bên lối đặt ra khi chị đi qua. Khác hẳn lệ thường, không ai chào ai. Ngay đám con nít cũng nín lặng không nhí nháu đứa cợt. Trên sân và trước khuôn cửa ra vào chỉ chít những tấm lung áo đen còn đọng ngắn muối của đám người vừa từ nương rẫy trở về. Những tấm áo đó xen lẫn những tấm lung trần, những tấm áo xuân-hè bạc màu, sơ-mi trắng và sơ-mi xanh của đám trai mới lớn :

Không lẽ họ triệu tập họp thôn ở đây trong lúc mình vắng nhà ?... Nhưng trụ sở thôn đã sửa xong. Họ chỉ đáo ngồi, quét vôi tường và thay mấy bộ cửa sổ. Rõ ràng hôm khánh thành chủ tịch xã cặp cặp xuống ăn liên hoan...

Lúc Miên đang bắn khoan với giá đình mới, giọng than hờ của người đàn bà nào chợt ré lên như xe tai :

– Ôi em ơi, khốn khổ thân em, lưu lạc góc rừng bãi bể cho tới tận giờ ?... Người ta tốt số được hưởng an bình hạnh phúc chỉ em chịu phân cõm hầm cà đen...

Cái thanh âm eo éo như mài sắt đùi khoan xoáy vào óc Miên. Chị bước vào nhà. Bóng tối ập vào mắt khiến chị không nhìn rõ ai, ngoại trừ cái khói đèn đặc của đám đông ló nhô kẽ đứng người ngoài. Trong đám đông ấy một người đàn

ông cắt giọng trầm trầm gọi :

– Miên !

Miên không nhận ra ai nhưng chắc chắn đó không phải là Hoan :

... Chồng ta không trở về. Đoàn thuyền chở tiêu đang yên lành vượt biển...

Người đàn ông kia lặp lại :

– Miên !

Lần này, Miên đáp :

– Tôi đây.

Rồi chị quay lại phía người vừa lên tiếng gọi. Mắt đã quen dần với bóng tối, Miên thấy một gương mặt đen đúa, vuông, u buồn, cặp mày chữ nhất chạy ngang trên đôi mắt sâu, sáng, thứ ánh sáng của lửa đêm thu tàn trên núi.

– Miên !

Anh ta lặp lại lần thứ ba, và lần này tiếng gọi kia như dồn mạnh một thứ đồ vật xuống.

– Da, chào anh tới chơi.

Miên đáp lại rồi nhìn quanh quẩn tìm chỗ ngồi. Ngày nay chị đã đứng quá lâu trong hang. Một ông già lưng trần đứng lên nhường chỗ cho chị. Bàn tay khô khẩng của ông đặt lên vai Miên, ân chị ngồi xuống ghế, đối diện với người đàn ông có cặp mày hình chữ nhất. Người đàn ông ấy nãy giờ vẫn chăm chăm nhìn Miên, gương mặt căng thẳng trong cái nhìn ấy, những đường nét như co rúm lại và cặp môi xám run giật từng hồi. Những lần run rẩy trên cặp môi xám của anh ta khiến Miên ngạc nhiên, chúng gợi nhớ một hình ảnh nào khác trong sương mù mà chị không thể nhìn ra. Chúng gợi một cái tên dưới vực sâu, vực âm u sương giá, chỉ nghe rõ tiếng gió luồn. Cặp mày chữ nhất của người đàn ông kia đột nhiên chau lại trên tinh mũi, những sợi lông mày mọc trên sơn cản dựng ngược như lông nhím đen như sơn nối hai tràng mày thành vệt thẳng. Một tiếng thở dài từ vực sâu kia vọng tới... Một thanh âm bật mí. Một gương mặt mờ áo trôi... Những giọt mồ hôi rìn trên trán người đàn ông. Cặp môi xám của anh run rẩy mỗi lúc mỗi mau hơn rồi trong tích tắc, chúng tách rời nhau, khuôn miệng hé mở... Miên thấy lạnh chân tay : Khuôn miệng hé mở đó, cặp mắt u buồn với ánh sáng tràn qua hai hàng mi hép chị từng thấy trong một mùa hè. Mùa hè mộng manh như tàn lửa. Ngăn ngủi như hổi quang. Bay vèo qua khung trời...

– Miên !... Tôi đã về đây...

Người đàn ông chợt vươn qua mặt bàn, gạt đổ những chén trà dở rồi cắt giọng riết rống :

– Miên !... Tôi đã về... Tôi đã về...

Miên đưa một bàn tay về phía trước như mắt chị không còn nhìn được, tai chị không nghe được và giống người mù bẩm sinh chỉ hướng lòng bàn tay để sờ soạng các âm thanh :

– Anh đã về ?... Anh là...

– Tôi đây... Bôn đây.

– Tôi... Anh là Bôn ?...

– Tôi là Bôn. Chồng của em.

Ba gian nhà im nhu mồ. Đám đông nín thở. Người ta chờ câu trả lời của Miên. Miên lặp lại câu nói của người đàn ông như mê sảng :

– Anh là Bôn, chồng của tôi ?... chồng tôi ?...

– Phải, Bôn đây...

Người đàn ông gằn giọng và thót nhiên, anh ta gằn như rống lên :

– Tôi đây. Bôn đây... Tôi đã quay về.

Miên ngồi im, đờ dẫn...

...Chồng của ta ư?... Hoan đang đưa đoàn thuyền chở tiêu vào Đà Nẵng, anh ấy hứa khi về sẽ mua cho cu Hạnh chiếc xe đạp ba bánh và mua cho ta mấy mảnh lụa tờ tăm... Cái đêm trước khi đi Hoan bảo : Em thích màu chi đây, lục biếc, tím than hay màu lông gà con mới nở?... Em còn thích gì nữa?... Không, không, em chẳng muốn gì hơn, thé đã là quá đủ. Trời trong, biển lặng, chỉ tuần sau chồng ta sẽ quay về...

– Miên !

Người đàn ông lại cất tiếng gọi không mỏi mệt. Nhưng Miên không nghe thấy tiếng gọi ấy. Chị đang hồi nhớ một gương mặt khác. Một gương mặt sáng ngời, đôi mắt lưỡi kiếm trên vàng trán rộng, sống mũi cao như sống mũi người phuong tây, cặp mắt dịu dàng, làn môi ám mềm cuốn hút...

– Miên, tôi đã về đây...

Lần này, không còn là tiếng rồng gọi mà là lời cầu khẩn. Một thứ âm thanh sê sàng, trầm ấm, như tiếng thi thào của những rặng cây thung lũng mùa xuân. Đôi mắt chữ nhắt rướn lên một chút. Cặp môi xám lại run rẩy :

– Miên, tôi đã trở về...

Miên thu bàn tay lại. Chị đã hiểu. Tiếng nói kia va đập vào lòng tay chị. Người ta vẫn nói lòng bàn tay lưu giữ cảm xúc lâu bền hơn tất thảy những giác quan khác như thính giác loài voi lưu giữ được những âm thanh từ bảy kiếp trước. Miên đã hiểu người đàn ông ngồi đối diện với chị là ai.

– Anh Bôn ?...

Chị cất tiếng, thẫn thờ.

– Tôi đây... Tôi đã về.

Anh đáp.

Người chồng của chị mười bốn năm trước. Cái hồn ma chị thờ phụng lâu nay bất chợt quay về trong hình hài đen đúa, với màu da và cặp môi dày từ khí. Bôn đã trở về. Không là chàng trai từng là chồng chị trong một mùa hè ngắn ngủi. Cũng không là một hồn ma. Anh ở giữa hai thế kỷ. Miên hiểu rằng chị đã rơi vào khúc kẹt. Chị không biết mình sẽ sống ra sao khi cái hồn ma trên bàn thờ Tổ quốc ghi công bắt chợt khoác quần áo bước xuống ngôi trước mặt chị, uống ừng ực từng chén trà rồi nhìn chị đăm đắm :

...Anh ấy đã từng là chồng ta. Nhưng ngọt mười năm nay ta đã sống với Hoan và cuộc hôn nhân được trời và người chấp thuận... Bôn nhập ngũ năm năm mới có lệnh báo tử. Hai năm sau ngày nhận giấy báo tử ta mới lấy Hoan. Chúng ta đã có thằng bé Hạnh. Ta không thể từ bỏ Hoan. Anh ấy là hạnh phúc thật sự của ta...

Người đàn bà ngồi lặng trong bóng tối. Bóng tối phủ đầy căn nhà. Một ai lén tiếng :

– Thắp cho cô ấy cái đèn.

Một cánh tay vuơn qua mặt chị, với chiếc giá nến đặt trên tุ đụng li tách :

– Thắp nến cho nhanh... Không thấy đèn đâu cả... Bà Huyên

đâu nhỉ ?

– Bà ấy ngồi ngoài ngõ. Từ lúc thấy cô Miên về đã đưa thẳng bé đi rồi.

– Cho tôi mượn hộp diêm. Bật lửa của tôi hết đá...

Từ bên kia bàn, Bôn lại cất tiếng gọi :

– Miên !...

Bây giờ, không còn là lời cầu khẩn mà là lời van vỉ. Miên thấy ánh mắt anh nhìn chị ngay cả trong bóng tối. Đó là ánh mắt của kẻ sắp chết đuối giữa dòng :

... Bôn đã từ mặt trận trở về. Đời này qua đời khác, có người đàn bà nào dám quay lưng ngoảnh mặt trước một người chồng từ mặt trận trở về?...

Miên biết một hồn ma quay lại cõi đời ba lần khát sống hơn những người bình thường khác. Người từ mặt trận trở về đương nhiên hưởng đặc ân trong lòng cộng đồng và khi họ lên tiếng đòi phần hạnh phúc, các đối thủ khác không thể cạnh tranh. Hồi nhỏ, Miên đã chứng kiến những cuộc vận động thanh nữ kết hôn với thương phế binh sau cuộc chiến tranh chống Pháp. Lúc đó, chị đang còn ở làng quê cũ, cha chị còn sống và mặt trời còn toả rạng trong mái nhà của họ. Hàng xóm sát kề nhà Miên là một cặp vợ chồng già chuyên nghề đẽo đá. Họ có cô con gái mười chín tuổi tên là Hiền. Hiền là phó bí thư chi đoàn thanh niên khi huyện uỷ phát động phong trào xung phong kết hôn với thương phế binh để đền ơn đáp nghĩa những người có công với tổ quốc cô giơ tay trước tiên.

... Chị sắp làm vợ một thương binh. Gia đình chị sắp được đền ơn đáp nghĩa tổ quốc...

Hiền bao cô bé Miên như thế và hứa hôm làm lễ thành hôn sẽ đưa Miên theo...

... Em sẽ tha hồ xem. Nghe nói hội trường huyện treo đèn kết hoa đẹp lắm. Chị em mình sẽ được đi trên thảm nhung đỏ, nhưng thật chí không phải thử vai láng giả nhung của cô thợ may bên xã Lý Hoà đâu...

Hai chị em cười sung sướng, mơ ngày được bước trên thảm nhung. Hai tuần sau, đúng ngày được thông báo lên huyện nhận chồng, Hiền đã giữ lời hứa dẫn Miên đi theo. Trong xã cũng có vài thanh nữ khác cùng xung phong một lần với Hiền. Họ ăn cơm từ mờ sương rồi dắt díu nhau đi. Khoảng non bảy giờ sáng tất cả đến huyện. Đúng như Hiền đã nói, huyện đường treo đèn lồng kết hoa đỏ. Hành lang giăng từng dây cờ đuôi nheo và các dải phướn ngũ sắc. Gió thổi cờ phướn bay phấp phới khiến huyện đường giống sân đình ngày hội. Những phụ nữ và thanh nữ tình nguyện kết hôn với thương phế binh được mời lên ngồi hàng ghế danh dự nhung đỏ. Lễ tân mặc quần trắng áo dài bụng các khay bánh kẹo và nước trà tới mời từng người. Âm nhạc nổi lên. Sau lễ chào cờ bí thư huyện uỷ đọc một bài diễn văn dài dặc. Cô bé Miên lúc đó nắm chặt trong tay những chiếc kẹo bọc giấy bóng xanh đỏ đeo nỗi chúng chảy nước ra mà không dám bóc ăn. Chẳng hiểu bài diễn văn kia nói gì, nhưng không khí trang trọng lạ lẫm khiến cô sợ hãi. Miên chờ ông bí thư huyện uỷ kết thúc bài diễn văn để bóc kẹo ăn. Nhưng khi ông ta vừa đi xuống bà chủ tịch huyện hội phụ nữ đã bước lên diễn đàn. Bài diễn văn của bà còn dài hơn nữa. Hết bài diễn văn đó, một đoàn thiếu nhi theo tiếng trống kèn tiến vào, mỗi em ôm một bó hoa để tặng những người tình nguyện, họ sắp trở thành vợ mãn đời

của các phế binh. Tiếng trống đậm đập lắc lắc giữa hai hàng cột kết hoa đỏ, vang lên tận vòm trần như muôn khuấy động không gian và làm nao nức lòng quả cảm. Lúc đó, Hiền đưa tay nắm chặt tay Miên. Cô thấy bàn tay người thanh nữ lạnh toát, run run. Khi tiếng trống nhỏ dần, người ta chuyền những chiếc cáng phủ chăn hoa sặc sỡ từ căn phòng phía sau sang sảnh lớn. Các phế binh nằm trên cáng, chìm lút dưới tấm chăn, chỉ nhô lên cái đầu và cặp vai. Một anh nào cũng được thoa phấn hồng và môi tô son đỏ. Bà chủ tịch huyện hội phụ nữ tuyên bố rằng các cán bộ huyện đã nghiên cứu kỹ lưỡng lịch phế binh và những người tình nguyện. Vì thế, việc mai mối sẽ dựa trên các cơ sở chắc chắn và hợp lí tuy lứa tuổi, hoàn cảnh gia đình và tính tình cá nhân.

Đoạn, bà rút trong chiếc túi đết deo bên hông bàng danh sách, sang sàng đọc... Chị Hiền được gả cho một phế binh hơn chị ba tuổi ở cách hai xã. Anh ấy mồ côi nên chị được quyền dồn chồng về nhà mình. Lúc đó, Miên thấy Hiền tái nhợt. Chị đứng túm lại với đám bạn gái. Các chị kia cũng tái nhợt như vậy, người nọ đưa mắt lơ láo nhìn người kia. Một bàn tay Hiền báu chặt lấy cánh tay Miên. Cứ như thế cho tới lúc bà chủ tịch huyện hội đọc :

– Đào Thị Hiền...

Hiền giật bắn lên, không nói được lời nào. Bà chủ tịch tui cuội tiên đèn, dắt tay Hiền tới tận chiếc cáng định mệnh :

– Đây... Người của em đây... Tôi hi vọng em sẽ đèn ơn trả nghĩa người chiến sĩ đã hiến dâng đời mình cho đất nước...

– Dạ... Em vui lòng...

Miên thấy chị lắp bắp đáp lại. Sau đó người ta khiêng cáng lên một chiếc Jeep. Hiền dắt Miên theo. Chiếc Jeep đưa họ về tận làng. Người phế binh đã tháo khớp hai bên háng và cánh tay trái. Tay phải cụt tới nửa cùi trỏ. Anh giờ chiếc cùi trỏ ấy lèn, lúc chạm vào Hiền, lúc chạm vào Miên, thay cho cùi chỉ vuốt ve hoặc tò bậy tình thân thiện. Trên chuyến xe đó, họ mới nói với nhau những lời đầu tiên...

Kỉ niệm tuy xa nhưng chẳng phai mờ. Cho tới ngày cha mất và mấy chị em phải rời làng ra đi Miên thường vẫn sang chơi với Hiền. Người con gái ấy đã chấp nhận cuộc sống lứa dôi theo tinh thần tuẫn đạo :

... Nay Miên, hôm nay anh ấy ăn được hai bát cơm. Khi nào anh ấy ăn thêm được lưng cơm nữa là chị yên tâm. Ông lang bên xã Lý Hoà chiều qua sang chơi thăm bệnh bảo chị rằng cái đó còn nguyên. Mai rày chị cũng kiểm được díra con...

Một lần, Hiền mừng rõ khoe với Miên như thế. Lúc ấy, Miên còn nhỏ, chị chưa thể hiểu tường tận câu chuyện giườm chiếu của Hiền. Sau này, tường tượng tới cảnh ấy, Miên vẫn thường rùng mình xa xót cho người hàng xóm... Bây giờ, chị không ngờ một thứ quả đắng tương tự rơi trúng vào mình :

... Dẫu sao, ta cũng còn may mắn hơn Hiền. Bôn đã từng là chồng ta và anh ấy còn nguyên vẹn chân tay...

Miên hình dung lại cặp mắt mịt mờ của cặp vợ chồng người thợ đẽo đá khi nhìn chiếc băng-ca phủ kín chăn được khiêng vào nhà. Và gương mặt Hiền lúc lật tấm chăn lên :

... Dẫu sao, ta cũng còn may...

Cây giá nến đã được đặt lên nóc tủ đựng li tách. Năm ngọn nến chiếu sáng. Ba gian nhà vẫn lặng như nấm mồ. Miên vặn vẹo hai bàn tay, mặt cúi xuống. Hai bàn tay chị cọ

xát mãi không âm lên được. Gió cũng ngưng lặng ngoài vườn. Sự im lặng như chất nước thuỷ ngân. Không chỉ riêng Miên, đám người xung quanh cũng đờ dẫn. Mãi sau, người đàn ông ngồi bên trong Miên mới đứng lên :

– Anh Bôn này...

Sơ-mi trắng, quần màu cỏ úa. Chiếc cặp da đen dựng sau lưng, sát tay ghê. Miên nhận ra ông chủ tịch xã, nhưng gương mặt mờ nhạt bỗng bèn. Ông ta khác hẳn mọi ngày :

– Anh Bôn này, hãy nghỉ ngơi cho lại sức rồi sẽ định đoạt mọi chuyện. Như tôi đã nói, sau khi nhận giấy báo tử hai năm chị Miên mới lấy chồng. Như thế cũng đã trọn tình trọn nghĩa. Vợ anh không có lỗi.

Một người đàn bà thấp bé đen đùi ngồi trên bỗng vụt đứng lên :

– Vậy ông chủ tịch nói em tôi có lỗi hay sao ? ...

Miên nhận ra Tá, chính kẻ đã than khóc, hờ gọi lên bỗng xuồng trầm như hát. Chính cái giọng eo éo kia mà chị đã từng biết một lần trong quá vãng và đã lãng quên. Thấp bé hơn Bôn nhưng cùng sắc da nâu, cùng kiều mày chữ nhất, lúc này Tá đang giương vây xù lông vẻ như sẵn sàng xả thân để bệnh vực em trai, kẻ nối dõi dòng họ Vũ. Chủ tịch xã vốn hiền lành nhưng cứng cựa, ông ta đưa mắt liếc nhìn người đàn bà nhem nhuốc kia với cái nhìn của kẻ bè trên, phẩy cánh tay như để những lời nói của chị ta không thể chạm vào tấm áo trắng tinh vừa giặt :

– Chị Miên không có lỗi. Anh Bôn cũng không có lỗi. Kẻ duy nhất có lỗi là chiến tranh.

Nói xong, ông quay lại đám đông :

– Bà con ta đến đây thăm anh Bôn như thế là đủ. Xin mọi người ai về nhà nấy để chủ nhân được nghỉ ngơi, trò chuyện. Về phương diện chính quyền xã sẽ thực thi chính sách với anh Bôn như với mọi quân nhân phục viên khác. Hi vọng bà con sẽ giúp đỡ anh Bôn đúng theo tinh thần : Lá lành đùm lá rách và uống nước nhớ nguồn...

Dám người nghe rõ nhưng chưa quay đi. Họ nán ná chờ màn cuối. Màn cuối đã diễn ra đúng tinh thần họ chờ đợi, đúng với truyền thống đã lưu giữ trong trí nhớ trong suy tưởng trong cảm thụ của họ. Chủ tịch xã quay lại phía người vợ, nói với giọng nghiêm trang trịnh trọng vừa xa xôi vừa đầy hậm ý :

– Chính quyền cũng như đảng uỷ xã không can thiệp vào chuyện riêng tư của bất cứ công dân nào. Chị và anh Hoan đều là những người lương thiện, chấp hành đúng mọi pháp luật của nhà nước. Nay, do tình cảnh éo le chị phải đứng trước sự lựa chọn. Chỉ chị mới có quyền quyết định cuộc đời của mình. Chúng tôi hi vọng chị sẽ biết suy xét trước khi đi tới quyết định cuối cùng. Như chị đã thấy, anh Bôn là người trực tiếp gop xương máu cho cuộc chiến tranh chống Mỹ, giải phóng đất nước. Chúng ta có được cuộc sống thanh bình thịnh vượng, đất nước được độc lập tự chủ là nhờ sự đóng góp của những chiến sĩ như anh Bôn.

Dứt lời, ông xách chiếc cặp đen, bước ra.

Dám đồng lục tục đi theo.

Phút chốc ba gian nhà vẫn lặng chỉ còn lại hai người.

Thùa Chút Hương Trời

Truyện ngắn

Đào Vũ Hoài

Một đêm cô gái ra giếng tắm, và từ đây ở đâu thấy bóng dáng cô y rằng đất trời thoang thoảng hương thơm bối rối hồn người. Da thịt cô cũng từ dạo đó trở nên trắng mịn, đôi má cô hưng đỏ ánh hồng, đôi mắt cô lấp lánh làm phai nhạt những ông sao trong trời đêm vô tận; cô gái nhón bước khoan thai như đi trên nhung lụa, ngôn từ thùy mị ai nghe cũng như mê như hoặc; đôi môi cô chẳng cần quyết trầu thắm, mái tóc cô tắm trong nền nhả tơ không cách nào óng á cho bằng. Hương lân đủ hai mươi mấy mái gianh qua đêm bỗng đâu thấu cốt cuộc sống thôn quê cơ cực. Người nông dân nhìn chân tay mình nứt nẻ chai cằn, đầu bù tóc rối chấy rận râm ran; họ tối mặt bởi những lo toan tần mẩn, mót mói num nǎm lấy cuộc sống, truyền kiếp tự dỗ dành một nếp an bần luốc nhuốc như lấm nhu bùn. Thế đấy, ông Tú ạ, cụ Phó tử quan khẽ khà tâm sự cùng cha cô gái, người dân quê đỗ mồ hôi quâu ngón chân trên luống cày, chêt ra ma vân sọ đòi; lòng đố kỵ so bì hon thiệt thổ huyết cho những trói buộc tập quán để được tin vào một định mệnh. Người ta sợ những giấc mơ hão huyền hay quấy nhiễu, lấy đi lòng nhẫn nhục đã được rèn đúc qua bao đời.

Phải, qua đêm người ta vỡ lẽ rằng đích thị cô gái phong tư mỹ tú kia là mặt gương chiếu mộng. Cô đã khiến dân làng dao này hay chép miệng, sầu muộn vô cớ nhìn xa xa những thùa ruộng cắt ngang tầm mắt thâu hẹp màn trời; chính cô mang đến chiêm bao khi người ta thức giấc. Bọn đàn ông ra vào thở dài thườn thượt, bỏ cơm bỏ rượu, sao nhăng việc đồng áng; vụ mùa năm nay có mòn thắt bát. Nói chi bọn mày râu, trẻ ngoài đồng nhác trông thấy bóng cô gái mười thằng y cả mươi đám ngoác để sổng cả trâu. Thằng Lực tuổi hoàng đinh mười bảy hùng hực sức trai, nhà hai mẫu ruộng, nàng nặc đòi u nó trâu cau biện lẽ. Mẹ Noãn nhỏ quết trầu, bảo của ấy rước về đội lên đầu mà thờ. Thằng Lực không nói thêm nửa lời. Nó nỗi lửa đốt đình. Lửa bốc cao ngọn, nó đứng giữa đêm huơ cái rựa, chỉ mặt bọn tuần tráng bảo phen này đứa nào xen vào nó cho biết tay. Tránh voi chẳng sợ xấu mặt, đám trai làng chạy đi gọi lý trưởng. Thằng Lực rượt lão già khốn khổ chạy hết ba quãng đồng. Sáng ngày gà gáy te te một trõ trong thôn thấy lão về đến cổng làng, áo quần ướt lướt mướt, mặt tròn tròn, da mặt vàng nghệ, ngoác mồm nói không ra hơi. Lão bệnh liệt giường có đến hon tuần lẽ. Thằng Lực bỏ làng đi biệt tăm.

Cánh đàn bà con gái trong làng tất nhiên nhìn cô gái thận với giấc mơ lòng; họ căm phẫn nhìn nỗi lòng họ tênh hênh. Họ hùa cả về với nhau; nói sao cho xiết, thôi không ngót lời xúi xiểm, trù rủa cô gái tắm giếng nay biến hình đổi dạng. Ngay đến cô Ba, vợ bé lý trưởng, cũng để tâm hòn uất: dấu trước mặt cô lão già chối phăng mọi lời gièm pha phao phản, đã nhiều lần cô bắt quả tang lão ấy túm tím cười một mình. Cô Ba ngày trước yêu điệu hoa nương, sinh sống bằng ngón nghệ cầm ca ngoài Kẻ Chợ; khi lý trưởng cưới cô về làm lẽ, nhan sắc thanh xuân của cô đã khiến bà Hai xiu lăn ra nhà. Những kẻ lầm điêu rỉ tai nhau, bảo bà Hai đã mấy lần dùng dái lụa đào thắt cổ quyền sinh, may sao cứu kịp. Nhưng giờ đây chính cô Ba đang sống những ngày táo tác, ăn không ngon, ngủ không yên; nom cô gầy rộc hẳn đi. Riêng bà Cả nhìn sự đòi rối rắm lấy làm há dạ, nhưng đó là điêu bà chẳng màng nói ra.

Cho đến cái đêm sáng trăng suông, mụ Liễn lén mò ra giếng quay con ròng rọc mucus tắm gọi, dón dác thế nào quàng phái sợi chão buộc gầu nhào đầu xuống giếng, cha con ông Tú đành dỡ nhà ra ở dưới bãi sông ngoài rìa làng.

Cha con cô gái sống âm thầm từ đây. Những buổi chợ xa, tinh mơ nghe chị em bạn họ rục rịch quang gánh oi ới gọi nhau đằng cổng làng, cô gái mũi lòng nén tiếng thở dài; vào những dịp vui đình đám, gái trai hon hồn rủ nhau trẩy hội làng xa làng gần cũng chẳng ai còn nhớ đến cô. Trong làng mình thằng mồ lấn quấn đi lại túp lều vách nứa xiêu mopez ngoài đất bãi. Người trong làng nhìn mồ bùi mồi; thằng mồ xưa nay tính nết lanh xảo, điêu ngoa ti tiện còn ai lạ gì. Cô gái nhìn mồ hăm hở giúp cô phát nương vùi khoai vun săn, đặt đó đom lò bắt cá giůi tôm, cô ngẫm thương kẻ cùng đinh mang quả tim chất phác hay dè dặt lo sợ. Phần thằng mồ, chỉ cần cô gái nhoèn miệng cười, nó thấy đòi êm đềm như khúc sông hiền hòa langle lảng đem phù sa đắp bãi. Chưa bao giờ mồ biết để mắt ngắm dòng sông quê hương nghĩ đây hình ảnh thảm u của cuộc đời. Thằng mồ thấy một nỗi xao xuyến khôn tả xâm chiếm lòng mình.

Cô gái mồ cõi mẹ từ tấm bé, cha cô đã già. Ông Tú hai mắt kèm nhèm, già sán ông để lại cho con được mồ kinh nghĩa. Rồi việc, cô gái ngồi bên cha khêu bắc ôn chữ cổ nhân. *Quân tử hữu tam hoạn. Vị chí văn hoạn phát đắc văn dã; ký văn chí hoạn phát đắc học dã; ký học chí hoạn phát năng hành dã.* Cô gái chạnh lòng; cô thấy đòi vẫn tệ; người cha già thông suốt lẽ đạo cuối đời chỉ im lặng thở dài, mặc nhận kiếp sống phù du huyền hoặc. Cô gái nghe quả tim són trẻ nhói lên phản kháng. Cô lấy làm tủi hổ bởi niềm rạo rực bất hiếu ấy. Nhưng đây là những điều cô giấu kín trong lòng.

Sông miên miết trôi với nỗi u tịch của riêng nó, cứ thế.

Lâu dần lòng người cũng nguôi ngoai những hiềm khích. Dân làng không nhắc đến cha con cô gái nữa; cũng như hàng cau sân trước, bụi chuối vườn sau, mai

hiên vách chái : người ta biết có đây nhưng chẳng khiến ai bận tâm vuông mắt thì thôi. Một năm hai vụ, cuộc sống xoay vần theo thời tiết, nhọc lòng với nắng mưa trái chúng. Đồng trên cấy vụ chiêm nom trăng tháng Tám thấy đúng đực đở, có quãng, thì xốn ruột lo mất mùa ; mé đồng trũng cấy vụ mùa tháng Mười ngóng hướng đông bắc mong gió bắc gió may. Tháng Hai thiếu mất mùa cà, thiếu tháng Ba mất đỗ ; những năm tháng Tư thiếu ngày nuôi tằm còn non kén tằm rữa ; tháng Bảy lại lo bão lụt, sang tháng Tám hạn hán, rét tháng Chạp táp mạ.

Qua cốc vụ hoa bí đỏ trên giàn, hoa bầu trăng xoa ; xứ thử thị méo trôn đở da ít hột, mít tròn chom chóm nây đều nhiều múi ít xo.

Ngày tháng lặng lẽ qua, người ta tưởng chừng đã quên.

Vào tiết tiểu mãn năm nay đã thấy làng tảng những ngày oi bức. Lúa ruộng chiêm cuối mang chung gặt một trăng nữa thì xong. Làng thôn rộn rã mùa com mới, sang canh tư vẫn vang vọng tiếng chày ba nhịp nhàng. Chọn ngày lành, dân làng cử lễ tạ tội chư vị thánh thần cùng tổ tiên, đón các hiệp thợ về làng thi công trùng tu ngôi đình. Làng bắt vụ, mẹ Noãn buộc lòng đom quai hai trâu, lại còn lợn gà nếp đỗ hoa quả. Dịp đó người ta rước sắc phong thần phả long trọng lấm, các vùng lân cận đổ về xem. Người ta cầu xin một cuộc sống an bình. Trăng tháng Tư hứa hẹn một vụ mùa lấm thé.

Sông vẫn trôi với dòng thao thức của riêng nó, cứ thế.

Nhung đất trời chợt im bặt và vạn vật nín thở từ một đêm : dưới mé sông nghe thánh thót tiếng cô gái hát. Người ngưng tay giã, kẻ thức giấc trăn trở ; lòng người tắt thấy lung lạc. Canh khuya xao xác, nghe như có con dông đã về ở cuối trời. Hát rằng :

*Thùa chút hương trời ta bắt được
Ta đi trên một dải thiên ngân
Rắc nhẹ phấn thơm, thơm từng bước
Ngoạn du thêm đẹp giác dương trần*

*Trăng với nước phù trầm đãy bóng
Lặng yên mơ về cõi thanh tâm
Lắm cuộc gian truân
Nhiều khê vạn dặm
Lạ nhỉ, dương đài trăng ngã sóng
Ta mơ thấy cánh hạc cung đàn*

Tiếng hát là đà trong đêm tĩnh lặng, là lướt trêu bóng con trăng khuyết một luỗi xanh muốt dập dềnh trên nước, rồi chợt bay vút lên trong không trung, bộc phá trời khuya vỡ vụn ra muôn vàn tinh tú. Và từ trời cao thăm thẳm dư âm lấp lánh châu sa, li ti vô số vô hạn, trùng trùng rơi rắc trên thôn ấp, trên bát ngát đồng chiêm ngai ngái hương rạ. Tiếng hát xào xạc xô ngọn tre, trâu nghé trong chuồng đánh sừng cành cách vào thanh chấn. Hấp hối tằm đỗ cỗ ăn rỗi, vi vu hương ổi hương cau. Lặng nghe con tạo quẩn mình sinh nở.

Thằng mõ ngồi thu lu trong đám sậy, tim giật thót mỗi khi cô gái vục tay hắt ánh trăng uột lên vai trần. Lại hát rằng :

*Giật mình chợt tỉnh giấc mai
Hồi ai đã biết thương ai gió câm
Bạc đời vương mối đan tâm
Ngóng trông đãi môi ngọc trầm thở than
Diễn trì kiếp mọn hương quan
Tiếc trời bể rộng, quan san tít mù
Tiếc hôn lâng tử vân du
Thanh phong vùi chốn khuê tư nao nùng
Phù sinh một cuộc mông lung
Lâng lâng dạ khúc vô chung nát lòng*

Nỗi tâm trường mỹ từ cao xa mõ không hiểu, và chẳng thanh âm nức nở khiến mõ nghênh ngác. Thằng mõ đưa tay áo quệt nước mắt, cuộc đời nó tủi nhục khổ khốn khó đã nhiều, nhưng mối thương lòng cô gái đang tỏ bày đây nhẹ nhàng vô định mà sao ray rút đau đớn thế. Mõ mõ cho cô gái giác mõ sân gạch cõi đá, chiều miến chấn điểu : ở đây mõ vỗ ngực xung ông chứ không ai gọi mõ là thằng. Con trăng khuyết đêm nay diệu kỳ, to tát quá. Và hương thơm từ da thịt cô gái cứ tỏa lan ngây ngất hồn người.

Trong túp lều vách nứa ông Tú trở mình trên chông tre, ruột đứt khúc xót thương đứa con gái phận trớ trêu.

Hạ qua, vào tiết bạch lộ mát trời. Buổi tinh mơ hơi sương tờ mờ đất, nghe trong gió có hương rừng hoang dã. Chiều xuống xanh êm như tiếng hát bé gái ru em; biêng biếc cánh diều đơn côi căng mình đón đầu ngọn gió. Người ta nhớ năm đó vào năm Ất Hợi (1875), Tôn Thất Thuyết đã dẹp yên giặc Hoàng Sùng Anh hon một thập kỷ qua quấy rối mạn trung du. Lưu Vĩnh Phúc và đồng bọn đã về hàng từ mấy năm trước, năm Quý Dậu (1873) theo cánh quân của Hoàng Tá Viêm phục binh ở Cầu Giấy đánh ngoại xâm. Nhưng thái độ nghị hòa của triều đình khiến văn thân sĩ phu trong nước nẫu ruột bầy gan, và sau hiệp ước năm Giáp Tuất (1874) càng loạn lạc khắp nơi. Người vùng lèn khởi nghĩa, kẻ làm giặc. Mạn thượng du thổi phì tràn sang cướp phá, đằng trong thực dân mưu đồ đánh chiếm lại Bắc Kỳ bằng được. Hoàng Sùng Anh cũng không về thần phục triều đình ; người ta bảo dư đảng của y một số tản mát lên mạn ngược, một nhóm theo người con trai xuôi miền bắc nguyên. Huyện súc trát về làng lệnh cho ban Hội Tề tổ chức hương tuần chặt chẽ.

Buổi chiều hôm ấy khi rằng tre cuối làng cháy rực ráng đỏ, quan huyện úy xuống ngựa truyền quân xích chàng thanh niên lại. Lý trưởng dẫn đầu hương chức cùng các bậc kỳ lão khum núm ra đón rước. Hương quán cắt cử đinh tráng luân phiến canh giữ phạm nhân. Ban hương lê quát tháo huy động dân làng quét gian tiền tế soạn mâm chén. Đêm nay quan dùng chân nghỉ chốn này ; cũng còn đến độ ngày đường mới về đến huyện. Quan cõi đai bỏ trụ, mệt mỏi ngồi xuống chiếu.

Râu tóc ông râm bạc một đời từng trải, áo ông phai bạc gió bụi ; guom trong tầm tay, đôi mắt ông quắc sáng tinh anh quan sát bốn bề. Ông từ tốn nhấp chén, đường không để ý đến lý trưởng đang xăng xá bên ông hâu rượu. Những suy tư rã rượi trong lòng quan đồn cả vào người tù cổ mang trăng chân đóng trong ngôi ở sân đình. Toán dân canh đốt đuốc cháy bùng bùng ; ánh lửa tỏa sáng sầm cảnh chiêu hôm, khiến cái trăng non chéch ngọn đa nhạt vắng. Chàng thanh niên dáng mạo tuấn tú, mắt long lanh điềm mạc, áo rách phanh khuy, *Thái Bình Thiên Quốc* xăm trên ngực. Dân làng nô nức ra xem tù. Quan sai người mang com nắm muối vừng cho chàng thanh niên.

Com nước khuýnh khoáng qua bùa, quan huyện úy ra đứng ở tam cấp ngoài hiên đình. Rệu rã ông ngẩng mặt ngắm con trăng lìa ngọn đa : một chốc nữa thôi trăng kia sẽ lờ lửng giữa mènh mông một trời. Lửa cảnh vệ nướng gió hung hăn đầy bung màn đêm ra mé đồng. Lý trưởng hai tay bâng khay rượu ngọn lom khom theo bước quan huyện úy. Rượu làng ta ngon đây, quan khen. Lý trưởng còng lung sung sướng, miệng bẩm quan quá lời. Trăng trên cao lé loi một thân nó một vắng khi tỏ khi nhòe. Một nỗi không hoãn choáng ngợp lòng, quan thấy ngực trĩu nặng. Kém ăn mất ngủ đã lâu, ông mang lá gan trung liệt làm tròn bốn phân trên những nẻo đường thảm đậm. Nguy cơ mất nước ngày một gần, vua tôi không thuận lòng hợp ý. Vâng lệnh triều đình Hoàng Tá Viêm đã phải triệt binh về Sơn Tây, Truong Quang Đản cầm quân ở Bắc Ninh đợi sắc mệnh. Quan huyện úy thở dài chua xót : triều đình chủ trương hòa nhượng, dâng đất cho giặc để cầu an. Mới năm ngoái đây, từ chín bệ lại điều binh cử tướng ra đòn áp cuộc khởi nghĩa của văn nhân sĩ phu yêu nước. Quan huyện úy cầm lấy chén và chiếc be sứ, bảo lý trưởng lui vào. Tự tay ông rót rượu đưa kề miệng tội phạm. Bấy giờ trống điểm canh hai. Gió khuya nhẹ xé mỏng lá tre. Chợt ngoài bãi sông nghe tiếng hát. Hát rằng :

*Hôn viễn chinh thương khóc nước non nhà
Gió heo may chẳng mưa thời cũng bão
Cắt cuộc binh đao
Can chi dứt áo
Thổn thức canh khuya trống gióng noi thôn dã
Đạm nhiên sao đặng thân cõi rã rục đau
Trăng kia xé nứa mái gianh nghèo
Đảm phụ triều cương vận eo uột
Ruột mất vỏ còn
Lối mòn lắt léo
Còn bao phen gió thốc sương gieo*

Quan huyện úy sững hồn ; chén rượu trên tay run run, ông té tái nhãm nghiên mắt nghe sóng sánh lời tri tâm. Người tù mang gông khẽ cựa mình, ngoảnh mặt trông về trời phương bắc xa xăm chỉ thấy đêm đen nặng trĩ hai vai. Lý trưởng te te chạy đến đợi quan sai bảo. Đám lương dân chặn rộn đứng lại ngồi. Tre trong lũy

trầm dũng reo với gió, phong hoa có hàng cau sân trước vịnh trăng trong âm vực của thính không.

Khi người ta điệu cô gái đến trình quan hương thơm tỏa lan ngây ngất sân đình ; hương sức nức giăng trên mái ngói rồng cháu ngọc, quyện quanh nghê đá hạc đồng, ủ trong thó gỗ mun bóng nhẫy. Phùng phục hơi lửa ngọt ngào hương quê hương trầm. Không ai để ý trên cao con trăng tỏ rạng. Đôi mắt cô gái nuốt thun thút ánh lửa, tóc cô buông mượt mà, đèn nhanh nhánh như câu thề ước ; cô bước khẽ kháng, thanh khiết tựa những con múa hứa hẹn đông bão chuyển mùa. Từ xa cô đã không rời ánh mắt tội phạm. Chàng thanh niên đau xót nhận ra trong tim mình bấy lâu có cái chết chí thống đi cùng : nó mang diện cụ trá hình, ẩn sâu bên trong niềm khuếch phản. Chàng hiểu, phụ sinh có nỗi tuyệt vọng bám lấy cái chết như hình với bóng. Phần cô gái, cô giật mình thầm nhu lòng ; cô đã nhìn kia cuộc sống sương cư tựa loài hung điểu biết nhái tiếng người. Trong một nhoáng trăng phân rồi đôi trai gái biết mình yêu nhau. Đêm thơm có cánh hạc lè bạn âm thầm trở canh. Họ im lặng nhìn nhau như thế, đôi trai gái ấy ; họ biết đâu quan huyện úy bao dung ngầm mắng trăng. Rượu về khuya sùi tăm thảm trắc, chẳng ai để mắt con trăng ngả hôn say với quan. Nào ai hiểu lòng quan huyện úy đang sôi sục ngóng trông về miền châu thổ hướng tây bắc, tai nghe khí thiêng qua muôn dặm trùng trùng.

Gà gáy dứt canh đứng cỏng làng còn nom thấy bóng quan quân lờ mờ trong hoi nước cuối cánh đồng. Ngoài mé sông kẻ đi đăng bì bõm nước lội đến ngực ; ở đầu làng người háo hức nhắc nhau đi sớm, phiền chợ bến Ló bao giờ cũng đông vui. Lanh láng khướu hót trong lũy tre. Tinh mơ se lạnh bén như chỉ cắt, đằng đông hanh hành phấn hồng. Trẻ con dòng trâu ra đồng để mặc trâu ăn cỏ, tụ năm tụ bảy nhóm lửa sưởi với nhau đợi khoai lùi.

Ông Tú chong đèn đợi con không thấy cô gái về.

Tương truyền nửa đường quan thả tù rồi thúc quân đi ngược con sông Đuống.

Đào Vũ Hoài

Diễn Đàn Forum

Direcuteur de publication: Nguyễn Quang Đỗ

Imprimé par Point Concept (Vitry-sur-Seine)

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước : xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)